

Tác Giả và Tác Phẩm

Văn Quang (I)

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Quang Tuyến

Tác phẩm

Nguyệt Áo Đỏ, Chân Trời Tím.



Nhà Văn Văn Quang (Tranh Đình Cường)

tranh Đình Cường

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Gió O phòng vấn nhà văn Văn Quang – 3
Những khoảnh khắc với Thanh Tâm Tuyền – 10
Thanh Nam trong hoài niệm – 12
Kỷ niệm về nhà văn Văn Quang - Nguyễn Triệu Nam – 15
Văn Quang với những người muôn năm cù – Nguyễn Mạnh Trinh – 17
Phạm Huấn phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi - 22
Lê Xuyên và những ngày cuối đời – 26

Phụ đính :

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn – 29
Vài kỷ niệm với đạo diễn phim “Chân trời tím” - 33
Tạ Ty, vườn xưa đã khép - 40
Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn - 44
Đi tìm ông nặn tượng - 47
Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn - 52
Tưởng niệm Hà Thượng Nhân - 56
Ký giả Huyền Vũ với người Sài Gòn - 59
Nhà văn Lê Xuyên những ngày cuối đời - 64

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Trước năm 1975, nhà văn Văn Quang không phải là một cái tên xa lạ. Văn Quang tên thật là Nguyễn Quang Tuyến, sinh năm 1933 tại Thái Bình.

Năm 1953, động viên gia nhập Quân Đội Quốc Gia, phục vụ trong nhiều đơn vị tác chiến tại miền Bắc trước hiệp định Geneve năm 1954.

Từ năm 1957, chuyển sang ngành Tâm Lý Chiến với nhiệm vụ Trưởng Phòng Báo Chí Quân Đội thuộc Cục Tâm Lý Chiến, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH và là Trưởng Ban Biên Tập của các tờ báo Quân Đội VNCH thời đó.

Từ năm 1969 cho đến 30/4/1975, là Quản Đốc đài Phát Thanh Quân Đội, cấp bậc Trung Tá. Tác phẩm đầu tay của Văn Quang là "Tiếng Tơ Lòng" được đăng trên nhật báo Than Dân, Hà Nội cuối năm 1953 và tác phẩm thứ nhì là tập truyện ngắn Thùy Dương Trang do Lạc Việt xuất bản tại Sài Gòn năm 1957.

Từ đó cho đến 30/4/1975, Văn Quang cộng tác thường xuyên với nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí tại Sài Gòn như Ngôn Luận, Chính Luận, Tiếng Chuông, Tin Sớm, Tiếng Vang, Kịch Ảnh, Truyện Phim, Điện Ảnh, Văn Nghệ, Tiền Phong, Bách Khoa, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiểu Thuyết Tuần San... Trong khoảng thời gian này, Văn Quang hoàn thành hơn 50 tác phẩm in trên các báo và đã có 28 tác phẩm được xuất bản. Các tác phẩm của ông hầu hết là truyện dài, trong số có những tác phẩm từng gây sôi nổi một thời trong giới độc giả trẻ như "Nét Môi Cuồng Vọng", "Nguyệt Áo Đỏ", "Người yêu Của Lính"... và đặc biệt đã có 4 tác phẩm được chuyển thành phim từ 1962 đến 1972 là "Ngàn Năm Mây Bay", "Chân Trời Tím", "Đời Chưa Trang Điểm", "Tiếng Hát Học Trò".

Các tác phẩm của Văn Quang có thể phân thành 4 nhóm đề tài: mô tả cuộc sống tuổi trẻ, phản ánh đời sống quân ngũ, phản ánh thực đời sống thời chiến và những chiêm nghiệm lẽ đời thời thượng lộ lã thuộc nhiều lãnh vực sinh hoạt, đặc biệt là các giới làm nghệ thuật.

Sau 30/4/1975, cũng như mọi sĩ quan quân lực VNCH khác, Văn Quang bị đưa qua nhiều trại tù từ miền Nam tới miền Bắc trong thời gian dài hơn 12 năm. Tháng 9 năm 1987, được thả ra khỏi trại tù, Văn Quang trở về Sài Gòn và từ chối ra đi theo diện HO, quyết định tiếp tục ở lại Việt Nam. Năm 1990, Văn Quang bắt đầu trở lại với việc sáng tác văn nghệ và "Ngã Tư Hoàng Hôn" là tác phẩm đầu tiên được hoàn thành sau nhiều năm bị "treo bút". Tác phẩm này, đã được một số thân hữu của nhà Văn Quang tổ chức ra mắt tại Thung Lũng Hoa Vàng vào ngày 21/10/2001 vừa qua. (Trích phần giới thiệu về tác giả trong "Ngã Tư Hoàng Hôn")

Từ năm 1992 tới nay Văn Quang là cộng tác viên thường xuyên của nhiều tờ báo Việt ngữ tại hải ngoại như báo Chiêu Dương tại Australia, báo Người Việt, Thời Luận của nhà văn Đỗ Tiến Đức tại Nam California và Tiếng Vang, tại Sacramento... Riêng tại San Jose, thì Văn Quang chưa cộng tác chính thức với một tờ báo Việt ngữ nào trong. Thịnh thoảng, độc giả được đọc một vài bài viết của Văn Quang trên nhật báo Việt Mercury. Độc giả San Jose, cũng còn được đọc bài viết kêu cứu của Văn Quang về "con gái của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ", hay đề cập tới hoàn cảnh khó khăn, nguy ngập của "Chú Tư Cầu" nhà văn, nhà báo Lê Xuyên.

Gió O phỏng vấn nhà văn Văn Quang Lê thị Huệ

Lê Thị Huệ: Ông có thể mô tả cho độc giả gio-o nghe về nơi chốn ông đang làm việc. Có máy computer, có internet, có cây xanh đất đỏ mùi quê, cảm xúc cô độc và không cô độc ?

Văn Quang: Trước khi quyết định chọn một nơi nào đó làm chỗ sinh sống, chắc chắn người nào cũng phải cân nhắc xem nơi đó có những điều kiện gì, có thích hợp với cuộc sống và công việc của mình không. Tôi cũng phải làm như thế. Khi tôi đến Lộc Ninh, được dẫn vào một khu nhà vườn cách thị trấn 3 cây số, ở đây đã có điện, nước, có đường truyền internet rồi. Đó là 3 điều kiện đáp ứng được nhu cầu của tôi. Thứ đến là điều kiện an ninh như thế nào. Sau cùng là khung cảnh yên tĩnh, bởi nơi này một nửa là thôn ấp, một nửa là vùng đồi núi. Song, tất cả lại phải tùy thuộc vào giá cả. Vậy nên nó trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu. Tôi đã đi xem đất ở một số thị trấn như Long Khánh, Chơn Thành... cuối cùng kết luận là không nơi nào có giá đất vườn rẻ hơn Lộc Ninh.

Ở ngay thị trấn LN, giá đất khá cao, tôi lui vào xã Lộc Thái, một nơi "nhà không số, phố không tên". Tuy nhiên đã có sẵn con đường làng, trải nhựa, dẫn vào tận nhà, có đèn đường, có điện, xài nước giếng khoan. Đường truyền internet hồi đó là dial up chạy tành tạch, chậm, nhưng vẫn có thể làm việc được. Cách đây một năm mới có đường dây ADSL khá nhanh, nhưng có lẽ chỉ mắc đến xã của tôi ở là xa nhất so với khu trung tâm thị trấn.

Căn nhà vườn này của người chủ cũ, trồng tiêu lâu ngày, nay con cái lớn nên muốn về Sài Gòn cho con đi học. Vả lại trồng tiêu cũng không còn có lời như xưa nữa nên họ bán lại toàn bộ diện tích nhà vườn với 5.400m². Trong đó có sẵn một số cây ăn trái, một cái nhà gỗ, dụng cụ làm vườn, bơm nước... Nếu mua có thể ở và khai thác ngay. Giá cả lại rất rẻ. Tất cả 165 triệu đồng VN (10 ngàn USD).

Đến nay, giá đất ở thôn xã này cũng không đắt hơn bao nhiêu. Nhưng theo tôi biết, giá đất vườn ở đây rẻ hơn tất cả những nơi khác. Nếu Gio-O muốn mua, hoặc bất cứ độc giả nào muốn mua, tôi xin tìm giùm, cam đoan không biết làm "cò", không mất hoa hồng, tôi chỉ muốn thông báo tin này và muốn có thêm hàng xóm cũng như mình. Tuy nhiên cũng cần nói thêm là nơi này chỉ thích hợp cho những vị muốn "dưỡng già", muốn tìm một chỗ yên tĩnh, an ninh, thanh thoi. Hầu như không thể làm ăn buôn bán gì được. Nhưng nhà vườn thì không bao giờ chết đói và cũng chẳng bao giờ giàu được. Cuộc sống thanh đạm, yên bình.

Lộc Ninh là một thị trấn bị bao vây bởi những lô cao su từ xa xưa, hiện nay chưa phát triển được hoặc không thể phát triển được, nên cũng rất ít tệ nạn xã hội. Không thể nói không có trộm cắp, nhưng rất ít và cũng không có những vụ thanh toán ly kỳ. Hơn 2 năm nay, tôi chưa hề thấy một vụ "trần lột" giữa đường nào như ở các thị trấn phát triển ở ạt khác. Cứ 7 giờ tối là con đường trước mặt nhà tôi không còn ai qua lại, không một tiếng xe, không một tiếng người.

Khoảng 9 giờ tối là thôn xóm vắng ngắt, mọi nhà tắt đèn ngủ sớm, cứ như khuya khoắt lắm rồi, chỉ có những ngọn đèn đường còn thức với những vườn cây, ao cá um tùm ngút ngàn.

Nghe thì có vẻ như xa lắm, nhưng thật ra Lộc Ninh cách Sài Gòn 123 cây số - vừa bằng đường ra Vũng Tàu. Nếu đường sửa xong, đi xe hơi chỉ mất khoảng 2 giờ. Hiện nay, Quốc lộ 13 đang sửa nên từ Sài Gòn đi, khoảng 3 tiếng là đến nơi.

Có 2 lý do chính tôi chọn Lộc Ninh

Thứ nhất: Ngoài yếu tố tất nhiên là giá đất rất rẻ như tôi đã nói ở trên. Với số tuổi của tôi, không còn thích hợp với đời sống ở thành phố nữa. Cái chung cư tôi ở Sài Gòn, như cái tổ chim, suốt ngày ồn ào, ngột ngạt, ô nhiễm nặng nề. Làm việc chừng vài tiếng đã thấy mỏi mệt, rã rời, đầu nhức, mắt hoa. Thuốc nhức đầu, cảm cúm như cơm bữa đối với tôi. Do đó tôi quyết định phải chọn một vùng quê yên tĩnh cho cuối đời. Cái khúc quanh này trong cuộc sống quả là có khó khăn, quyết định thực hiện được với mỗi người không dễ dàng. Song tôi vẫn phải cố gắng vượt qua nó như đã từng vượt qua những khó khăn hơn thế. Lần này thì dễ dàng hơn vì nhà chỉ có 2 người, bàn bạc với nhau là xong. Tôi cũng xin nói thêm là nhờ bạn bè giúp đỡ khá nhiều, con cháu tôi cũng góp phần cho tôi có đủ điều kiện thực hiện ước muốn. “Rách” như ông Hoàng Ngọc Liên hồi đó cũng “khuyến khích” tôi bằng 1000 USD, bố con ông Tạ Quang Khôi, Vũ Đức Vinh, Hà Túc Đạo, Nhất Giang, Vi Túy, Hồ Ông, Lê Thị Kim, Bạch Quyên, Hồng Oanh cũng góp phần không nhỏ cho tôi “về nhà mới”. Hầu như tất cả những tiện nghi trong nhà tôi ở đây đều do bạn bè tặng.

Thứ hai: Tôi vẫn nghĩ: một nhà văn, nhà báo, phải biết “làm mới mình”. Ở thành phố mãi, đề tài quen thuộc sẽ cùn dần. Quay đi quay lại “nó vẫn thế”. Về nhà quê, có lẽ là cách tốt nhất để “làm mới” mình. Nơi này từ năm 1972, người dân Lộc Ninh đã sống trong vùng được gọi là “giải phóng”, nói thẳng ra là họ sống trong vùng của miền Bắc kiểm soát nhiều hơn, dưới cái tên “Mặt trận Giải Phóng miền Nam”. Bên cạnh đó là chiến trường đẫm máu An Lộc, Bình Long năm 75 và những vùng nghèo khó, giáp ranh biên giới Campuchia... Tôi có thể tìm hiểu được thực chất đời sống cùng tâm tư của họ. Người dân quê đã mất gì, được gì, từ năm 1975 đến nay? Đích thực họ nghĩ gì, làm gì, hy vọng gì? Những biến chuyển sâu sắc nhất trong từng gia đình như thế nào? Từ đó so sánh với cuộc sống ở những thành phố, từ đó tìm biết được những mảnh đời khác với những gì tôi đã biết. Từ đó cho tôi một cái nhìn sâu hơn, xa hơn, thật hơn, về toàn bộ những gì dân tộc mình qua những triều đại mà tôi đã sống.

Còn nói về sự cô đơn: Phải thú nhận rằng đôi khi cũng cảm thấy thiếu trò giải trí chứ chưa hẳn là cô đơn. Ở đây không có một thú vui nào, không có một phòng trà ca nhạc, không có một tiệm karaoke và cũng chẳng có một quán cà phê có nhiều “bóng hồng chiều chuộng”. Hàng xóm toàn là những ông già, chất phác, chân thật, năm thì mười họa mới sang nhà nhau một lần. Đôi khi gặp nhau trong một đám hiếu hỷ, chuyện trò rôm rả, nhưng toàn là thứ chuyện mình mù tịt. Ngồi im mà học cách họ chăm bón cây ăn trái, mỗi cây có một cách chăm sóc riêng. Muốn có một cây đu đủ đực thì phải làm thế nào. Muốn dưa ngọt thì phải làm gì... Đại khái như thế.

Tuy nhiên, đôi khi lại thấy thích thú vì sự cô đơn ấy. Được “tự do” suy nghĩ cả buổi mà không ai thêm nói với mình câu nào. Và để làm dịu bớt cô đơn, nhớ bạn bè hoặc có bạn bè, con cái từ nước ngoài về thăm, tặng quà cho anh em TPB VNCH thì lại lên xe đò về Sài Gòn một vài ngày, hoặc nếu muốn, có thể sáng đi chiều về cũng chẳng sao. Ở đây có loại xe đưa đón tận nhà, giá chỉ có 50 ngàn đồng VN một lượt. Hoặc ngồi buồn, gọi điện thoại qua internet nói chuyện với các ông bạn ở Mỹ, ở Canada, ở Úc... nhanh như điện thoại di động, rõ và rẻ hơn di động. 60 ngàn đồng VN, nói chuyện được 200 phút. Có khi cả tháng tôi chưa dùng hết một card điện thoại internet. Trong hơn 2 năm qua, bạn bè và con cháu tôi từ nước ngoài về VN, lên chơi

Lộc Ninh cũng khá nhiều. Như thế thì không còn cô đơn nữa và luôn quyết định được thời gian của mình.

Tôi nghĩ “quỹ thời gian” của mình cũng chẳng còn nhiều. Một người bạn tôi, anh Nguyễn Đình Toàn, từ Cali về chơi, nói đùa “nhà này chỉ còn thiếu bốn chữ “Văn Quang chi mộ” nữa là hoàn hảo. Tôi nghĩ ngày đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vui vẻ chấp nhận nó với cuộc sống hiện tại.



Lê Thị Huệ: Tại sao ông lại chọn lối viết "Lắm Cắm Sài Gòn Thiên Hạ Sự" . Qua cách viết này, ông viết rất sung sức, rất khoẻ, rất bén nhạy. Tại sao ông không chọn lối sáng tác tiểu thuyết như trước 1975

Văn Quang: Về câu hỏi thứ hai, tôi chọn lối viết “lắm cắm Sài Gòn thiên hạ sự” bởi mỗi đề tài, tôi chọn một lối viết khác để độc giả dễ dàng chia sẻ những cảm xúc, những ý tưởng của mình. Trước đây tôi cũng thường viết nhiều loại. Tiểu thuyết, tiểu thuyết phóng sự, phóng sự, truyện ngắn. Tiểu thuyết để diễn tả những đề tài về nội tâm, sâu sắc hơn, về tính thời đại chứ không phải thời sự. Tính thời đại có thể nói về những sự việc, những tâm trạng, những hình ảnh cách đó 5- 10 năm. Nhưng thời sự thì chỉ diễn tả những sự kiện xảy ra gần nhất trong tuần hoặc trong tháng.

“Lắm cắm” là một lối viết có tính thời sự. Bởi tính cách “đặc thù” của thời hiện tại nơi tôi đang sống, nên buộc phải viết theo một cách nào đó để không bị gây phiền lụy. Tôi “xông” vào những đề tài xã hội “nóng” nhất, có tính điển hình nhất mà người dân đang chú ý. Một nhu cầu khác nữa là hướng đến độc giả hải ngoại, đang quan tâm tới điều gì? Nói cho rõ hơn, Việt kiều của chúng ta đang muốn biết điều gì đang xảy ra tại quê hương mình. Chắc ai cũng muốn có những thông tin chính xác, không bị vo tròn bóp méo bởi bất cứ lý do nào, đôi khi chỉ là sự “tam sao thất bản” nên thông tin thiếu độ trung thực. Tôi chọn lọc những sự kiện ấy, tìm kiếm thông tin chi tiết và làm thế nào càng chính xác được càng tốt. Nó không phải là một bản tin thuần túy mà đưa vào những nhận định, quan điểm của riêng mình như một lời bàn bạc, nói chuyện với độc giả một cách bình thường chứ không là lý luận. Từ đó bạn đọc có thể hiểu rõ vấn đề hơn và có thể suy luận, nhận định riêng. Do đó, người ở xa quê hương, vẫn có thể biết rõ những sự việc xảy ra tại quê nhà.

Tuy nhiên như chị đã thấy, “lắm cắm Sài Gòn” không chỉ là những chuyện lắm cắm. Nó có cả những mặt trái, mặt phải của xã hội, chuyện khôi hài và chuyện đau thương, những bản tường trình thẳng thắn vượt qua mọi áp lực. Miễn là chuyện xảy ra có thật. Cái nhìn xoáy về phía sau những sự việc đã và đang xảy ra chứ không phải chỉ có “bề mặt” sự việc, tôi nghĩ đó mới thực sự cần thiết cho bạn đọc ở nước ngoài vốn không có nhiều thì giờ theo dõi.

Tóm lại, “lắm cắm Sài Gòn thiên hạ sự”, nếu tổng kết lại, nó sẽ là một bức tranh toàn cảnh của xã hội tôi đang sống. Nó phản ánh được trung thực mọi vấn đề ở bề mặt đời sống của người dân thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội. Từ một anh nông dân “lừa được cả nước” đến một đại gia lương thiện và bất lương, từ lớp thanh niên đến các quan chức, từ cô gái tỉnh lẻ đến các cô gái chân dài thành thị. Từ nỗi đau thương cơ cực của “những người bị bỏ quên” như anh em thương phế binh VNCH đến những cảnh trác táng cùng cực, hoang phí vô cùng của lớp người

ăn trên ngòai trước... Cái khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, những điều phi lý bất công, những điều cần nói mà người dân không nói được...

Tất nhiên, trong hoàn cảnh của tôi, có những hạn chế mà ai cũng hiểu được. Cho nên viết và “lách” vẫn là điều phải nghĩ tới. Tôi làm cái gì mà luật không cho phép cũng không cấm. Tôi làm với lương tâm của một người cầm bút. Dù ở đây chẳng ai công nhận, tôi vẫn là người cầm bút. Người làm báo có thể làm báo, nhưng tôi chẳng có gì ngoài những tìm tòi của mình, tự mình lựa chọn thông tin. Còn những “rủi ro” bao giờ tới và tới lúc nào, đành chấp nhận như một số phận an bài. Nếu cứ nghĩ tới những thứ đó thì chẳng làm được việc gì đáng làm. Tôi không tham gia bất kỳ tổ chức nào, tôi không thích “làm chính trị” như bản tính tôi từ xưa tới nay. Tôi chỉ biết cầm bút, đọc lập và hành xử theo tiếng gọi của lương tri.

Mặt khác, tôi cũng không quên viết tiểu thuyết hoặc tiểu thuyết phóng sự. Tiểu thuyết tôi dành cho những đề tài thuộc về tâm tư, tình cảm sâu sắc hơn. Như “chân trời tím” trước những năm 75 và sau khi đi tù cải tạo về, tôi đã hoàn thành “Ngã tư hoàng hôn” vào năm 1990. Đó là một thời kỳ “nửa đóng nửa mở” cánh cửa sắt. Hoặc trước kia, phóng sự tiểu thuyết “những ngày hoa mộng” đăng trên báo Kịch Ảnh, “Sài Gòn tốc” đăng trên nhật báo Chính Luận những năm 60-70. Gần đây nhất là tiểu thuyết phóng sự “Lên đời” về “mặt nổi” những khung cảnh nháo nhác giữa Sài Gòn - Hà Nội của cái cảnh “đổi đời” rất đặc trưng của những nhà “tư sản mới” trong xã hội Việt Nam. Nó được hình thành như thế nào, bắt đầu từ đâu và sự cấu kết “thâm cung bí sử” cùng với cánh giang hồ khét tiếng một thời. Tôi nghĩ đó cũng là hình ảnh sống động nhất của một giai đoạn lịch sử trong xã hội Việt Nam. Đó là “thiên chức” của người cầm bút, chứ không phải viết lia viết lịa, viết “văng tê bạt mạng” mà chẳng nói được điều gì đáng nói.

Có những đề tài trong phạm vi cuộc sống tâm tư, tình cảm của những thành thị cũng như nông thôn, tôi dành để viết tiểu thuyết. Như một cô gái tình lẻ trong thời đại này đã và đang sống như thế nào, ước vọng thầm kín nhất của họ là gì? Tiến tới một “xã hội công bằng giàu đẹp” như khẩu hiệu hay một cái gì khác? Lớp “đại gia” và lớp nông dân khác nhau như thế nào? Cái khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ước chừng bao xa? Nền kinh tế phát triển mang lại lợi ích thiết thực gì cho mọi con người. Cái gì đang phá sản và cái mới đang hình thành trong con người như thế nào? Trước hết phải là trong tận cùng ý thức, nó có tính quyết định cho toàn xã hội. Nếu không mọi sự chỉ là giả tạo. Vấn đề khá tế nhị và sâu sắc nên tôi viết tiểu thuyết hoặc tiểu thuyết phóng sự là thích hợp. Thật ra đề tài tôi đang hướng tới là sự tiếp nối của “lên đời”, nhưng chú trọng vào chiều sâu. Nhiều độc giả cho tôi biết “lên đời” vẫn còn thiếu một cái gì đó, chưa tròn vai. Nhận xét đó rất đúng. Đó cũng là dụng ý của tôi. Một cuốn truyện đã lên tới 100 kỳ, hơn 1500 trang A4, đã là quá dài. Đề tài sẽ tiếp tục dưới một dạng khác. Có thể ví von như “Lên Đời” chỉ là cái áo mới của cô dâu, cái “mặt nổi” của thời cuộc. Tiểu thuyết tiếp theo sau là những rung động, những biến chuyển tâm lý của sự thay đổi từ đêm tân hôn và trở thành thiếu phụ.. Nhưng quá bận rộn với những công việc khác nên chỉ có thể hoàn thành trong một vài tháng sắp tới.

Tôi hy vọng trả lời như thế cũng là tạm đầy đủ cho những điều độc giả Gio- O muốn biết về cách viết của tôi. Mỗi đề tài thích hợp với một lối diễn tả. “Lắm Cẩm” là một tổng hợp về những tin tức thời sự “nóng”, những điều trông thấy và những dư luận cùng quan điểm của người viết. Làm thế nào để người đọc dễ dàng chia sẻ được với những gì mình muốn nói.

Lê Thị Huệ: Hình như trước 1975, ông chuyên viết "phơi tông" cho các báo Sài Gòn.

Văn Quang: Đúng là những năm trước 1975, tôi thường xuyên viết feuilleton cho các nhật báo và tuần báo ở Sài Gòn như tôi đã trả lời ở phần trên.

Lê Thị Huệ: Những tiểu thuyết của ông ngày trước có những cái tên rất lãng đãng như "Nguyệt Áo Đỏ", "Chân Trời Tím", "Tiếng Hát Học Trò", tại sao ông lại thích đặt những cái tựa như thế

Văn Quang: Những cái tên ... lãng đãng như "Chân trời tím", "Tiếng hát học trò", "Nguyệt áo đỏ..." như chị hỏi, bởi hồi đó tôi còn trẻ, và bây giờ nhìn lại cũng thấy... hơi ngây thơ, mơ mộng nên nó "lãng đãng" như chính cái tên tiểu thuyết vậy. Mỗi lần đặt tên cho một cuốn tiểu thuyết hoặc bất kỳ một truyện nào của mình cũng không gán gì đâu. Làm sao cho "nó" thể hiện đúng đề tài mà không "khô cứng" như một cuốn lý luận, không sa đà, không gây "sốc". Tôi chắc nhiều nhà văn cũng gặp tình cảnh này. Có khi nghĩ nát óc cũng chẳng ra, có khi bỗng dưng nó "bật" ra lúc nào không hay. Cũng như lúc này, cuốn tiểu thuyết tôi đang viết cứ "dùng dằng nửa ở nửa về" với những cái tên. Thí dụ "phá sản" thì quá "khô" và cứ như có màu sắc "chính trị chính em", cái tên "cô gái tình lẻ" lại có vẻ "lãng đãng" như chị nói và không phản ảnh được bao quát vấn đề muốn diễn tả. Tôi muốn lấy hình ảnh về những thăng trầm, biến chuyển của cuộc đời một cô gái tình lẻ đến những hoạt động về nhiều mặt của nhân vật làm tượng trưng cho những vấn đề xã hội "nóng nhất" đang diễn ra công khai hoặc âm thầm. Thật ra những con người đó là đa số trong xã hội bây giờ, là hơi thở của thời đại. Tên truyện chỉ là phụ, song không kém phần quan trọng. Tìm được một cái tên truyện thật khó khăn đối với tôi. Thú thật là có khi phải tạm bằng lòng với cái tên chưa hoàn toàn thích thú.

Lê Thị Huệ: Ông bị đi tù một thời gian dài sau 1975. Ông có thể nói gì về điều này ở đây và bây giờ chẳng ?

Văn Quang: Có rất nhiều điều đáng nói về những ngày tháng trong nhà tù. Và cũng đã có rất nhiều những cuốn sách viết về chuyện này rồi. Nhiều chi tiết đã được trình bày cụ thể. Vì thế, lúc này tôi nghĩ ở vào vị trí của tôi, nên chuyên tâm về những vấn đề xã hội hiện tại mà tôi đang có điều kiện tìm hiểu tường tận hơn các bạn khác. Tôi chỉ có thể nói là nhà tù vẫn là nhà tù, không có chuyện cái tạo gì ở đây. Điều này tôi cũng đã viết trong "ngã tư hoàng hôn". Một lúc nào đó, nếu còn thì giờ, có thể tôi sẽ viết lại toàn bộ những sự thật mà tôi đã được chứng kiến.

Lê Thị Huệ: Ông từng là nhà văn quân đội ở Miền Nam, ông có so sánh nào cho nền văn chương quân đội của hai miền Nam Bắc trong thời chiến?

Văn Quang: Nói về văn chương quân đội giữa hai miền Nam Bắc có lẽ hơi quá tổng quát. Nhưng sự khác biệt căn bản vẫn là mang tính văn học nói chung. Một bên, dù anh là thành phần nào khi hoạt động văn hóa đều phải đi theo một đường lối chung, không thể khác được. Do đó người viết dù ở trong hay ngoài quân đội cũng thế thôi. Họ quan niệm văn hóa là tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân (trong đó có cả quân đội) thực hiện một chủ trương chính sách trong một giai đoạn nào đó. Còn ở miền Nam thì những nhà văn quân đội không bị lệ thuộc bởi bất cứ điều gì. Tôi làm ở Tổng cục chiến tranh chính trị rất lâu, nhưng chưa hề thấy một "chỉ thị" nào cho những quân nhân viết văn. Họ được tự do sáng tác theo cảm hứng của mình về mọi mặt trong đời sống. Những nhà văn xuất thân từ quân đội hay hơn nữa là từ những chiến trường như Nguyễn Đạt Thịnh, Phan Nhật Nam, Huy Phương, Thế Hoài, Phạm Huấn... viết những gì họ đã trải qua. Hoặc như Mai Trung Tĩnh, Vương Đức Lệ, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng cứ việc làm thơ tình, lãng mạn, không cần Tây Tiến hay Nam Tiến. Cho nên so sánh hai nền văn hóa quân đội giữa hai miền như thế tôi cho là khập khiễng, nên tôi không thể so sánh được.

Lê Thị Huệ: Ông đã từng tiểu thuyết hoá dày cộm những người lính thành phố Sài Gòn trước 1975. Bây giờ nhìn lại ông có thấy là trật búa hay OK ?

Văn Quang: Tiểu thuyết hóa những người lính không phải là "thần thánh hóa" những người lính. Chị đọc lại "Chân trời tím" và "Người yêu của lính" sẽ thấy tôi tiểu thuyết hoá đời thường của họ. Người lính không đi tu, không là "người con trai khác với những người con trai không đi lính". Ngoài cuộc sống chiến đấu, ngoài tình đồng đội, họ có cuộc sống của mình. Cũng yêu

thương, ghen hờn, lãng mạn như những ghê sớ chính hiệu. Nói cách khác, tôi diễn tả rõ hơn, tỉ mỉ hơn về cuộc đời quân ngũ. Không phải tất cả đều tình nguyện đi lính, có những người “bị động viên” hoặc được đồng hóa. Nhưng tình đồng đội đã làm họ thay đổi quan niệm, ý chí chiến đấu đã tô đậm lý tưởng yêu nước của họ. Vì thế họ trở thành một khối vững chắc cho đến tận ngày nay. Tại sao tôi lại thấy “trật búa” được? Tôi vẫn cho là tôi đã làm đúng, làm được những gì tôi cần làm. Một điều cần nhấn mạnh, đó là xuất phát từ những rung động chân thành của tôi sau những ngày tháng làm phóng viên thời kỳ chiến tranh ác liệt đầu tiên, qua một số chiến trường thời đó, không vì một chỉ thị nào, một lý do chính trị nào.

Lê Thị Huệ: Nếu cuộc đời biến thành những chương tiểu thuyết. Hãy thử nói về cuộc đời như là những chương tiểu thuyết. Cái chết nào cũng là một cái chết. Cái chết của Miền Nam là một cái chết tức tưởi nhưng nó có cái đẹp tuyệt vời của một cái chết tức tưởi. Ông nghĩ đấy là một bất hạnh hay là một may mắn

Văn Quang: Cái chết của miền Nam, như chị nói, tôi đã có nhiều thời gian gặm nhấm nó trong tù và ngoài đời, sau khi ở nhà tù ra. Tôi thường nghĩ, chẳng ai muốn tự tử cả. Cái chết bất đắc dĩ được báo trước đó không do miền Nam tạo ra. Người bạn “đồng minh thân thiết” của chúng tôi bỏ bạn, trong khi đối phương có tới 6 nước vẫn trung thành tiếp súng đạn thì “sáu thằng đánh một chổng chột cũng què”. Và những “panic” từ Huế đến Pleiku, Đà Nẵng, Nha Trang, Bình Thuận vào đến TP. Sài Gòn đều do người bạn đồng minh của chúng tôi tạo ra. Gây hoảng loạn khắp nơi để tẩu thoát như một ván cờ thua. Điều đó rõ như ban ngày. Tôi so sánh với cuộc rút lui của quân đội Pháp sau khi ký hiệp định Geneve, dù sao thì mọi tổ chức cũng chu đáo hơn, có tình có lý hơn, nhân đạo hơn. Nếu người Mỹ vẫn tuyên truyền rằng “cộng sản chiếm được miền Nam thì Sài Gòn sẽ là một biển máu”. Vậy mà họ đã để lại chúng tôi bơi trong cái biển máu ấy, sau khi bí mật bắt tay đối phương. Có thể coi họ là đồng minh được không?

Vậy thì cái chết của miền Nam chỉ có thể coi là bất hạnh. Một kinh nghiệm cho những ai còn nuôi mộng lãnh đạo đất nước này.

Lê Thị Huệ: So sánh đời sống của ông bây giờ với đời sống trước năm 1975, ông phát biểu như thế nào. Tôi hỏi ông câu này với một thái độ rất trân trọng, vì ông là một tác giả hiếm hoi, ông sống sót và sống qua những giai đoạn khốc liệt ấy, mà vẫn viết với cái tên Văn Quang. Một Văn Quang lừng lững không thoả hiệp. Hình như ông là 1 tác giả độc nhất vô nhị viết và viết được trong cái thế sống vô cùng chênh vênh ấy

Văn Quang: Thật ra ngay từ đầu, khi trả lời lá thư của Gio-O tôi đã thành thật thừa rằng “không thích nói về mình”. Nếu cần nói thì có rất nhiều điều phải nói, phải trả lời. Một người cầm bút nên để độc giả phán xét về mình hơn là những gì mình tự nói hoặc bị kẻ thù xuyên tạc.

Xin cảm ơn về những nhận xét của Gio-O dành cho riêng tôi. Vâng, tôi sống như vậy đấy. Chẳng có gì phải che giấu, chẳng có gì phải khiếp sợ nữa. Còn gì nữa đâu mà khiếp sợ và tôi không làm điều gì xấu, không “phá hoại”... thì cứ lừng lững mà làm. “Danh chính ngôn thuận” và “đường ta ta cứ đi”. Cái gì có thật thì tôi viết. Không bới móc lung tung, không phao tin đồn nhảm. Quyền phê phán là của người dân. Quyền bất bình cũng là của người dân về những điều có thật đã và đang xảy ra.

Cũng có một số người viết như tôi đang có mặt ở miền Nam như Nguyễn Thụy Long, Đoàn Dự, Hàm Anh... và một số người không ký tên rõ rệt như người Tân Định, Người Sài Gòn... Và còn cả những người viết không thường xuyên, thỉnh thoảng mới có một vài bài. Những anh em đó cũng là những cây bút hoàn toàn độc lập. Mỗi người có một cách viết, cách lựa chọn đề tài và mức độ khác nhau. Chúng tôi có gặp nhau như những người bạn bình thường, nhưng không thảo luận về những gì mình sẽ viết. Do đó đôi khi có những đề tài trùng hợp, song mỗi người nhìn theo quan điểm của riêng mình. Được độc giả đón nhận như thế nào lại là chuyện khác.

Có cố gắng tìm cách “ngoi lên” cũng chẳng được. Cách tốt hơn hết là cứ thành thật với chính mình, cứ thành thoi mà làm được việc mình muốn làm. Như tôi đã nói ở trên, sẵn sàng chấp nhận điều “rủi ro” sẽ đến vào bất kỳ lúc nào. Chấp nhận cả đòn hiểm của kẻ thù, của những kẻ đố kỵ, ghen ghét sảng. Cứ lo nghĩ đến nó thì thà xếp quách computer lại hoặc chỉ để ngồi chơi games, chơi “meo” cho xong. Xin tiền con hay đi đánh vi tính, làm lay-out thuê cũng đủ sống.

Có thể nói tôi đã tập được thói quen, không còn ngồi đó tiếc nuối dĩ vãng. Thời gian không bao giờ trở lại được. Tôi bằng lòng và thích ứng với những gì tôi đang có. Trước kia sống sung sướng hay bây giờ, tôi cũng chẳng biết nữa. Một điều đáng nói là không thể quên những người bạn cũ, dù còn sống ở bên kia hay đã mất. Đôi lúc ngơ ngẩn chỉ vì những thứ đó thôi.

Lê Thị Huệ: Một cách công bằng, ông có nhận xét gì về nền sáng tác Miền Nam 1955-1975.

Văn Quang: Về những sáng tác từ ở miền Nam từ 55-đến 75, tôi cho đó là thời kỳ sung sức nhất của những sáng tác của văn học Việt Nam từ trước tới nay. Kể cả về số chất lượng cũng như chất lượng, những vị đàn anh lớn tuổi cũng như những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ... mới xuất hiện. Một số tác phẩm văn học khổng lồ đã được trình diễn, một số báo chí về mọi mặt từ trình độ cao đến bình dân đua nhau tự do cạnh tranh. Một số ca khúc trở thành “bất tử” dù cho nó đã bị khai tử nhiều lần. Cho đến bây giờ ở Việt Nam, rất nhiều tác phẩm từ thời đó vẫn còn nguyên giá trị, nó xuyên suốt qua mọi thời đại. Độc giả, khán thính giả từ thành thị tới thôn quê vẫn thường thức những món ăn tinh thần đó, chẳng cần ai khuyến khích, khuyến mãi.

Cách công bằng nhất để nhận định thì hãy nhìn vào thị trường, nhìn vào sự trân trọng của người dân.

Mặt khác, việc xuất bản những tác phẩm văn học nghệ thuật hồi đó hình thành một trật tự hơn bây giờ. Kể cả sách xuất bản ở nước ngoài cũng như ở trong nước. Hầu như bây giờ, một số tác phẩm không còn mang đúng giá trị đúng như văn học định nghĩa. Nó là sách lam nham, ai có tiền thì cứ in. Vàng thau lẫn lộn, trong đó có những cuốn không đáng gọi là sách, có những bài không đáng gọi là bài. Điều này rất có hại cho những người trẻ tuổi, nhất là lớp mới lớn ở nước ngoài. Nếu đọc một cuốn sách lem nhem như thế họ sẽ nghĩ gì về những tác phẩm khác của ông cha, của những người đi trước?

Vi thế nên tôi vẫn cho rằng 20 năm văn học miền Nam 55-75 có nhiều tác phẩm giá trị hơn, dù cho có những tác phẩm chỉ có giá trị trong từng thời kỳ.

Lê Thị Huệ: Nhà văn Văn Quang, Giám đốc đài phát thanh Quân Đội, viết tiểu thuyết Chân Trời Tím, đi cải tạo mút mùa lệ thủy, không đi Mỹ theo diện HO (mà những người như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên còn không cưỡng lại sự tự do ở chân trời kia), còn Văn Quang không đi. Ở lại Việt Nam. Văn Quang là ai thế?

Văn Quang: Tôi vẫn cho rằng những người bạn tôi đi định cư hầu hết vì lo cho tương lai của con cái, cho cuộc sống gia đình hơn lo cho chính bản thân mình. Họ có lý do chính đáng để ra đi. Còn tôi, hầu như chẳng có lý do gì cả. Khi tôi ở trại tù ra, các con tôi đều đã định cư ở Mỹ, đi theo “diện vượt biên” và đi học ở Mỹ trước năm 75. Chỉ còn lại mình tôi. Đời sống kinh tế cũng lại bắt đầu ổn định, bằng việc học computer rồi ra “hành nghề” đánh vi tính thuê và làm lay-out cho các tiệm sách báo. Những nhà xuất bản tư nhân, những nhà làm quảng cáo chuyên nghiệp và cả những ông làm “báo lẻ” như Thanh Thương Hoàng, Thái Phương cũng đều thuê “công ty gia đình” của tôi làm hết. Hồi đó Sài Gòn chỉ có rất ít computer và người làm được công việc này càng hiếm. Cái may mắn của tôi là ngay khi ở trại tù ra, tôi đã tò mò đi học khóa computer đầu tiên vào những năm 1989-90-91. Kể về chuyện đi học computer của tôi chẳng qua cũng là chuyện “bất đắc dĩ” và khá dài dòng, cười ra nước mắt. Tôi sẽ kể lại vào một dịp khác. Sau khi

học xong vài khóa, tôi đã được các cháu ở Mỹ yểm trợ cho mấy cái computer và máy in laser để hành nghề. Công việc kiếm ăn khá phát đạt. Vì thế tôi thấy không cần phải đi đâu nữa cả. Hơn thế, bà xã của tôi và các cháu cũng đã “yên bề gia thất” nên tôi không muốn khuấy động cuộc sống của gia đình mình, gây thêm những rắc rối vướng bận cho những người thân.

Ở đây cũng còn một số anh em sĩ quan cũ, sau khi ở tù ra rồi, cũng không đi theo diện HO. Dường như vấn đề kinh tế quyết định tất cả. Hầu hết những người ở lại đều có một cuộc sống tương đối ổn định hoặc có những trở ngại về gia đình, như con cái có vợ có chồng rồi không được đi theo... Mỗi người một hoàn cảnh.

Mặt khác, tôi nghĩ anh em ra đi nhiều rồi, tôi muốn ở lại để chứng kiến cho hết, cho đầy đủ những đổi thay. Đời sống lúc đó ở đây bấp bênh, rồi chao đảo vì Liên Xô tan rã, vì Đông Âu sụp lờ... Cuộc sống “lên voi, xuống chó” quay quắt, nếu nhìn như một kẻ ngoài cuộc, nó sinh động hơn một sân khấu với đầy đủ bi hài kịch thú vị. Có quá nhiều đề tài mới lạ cho mình ghi nhận. Làm một nhân chứng sống có lẽ hay hơn. Và cũng vì sự “gặm nhấm” của tôi về “người bạn đồng minh” nên tôi quyết định ở lại.

Mãi tới sau này, một số không ít những người bạn tôi cho rằng tôi đã lựa chọn đúng. Riêng tôi, cho là một điều may mắn chứ chẳng ai tiên đoán trước được điều gì sẽ xảy ra. Nhưng nếu có sai, có bất cứ điều gì xảy ra, tôi không ân hận. Tôi hoàn toàn bằng lòng vì sự lựa chọn của mình. Và, tôi cũng vẫn cứ tiếp tục sống và viết như từ bao năm nay. Sẽ mãi mãi như thế cho đến khi bạn về đây sẽ gặp tên tôi với hai chữ “chi mộ”.

Xin cảm ơn bạn đọc đã đọc những hàng này. Đây cũng là dịp tôi có cơ hội được tâm sự với bạn đọc. Tôi cũng xin nói thêm là một tờ báo của người bạn tôi, sau khi đã có bài phỏng vấn tôi, đã gửi thêm một số câu hỏi khác đến, nhưng tôi chưa trả lời được. Tôi không viết hồi ký như một số bạn tôi thúc giục, trong một ngày gần đây, tôi sẽ dành cho tờ báo của người bạn tôi những chi tiết khác trong cuộc sống của tôi, thay cho cuốn hồi ký.

Cám ơn nhà văn Văn Quang.

Những khoảnh khắc với Thanh Tâm Tuyền

Đối với tôi, Thanh Tâm Tuyền là một người bạn khá thân nhưng không gần nhau nhiều như Mai Thảo, Thanh Nam, Hoài Bắc, Vũ Khắc Khoan. Thỉnh thoảng gặp anh trong một tòa báo hay một buổi ăn uống vui chơi nào đó ở một nhà hàng. Thanh Tâm Tuyền dường như không hợp tác với một chương trình phát thanh nào nên sau này tôi ít khi gặp anh. Ở cái gọi là trại cải tạo cũng vậy, mỗi người ở một đội nên chúng tôi ít có cơ hội gặp nhau. Những kỷ niệm của tôi với Thanh Tâm Tuyền chỉ còn là những khoảnh khắc bất chợt. Nhưng con người anh, bản tính anh, tạo thành những nét rất riêng đôi khi nó giống như thơ anh, khó hiểu, lạnh lùng và chỉ cho người ta cảm nhận được tâm hồn phóng khoáng bay bổng của anh. Đôi khi anh lại rất dễ thương, hồn nhiên, duyên dáng như những đoạn văn xuôi mạch lạc trôi chảy rất thú vị.

Khoảnh khắc đáng nhớ nhất là lần cuối cùng gặp anh cũng là ngày anh được thả khỏi trại cải tạo Vĩnh Phú, vào khoảng năm 1982. Anh ghé vào khu nhà giam tôi đang sống, anh hỏi:

- Có trà ngon không, mang đãi khách chứ. Bây giờ anh là tù, tôi là người? ngoài trại tù.

Tôi gật đầu:

- Tôi vừa nghe tin anh được tha, đang định sang khu anh thì anh đến.

Tôi pha trà và mang cái điếu cày ra bàn. Chúng tôi ngồi đối diện, anh không nói gì nhiều, có lẽ anh nghĩ không nên làm nản lòng những người còn ở lại. Tuy nhiên hôm đó anh bớt làm lì hơn những ngày tháng ở trại.

Tôi hỏi:

- Về nhà rồi anh định làm gì?

Anh nói như người mơ ngủ:

- Về nhà à? Không biết nữa.

Một vài phút sau rồi anh mới nhún vai:

- Cũng thế thôi. Bữa nọ tôi gặp Phụng cao bồi. Nó vẫn khỏe. Cũng ở K2, gần đây thôi.

Rồi chúng tôi quay sang nói chuyện về những người bạn cũ. Bây giờ hầu hết đều ở Mỹ, hồi đó như thiên đường và địa ngục. Chẳng bao giờ chúng tôi nghĩ một ngày nào đó sẽ đến được một nơi yên ả, an lành như vậy.

Liệu có tác phẩm mới không ?

Những lúc đó anh giản dị chân thật. Nhưng bước chân ra khỏi căn nhà đó, anh có bộ mặt khác hẳn, lúc nào cũng như muốn xa lánh tất cả, từ con người đến cỏ cây. Anh sống một mình anh với cái thế giới của riêng mình, bất cần, bất chấp đến những thứ khác.

Thế rồi khi tôi ra khỏi trại cải tạo vào năm 1987, về đến Sài Gòn, chẳng biết anh ở đâu, tôi không gặp lại anh nữa. Cho đến khi anh đi định cư ở nước ngoài, tôi chỉ biết anh ở Minnesota và nghe nói anh không muốn giao thiệp, không muốn tiếp xúc nhiều và không còn viết gì thêm nữa. Thái độ của anh có phần khó hiểu. Chán chường hay vì một lý do nào khác? Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ thế nào rồi cũng có ngày anh cho trình diện một tác phẩm lớn trong đời. Cốc không mở miệng thì thôi, khi mở miệng thì như trời gầm.

Nhưng đợi mãi 30 năm rồi, chưa thấy tác phẩm mới nào của anh. Biết đâu trong một ngày sắp tới chúng ta sẽ được đọc một tác phẩm cuối đời của một nhà thơ, nhà văn đã im hơi lặng tiếng suốt hơn 30 năm. Hẳn phải là một tác phẩm lớn.

Về cuộc đời và tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền tôi đã được đọc trên khá nhiều website ở nước ngoài và chắc chắn bạn đọc cũng đã biết nhiều nên tôi không viết lại ở đây. Tuy nhiên về chi tiết tiểu sử của anh, có một đôi chỗ không giống nhau. Có bạn ghi Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1936, tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh sinh năm 1934, do chính TTT tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode.

Cuộc sống có ảnh hưởng đến *Tôi không còn cô độc*?

Thêm một điều nữa cũng từ nguồn tin trên, do thi sĩ Đinh Hùng tiết lộ từ lâu, ngay từ hồi còn nhỏ TTT đã sống rất cô đơn vì bố mất sớm, ông sống cùng mẹ và dưỡng trong nỗi buồn sâu thẳm. Tôi không tọc mạch đi sâu hơn vào đời sống riêng tư của ông. Tôi chỉ ghi lại điều này để may ra có thể giúp phần nào cho các bạn làm công việc nghiên cứu sau này. Tác phẩm *Tôi không còn cô độc* của anh ra mắt vào năm 1955, gây một chấn động trong làng văn học Miền Nam VN. Người khen cũng lắm, người mỉa mai cũng nhiều. Đó là quyền của người thưởng

ngoạn. Nhưng rồi người ta vẫn cứ phải công nhận cái giá trị văn học của nó. Như một cột mốc đánh dấu cho sự vượt thoát của thi ca. Phải chăng tác phẩm ấy là do ảnh hưởng của một tâm sự từ thuở ấu thơ cho đến khi trưởng thành? Nó dồn nén, nổ tan, bay múa như những chùm pháo hoa đêm giao thừa của tuổi thanh xuân. Nhưng dù sao tôi không dám khẳng định những điều trên là hoàn toàn đúng.

Công việc này xin để các nhà phê bình văn học luận bàn thêm.

Tôi và những người bạn của anh còn ở lại Sài Gòn chỉ xin thấp một nén nhang cho một nhà văn lớn vừa từ giã chúng ta ra đi và xin gửi lời phân ưu đến tang quyến. Vào những ngày vừa qua, ở vài tiệm cà phê Sài Gòn, lẫn lộn phe ta, phe tây, phe nó cũng có nhiều người vẫn còn nhớ đến nhà thơ, nhà văn và nhà giáo Thanh Tâm Tuyền.

Hình ảnh anh như còn mãi vương vất nơi đây.

Thanh Nam trong hoài niệm

Đây là bài thứ nhất tôi viết về Thanh Nam, một người bạn thân trong số vài người bạn thân của tôi từ xưa tới nay. Khi Thanh Nam mất ở Mỹ, tôi hoàn toàn không biết và dù có biết cũng chưa thể “nói gì” với nhau được khi VN còn “mù internet” và hoàn cảnh của tôi cũng chẳng dễ chịu chút nào.

Thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi năm. Ngày giỗ Thanh Nam lại đến. Tôi chỉ còn nhớ có một người bạn nào đó gửi cho tôi một bài và vài tấm hình về những ngày tháng cuối cùng của Thanh Nam, có các cháu Mai Hương, Quỳnh Giao... đến bên giường bệnh hát cho chú nghe lần cuối. Những chi tiết làm tôi cảm động. Bùn ngủi nhớ lại khoảng thời gian dài chúng tôi sống và làm việc cùng nhau từ tòa soạn báo Điện Ảnh của anh Nguyễn Ngọc Linh rồi đến Kịch Ảnh của ông Quốc Phong đến tòa báo Chiến sĩ Cộng Hòa của Quân Đội. Nhưng nhiều kỷ niệm nhất vẫn là những ngày tháng Thanh Nam chưa lập gia đình. Hầu như mỗi buổi tối chúng tôi thường ngồi với nhau hoặc ở một quán cà phê, hoặc ở một quán ăn, hoặc ở một dancing nào đó, mà thường là Tự Do, Mỹ Phụng giữa Sài Gòn. Có Thanh Nam là có Mai Thảo, Hoài Bắc, đôi khi có cả các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ. Các ông này uống rượu tí ti, tôi thì không dám uống vì bệnh bao tử, nên chỉ ngồi ăn giỗ mỗi. Có khi các ông ấy say khướt, người tỉnh nhất là tôi nên phải lái xe đưa các ông về từng nhà. Có lúc hứng, tan tâm ở tiệm nhậu Baccara đã là 3-4 giờ sáng, các ông ấy đòi đi Vũng Tàu - Đà Lạt cùng với mấy em ca-nhe nổi máu điên bất tử, tôi cũng lại là người lái xe. Đúng là những anh tỉnh táo thường bị thiệt.

Từ ngày Thanh Nam lập gia đình với chị Túy Hồng, chàng có vẻ ngoan hơn và tôi cũng ít có dịp đi chơi với Thanh Nam. Chúng tôi vẫn cứ nói lên là chỉ có cô gái Huế mới làm chàng lãng tử dừng bước chân giang hồ. Một điều dễ nhận ra là Thanh Nam đã từng quen biết khá thân thiết với với ít nhất 3 người đẹp, toàn là danh ca, kể cả tân nhạc và cải lương, nổi tiếng ở Sài Gòn thời đó mà không một người nào giữ chân Thanh Nam được. Chỉ có Túy Hồng mới làm được việc này.

Tuy nhiên, trước khi kể về những ngày tháng đó, tôi phải xin lỗi chị Túy Hồng vì kỷ niệm nào “thời son trẻ” cũng không... qua ải mỹ nhân. Chính vì điều này nên tôi cứ ngần ngại mãi, định dành cho một dịp khác. Nhưng chị Lai Hồng và thêm chị Lê Thị Huệ chủ biên website gio-o cứ khuyến khích mãi, kể rằng chị Túy Hồng biết hết những chuyện đó rồi, chính chị ấy cũng viết về những “người đẹp” mà Thanh Nam đã từng quen biết. Cứ viết đi, không sao đâu. Vậy nếu chị Túy Hồng có buồn thì nhớ buồn luôn cả những người đã “xúi” tôi đấy nhé. Thật tình tôi cũng

mong có một lần được “sống lại” cùng một người bạn trên những dòng chữ này. Tuy nhiên, ở đây tôi chỉ xin nhắc lại một vài kỷ niệm nhỏ đủ để “góp giỡ” cùng bạn bè.

Thời Thanh Nam mới ra lò

Tôi quen biết Thanh Nam từ năm 1951 hay 1952 gì đó khi tôi từ Hải Phòng đi với Cường Phong lên Hà Nội. Tôi gặp Thanh Nam, Huy Quang, Phan Nghị, Nguyễn Minh Lang trong một khu hội chợ bên Hồ Gươm. Lúc đó các ông này làm thành một tổ phụ trách về công việc phát thanh trong hội chợ. Toàn những anh mới lớn mà đã được giao một nhiệm vụ khá quan trọng. Bởi dù sao thì những anh “nhóc mới lớn” này, mỗi anh đều đã từng có tiểu thuyết xuất bản hẳn hoi. Người lớn tuổi và nổi tiếng nhất thời đó vẫn là Nguyễn Minh Lang với những cuốn tiểu thuyết đầy vẻ “lãng đãng” như “cuộc đời một thiếu nữ”. N.M.Lang như cái đầu tàu. Sau đó là Thanh Nam, hai người như lá bài trùng, chỉ khác cái là Nguyễn Minh Lang đã có vợ con và còn có cả một người yêu mà anh thường tự phụ là “đệ nhất danh ca Bắc hà”. Sau này Nguyễn Minh Lang cũng điều đứng vì niềm tự hào ấy. Chỉ có Thanh Nam là vẫn nhớn nhò ngoài vòng cương tỏa.

Bẵng đi một thời gian, tôi được động viên vào trường Thủ Đức, ra trường tôi ở Trường commandos Nha Trang rồi sau đó về làm ở ban Báo Chí cục Tâm lý chiến, tôi mới có dịp gặp Thanh Nam nhiều hơn.

Những nơi Thanh Nam sống và làm việc

Khi đó Thanh Nam làm việc ở Đài Phát Thanh Quân Đội với ông Vũ Quang Ninh và Huy Quang Vũ Đức Vinh cùng một lô các nghệ sĩ nổi tiếng như Đan Thọ, Anh Ngọc, Vũ Huyền, Nhật Bằng, Ngọc Bích, Xuân Tiên, Xuân Lôi... Công việc của anh là biên tập viên, có lẽ anh phải làm đầu bếp, “nấu nướng” đủ các món hầm bà lằng từ tin tức đến bình luận, phóng sự và hợp tác trong những chương trình ca nhạc đặc biệt. Ngoài ra trong chương trình phát thanh “Tao Đàn” trên đài phát thanh Sài Gòn, do cố thi sĩ Đinh Hùng phụ trách cũng có Thanh Nam.

Hồi đó ba chàng nghệ sĩ Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư thường thuê nhà ở chung. Có lẽ vì cả ba người đều không có gia đình cùng vào miền Nam. Từ ngõ Phan Văn Trị, đến con hẻm bên rạp Quốc Thành và cuối cùng là building Cửu Long nằm trên đường Hai Bà Trưng. Cả ba ông nghệ sĩ nổi tiếng này chỉ có một căn phòng hẹp tẻo, chiều ngang chừng 2m, vừa đủ kê một chiếc giường cá nhân và một lối đi. Thường là các ông ấy chia phen nhau, một anh nằm trên giường, hai anh nằm dưới sàn nhà. Mãi sau này Thanh Nam mới sắm được một cái tủ lạnh, trong chứa la de nhiều hơn đồ ăn.

Cuộc đời quân ngũ dính liền với nghiệp phóng viên

Thanh Nam vào quân đội theo diện “đồng hóa”, nói cho rõ hơn là không phải lính động viên mà là lính theo nhu cầu chuyên môn, được nhập ngũ theo khả năng phục vụ. Những văn nghệ sĩ có tiếng thường được nhập ngũ vào những phòng “tác động tinh thần” hay là phòng 5, sau này là Chiến tranh tâm lý. Cũng như các anh Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng Nhân), Phạm Văn Sơn, Nguyễn Mạnh Côn... Phục vụ một thời gian nhất định rồi giải ngũ.

Sau thời gian phục vụ ở Đài phát thanh Quân Đội, Thanh Nam được giải ngũ. Anh quay về với nghề làm báo. Cái số của tôi và Thanh Nam hay đi liền với nhau ở các tờ báo dân sự. Từ Truyện Phim, Kịch Ảnh, Tiếng Vang, Thời Thế đến những tờ báo của những ông chủ báo miền Nam như Tiếng Chuông, Phụ nữ Diễn Đàn... đều có mặt. Thời kỳ này, Thanh Nam vẫn ở building Cửu Long, nơi có khá nhiều nghệ sĩ, những nhà quay phim, phóng viên thuê phòng ở trọ bên cạnh phòng năm ba em cave ở Sài Gòn. Đã ở chung thường coi nhau như “người nhà” chứ không có những chuyện lộn xộn khác.

Buổi tối chúng tôi thường ngồi ở phòng trà Hòa Bình của anh Ngọc Bích. Hầu hết các ca sĩ trẻ hạng A, đều “chạy sô” qua đây. Từ Bạch Quyên, Minh Hiếu, Bích Chiêu, Băng Tâm, Thùy Nhiên, Thanh Thúy, Ngân Hà, Trúc Mai... đến những ca sĩ hạng B mới ra lò nhiều triển vọng cũng được các ông bầu gửi đến cho tập tành “xuống núi”.

Chúng tôi viết ở vài tờ báo có nhiều độc giả chuyên về sân khấu kịch trường nên quen biết khá nhiều và cũng có khối những chuyện lơ mơ... cho vui cuộc đời. Thanh Nam là một chàng thanh niên rất dễ thương, nhưng có “tật” thích những cô đào hạng nhất của các sân khấu, nhất là sân khấu cải lương. Tôi nói là thích chứ không phải yêu. Rất nhiều lần, sau khi ngà ngà say, Thanh Nam rủ tôi và Mai Thảo đến phía sau sân khấu đoàn Thanh Nga... xem đào cải lương trang điểm và... rung đùi ngồi sau cánh gà xem diễn.

Tài đạo diễn

Hôm nào có tuồng tích mới, bà bầu Thơ gửi vé mời, chúng tôi có ghé hàng đầu ngồi, như những VIP chính hiệu. Tôi nhớ có một lần ngồi ở hàng ghế đầu xem vở diễn mới, khán giả chật ních. Mai Thảo xem được một lát bèn dựa đầu vào thành ghế ngủ ngon lành, ngáy o o. Cuối đêm diễn, bà bầu Thơ mời đi ăn đêm ở nhà hàng nổi Mỹ Cảnh bên sông Sài Gòn, tất nhiên là có cả cô con gái cưng và là “đào nhất” Thanh Nga. Bà bầu Thơ chỉ nói “chắc là vở diễn hôm nay không hay nên các anh không chú ý”. Thanh Nam hiểu ý nên câu nhàu với Mai Thảo: “Mày hại tao rồi”. Chắc bạn hiểu vì sao. Mai Thảo vốn chiều bạn nên chỉ cười xòa.

Bức ảnh đẹp nhất của nữ nghệ sĩ Bích Sơn do anh Cao Lĩnh chụp và do Thanh Nam đạo diễn. Khi lên phòng Thanh Nam, tôi thấy bức ảnh đó, Thanh Nam kể: “Bích Sơn có mái tóc dài rất đẹp, chưa ai khai thác thành công bằng tao. Mày biết không, trên tấm drap trắng trên giường tao kia, Bích Sơn nằm nghiêng, trái mái tóc ra, uốn nắn lại một tí, xoay ngang tấm ảnh lại, giống hệt gió đang bay “mái tóc thiên thần” chứ có phải chụp ở ngoài trời đâu”. Tôi lại biết Thanh Nam có thêm một cái tài đạo diễn nữa.

Nhưng tất cả những chuyện tạm gọi là những mối tình “lửng lơ” như thế chấm dứt lúc nào không biết. Bởi anh chàng nhà văn này lúc bình thường, không uống rượu thì rất đàng hoàng và với tôi đó là một anh rất “nhát gái”. Cứ ngồi nói chuyện như một cuộc phỏng vấn chứ không dám tỏ một thái độ “thân thiện” nào. Nhưng khi uống rượu rồi thì chân tay quờ quạng, như chiếc xe vọt hết tốc độ. Những người đẹp đâm hoảng. Thật ra chỉ vài ly la de là đã đủ “vật ngã” anh chàng hiền lành đó rồi. Vì thế ngoài cái biệt danh “người rung đùi”, anh còn một biệt danh nữa là “ba bẫm ba”, tức là chỉ ba ly bia 33 là đã say. Bình thường Thanh Nam rất chiều bạn, nhưng đến lúc đó thì hầu như tất cả bạn bè đều chiều anh.

Đáng lẽ của ông Thanh Nam lại là cái tội của tôi.

Tôi với Thanh Nam còn một chuyện khá “khô hài” nữa. Sau khi Thanh Nam tái ngũ, anh về làm báo Chiến Sĩ Công Hòa với tôi suốt thời gian tại ngũ lần thứ hai.

Vào dịp tiểu đoàn 30 Chiến Tranh Chính Trị tổ chức tuyển chọn ca sĩ vào phục vụ. Tôi và Nhật Bằng được cử làm đại diện cho Phòng Báo chí và Đài PTQĐ, kéo theo Thanh Nam sang làm giám khảo. Có một cô rất xinh, khỏe mạnh và hát cũng rất khá, được ban giám khảo chấm điểm cao. Tôi và Nhật Bằng đều đã có gia đình nên bàn nhau giới thiệu cho Thanh Nam. Vài hôm sau, khi đi ăn tối với nhau xong, tôi đề nghị Thanh Nam đưa cô bé đi xem phim. Nhưng cô bé níu lấy tay tôi nói là anh Thanh Nam say rồi, em đi với anh được không? Thế là ông Thanh Nam lại cho tôi thêm một cái tội nữa. Cũng may cho tôi, cuộc tình chỉ kéo dài vài tháng rồi chia tay... trong êm đềm.

Tất cả những cuộc tình của Thanh Nam đều nhẹ nhàng, dường như chẳng có chuyện nào làm anh mất ăn mất ngủ, kể cả khi người đẹp sang ngang. Chỉ có một cuộc tình, theo tôi đó là “đáng kể” nhất.

Thanh Nam được giải ngũ, một vài năm sau vì nhu cầu quân lực mở rộng, lại được lệnh tái ngũ. Trung Tâm nhập ngũ Quang Trung gần Sài Gòn, đông quá nên một số quân nhân được gửi ra Trung Tâm nhập ngũ ngoài Đà Nẵng học tập. Vào thời gian Tết Nguyên Đán, tôi thường đi làm phóng sự Tết Đơn Vị. Lần đó, tôi xin sự vụ lệnh đi miền Trung, tất nhiên trong đó đã tính tới chuyện ghé qua Đà Nẵng “lôi” Thanh Nam ra khỏi Trung Tâm Huấn Luyện đi giang hồ. Ngày 28 tết đi xe lửa ra đến Đà Nẵng, tôi đến thẳng tư dinh của tướng Đỗ Cao Trí thăm ông vì đã có thời gian tôi làm việc với ông ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 ở Pleiku. Nói là thăm nhưng mục đích là xin ông cho Thanh Nam đi cùng tôi làm phóng sự trong quân đoàn của ông từ đây cho đến Bến Hải.

Đêm trên đèo Hải Vân

Tướng Đỗ Cao Trí rất “hắc búa” nhưng cũng rất “chịu chơi”. Ông điện thoại ngay cho Trung Tâm yêu cầu cho Thượng sĩ Trần Đại Việt (tên thật của Thanh Nam) trình diện tư lệnh quân đoàn. Hôm đó là ngày Trung tâm được nghỉ, cả bộ chỉ huy chạy tán loạn, bừa đi tìm ông Trần Đại Việt khắp Thành phố Đà Nẵng. Họ có biết đâu rằng tôi và Thanh Nam đã gặp nhau ở nhà một người bạn. Tôi phải điện thoại cảm ơn tướng Trí đã tìm thấy rồi. Tết đó tôi và Thanh Nam trên chiếc xe jeep đi khá nhiều đơn vị. Một đơn vị đáng nhớ nhất là đồn Bảo An đóng trên đỉnh đèo Hải Vân, cao chót vót. Chúng tôi ăn một cái Tết trên đỉnh đèo với sương mù dăng ngang túi quần. Nhưng trước khi tôi đi Đà Nẵng, một nữ ca sĩ, tôi coi như cháu gái, đã cẩn thận gửi theo một túi quà cho “chàng”. Tất nhiên không thể thiếu một “cánh thư hồng”, chõ đầy nước mắt nhớ thương.

Thú thật lúc đó tôi mới biết chắc rằng mối tình này của Thanh Nam là “nặng” và là “thật”. Lâu nay tôi cứ ngỡ, đó chỉ là chuyện “nhẹ nhàng” giữa “chú cháu” rồi lại như “ngàn năm mây bay”, như những chuyện trước đây tôi đã từng chứng kiến. Anh chàng quân nhân ngoài... tiền tuyến đó suốt cuộc hành trình ôm gói quà bên mình. Anh lấy ra một chiếc khăn, nhưng không phải là khăn thêu mà là một chiếc khăn len quàng cổ, có vẻ như người tình mới mua ở chợ Bến Thành. Anh đứng giữa ba quân đồng dạc tuyên bố rằng đây là quà của người yêu tôi gửi từ Sài Gòn ra, tôi sẽ làm giải thưởng cho bạn nào kể chuyện tình hay nhất. Cuộc thi kể chuyện tình đó vào đêm 29 Tết trên đỉnh đèo Hải Vân, một anh lính láu cá chiếm được giải thưởng hí hửng lắm. Chẳng biết anh còn giữ được đến bao giờ hay cũng mang tặng cho người yêu của mình? Đúng ngày 1 Tết, chúng tôi ra đến Bến Hải vào những đơn bị pháo binh, bộ binh, rồi sau đó nghỉ lại nhà ông Ninh con và bà Phượng vài ngày, lúc đó đang ở Huế.

Nhưng cuối cùng rồi “những cuộc tình” cũng đã qua, chỉ còn lại một. Cuộc đời cũng đã qua, chỉ còn lại những kỷ niệm. Kỷ niệm thì quá nhiều, nói làm sao cho hết.

Tôi viết những hàng này như một nén hương cho bạn tôi vào đúng ngày giỗ Thanh Nam 2-6-2007.

Kỷ niệm về nhà văn Văn Quang Nguyễn Triệu Nam

Trước 75, Văn Quang làm phụ tá cho họa sĩ Tạ Ty, Trường Khối Kỹ Thuật Cục Tâm Lý Chiến. Sau đó, giữ chức Trưởng Phòng Phát Thanh kiêm Quản Đốc Đài Tiếng Nói Quân Đội. Anh điều khiển Đài cho đến giờ chót. Giờ nhập vào Đài Quốc Gia lúc Sài Gòn thất thủ. Trong ngày bị

thảm 30 tháng tư năm 75, ở cực rã ngũ gần hết. Ở Đai Quân Đội chỉ còn có anh, tôi và Lâm Tường Dũ cùng hai chuyên viên hòa âm, xướng ngôn.

Sau tháng tư đen ấy, Văn Quang và tôi cùng vào tù, trước ở trong Nam, sau chuyển ra Bắc. Trại tù luôn luôn di động. Bình thường thì cứ mỗi quý đổi chỗ một lần. Trường hợp bất thường thì chuyển trại dồn dập, bất kể hạn kỳ. K nọ rời sang K kia. Trại này tổng qua trại khác. Xáo như xáo ốc. Mới gặp Văn Quang ở K2 được ít ngày là thôi, không còn thấy mặt anh ở đâu cả nữa.

Bữa gặp anh, phải trao đổi chóp nhoáng. Anh là một trong số tù nhân có nhiều quà. Còn mình thì ngóng quà bà xã đến đở con mắt. Bèn thở ngắn than dài với Văn Quang. Anh tỏ vẻ ái ngại. Nhưng có lẽ lại nghĩ đến vợ nên anh buông ra mấy câu cay đắng:

- Lấy vợ có cái sướng, mà cũng có cái khổ. Mỗi con đàn bà nó làm khổ mình một cách khác nhau.

Mấy câu đượm mùi triết lý ấy không khỏi khiến tôi trầm nghĩ. Không hiểu bà nào đó gởi quà cho Văn Quang có từng làm khổ anh hay không? hay là bà ta cũng đã từng làm cho anh phải nặng cái đầu, phải héo lá gan rồi. Nay thấy anh lâm vòng lao lý thì thương hại nên mới tiếp tế cho anh chẳng? Văn Quang hỏi tôi cần thứ gì nôi, anh sẽ giúp cho. Gạo? Muối mè? Mắm ruốc? Đường tán? Thuốc lào? Tôi lắc đầu. Xin anh ít chỉ đen để may vá thôi.

May vá vốn là cái thú tiêu sầu, giải uất cho tù nhân trong bữa mưa to, gió lớn, nghĩ lao động. Không có chỉ, phải gỡ từng sợi, ở bao cát ni-lông. Dùng sợi đó thay chỉ. Kim khâu chế tạo bằng mắt kềm gai. Lưỡi lam sài thay kéo.

Văn Quang cho tôi một cuộn chỉ lớn. Nhờ có chỉ dai, bền mà may được một chiếc áo ngực hàn. Gọi là áo ngực hàn cho bảnh. Thật ra là thứ áo trấn thủ canh tân. May bằng khổ tải, lót vải bao cát. Lớp giữa nhồi cỏ lông heo phơi khô.

Áo thì phong trần như thế. Còn nón, đan bằng tre. Lợp vải bao cát phía trong. Phía ngoài trơ ra những nan. Y như nón của ngực ông. Đã vậy, còn để râu ria lờm chờm, tóc bạc phơ bù xù như ổ quạ. Tướng mạo nom gồ ghề. Rất ngẫu. Không giống ai trong tù, mà giống một hành khất đại hiệp trong truyện Kim Dung.

Tôi được trả tự do vào cuối năm 80. Văn Quang được phóng thích vào năm nào thì không rõ. Ngày tôi sang Mỹ là 18 tháng giêng 95. Đạo ấy, một vài tờ báo ở hai hạt Los Angeles và Orange loan tin: nhà văn Văn Quang gặp trở ngại trong việc xuất cảnh. Bởi lẽ, bữa đến cơ quan xuất nhập cảnh, nghe danh các hộ thuộc HO 31, phóng thanh đến ba lần mấy tiếng “ông bà Nguyễn Quang Tuyền” mà không thấy trả lời. Bữa ấy đông nghẹt. Òn ào như chợ vỡ. Không sao để tâm theo dõi được. Không hiểu vị Trung Tá Quản Đốc Đai Quân Đội có mặt hay không? Nếu có mặt thì có vào làm thủ tục hay không? Hay là ông nào đó trùng tên húy Nguyễn Quang Tuyền với Văn Quang?

Sáng 18 tháng giêng, tôi có ý tìm kiếm mà không thấy hộ anh ở cổng số 3 phi trường Tân Sơn Nhất. Một vài văn hữu vội suy diễn. Chả là Văn Quang có số đào hoa. Đất đào, trái mấy đời vợ, có cả một đống con. Từ cơ sở ấy, dựng nên giả thiết. Kháo với nhau rằng các bà phá nhau, dành phần đi Mỹ. Báo hại sĩ quan đầu tàu bị kẹt, không đi được nữa. Tuy là võ đoán nhưng không hoang tưởng. Vì chung trường hợp trớ trêu tương tự đã từng diễn ra ở một số ít HO.

Từ 96 đến 99, tôi nhận được tin hai lần.

Lần thứ nhất, vào năm 96, do Hoàng Hương Trang cho biết. Là Văn Quang vẫn ở Việt Nam, không đi đâu cả. Anh sống với Hoàng Xuân Lan ở cư xá Nguyễn Thiện Thuật, Sài Gòn. Số con của hai ông bà cộng lại là mười một đứa. Ông, tám đứa. Bà, ba đứa. Tất cả con cái đều ở Hoa Kỳ.

Nói về Hoàng Xuân Lan, cô được Trời phú cho giọng phát âm dịu dàng, êm ái, gần như nũng nịu dễ thương. Xướng ngôn trong chương trình Dạ Lan dành cho chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Chương trình này ra đời do sáng kiến của Đại Tá Trần Ngọc Huyền, Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến. Hồi đầu, tôi cung cấp bài vở cho Dạ Lan. Qua thời Đại Tá Vũ Quang, việc biên tập giao cho Lưu Nghi, tác giả Đêm Trăng Mùa Hạ. Vì Lê Hoàng Xuân Lan đọc trong Dạ Lan nên mọi người gọi cô là Dạ Lan. Chớ, hồi đó, không có một cá nhân nào tên là Dạ Lan hết. Cô nào đọc thì cũng thế thôi.

Người đọc sau này là Hồng Thị Phương Lan vốn là một Speakerine thâm niên, điều luyện, giọng phát âm trong trẻo, sang trọng, truyền cảm.

Kỳ dư, còn được biết là Văn Quang vẫn sáng tác, ký bút hiệu khác. Tôi không được đọc một tác phẩm mới nào của anh. Dĩ nhiên là vậy, vì tôi ở Mỹ. Nhưng dám khẳng định: con người văn sĩ cải danh ấy không phải là một Văn Quang thứ hai. Mà là một người khác. Không dính dáng gì đến nhà văn từng dựng nên Thủy Dương Trang, Chân Trời Tím, Nguyệt Áo Đỏ. Mà cho dầu văn phong người ấy có giống văn phong Văn Quang như phiên bản chẳng nữa thì cũng vẫn là hai nhân vật riêng biệt. Một Văn Quang trước 75 và một ai đó trong làng văn ở Việt Nam thời mở cửa.

Lần thứ hai, vào năm 99, thấy báo Người Việt đăng liên tiếp mấy truyện dài của Văn Quang, tôi cứ tưởng là nhà văn đã sang Mỹ. Cho nên muốn gặp lại. Liên phen cho Nguyễn Xuân Hoàng, hỏi thăm địa chỉ, số điện thoại của nhà văn. Chừng đó mới hay là tác giả Vòng Tay Học Trò vẫn ở Việt nam. Chỉ gửi bài sang Mỹ thôi. Toàn bài đậm nét Văn Quang trước 75. Tôi bèn hỏi Nguyễn Xuân Hoàng: “Văn Quang dám làm việc này mà không sợ hậu quả gì cả ư?”

- Anh ấy bắt chấp hết, Hoàng trả lời.

Sống trên cái đất nước ưa sai sang này, có ai cần đến chỉ để may hoặc vá quần áo đâu. Quần áo đẹp cách mấy mà hơi cũ là quẳng vào thùng rác. Sắm bộ mới. Thế nhưng, mỗi khi nhìn cái áo, cái quần trong cả rừng y phục không ngừng đổi mới, tôi lại nhớ đến cuộn chỉ Văn Quang cho hồi nào ở trong trại Tân Lập. Một cuộn chỉ, đối với tù cải tạo, nó rất quý. Vật cho đã rất quý, cách cho còn quý hơn. Văn Quang đâu có để tâm đến chuyện tẹp nẹp ấy. Cũng như mọi anh em đồng cảnh, đồng điệu khác, lòng dạ anh ngổn ngang trăm điều, ngàn nỗi. Cái mà tôi coi là kỷ niệm khó quên ấy đâu có đáng gì choán chỗ trong ký ức anh.

Năm 96, Hoàng Xuân Lan nhờ Hoàng Hương Trang chuyển lời hỏi thăm tôi. Còn Văn Quang ? Vừa là cấp chỉ huy cũ, vừa là văn hữu, anh nghĩ gì về tôi, một kẻ từng chiến đấu bằng bút và đang cầm bút ở hải ngoại ? Thủy chung, tôi vẫn mến mộ anh. Thán phục tính hào phóng của anh. Cái tính tốt vốn sẵn có từ lâu trong suốt thời gian phục vụ trong quân ngũ. Không bao giờ nghĩ anh là con người vô tâm vô tính, bất cận thân tình cả.

Văn Quang với những người muôn năm cũ Nguyễn Mạnh Trinh

Những người muôn năm cũ. Hai mươi năm văn học miền Nam 1954-1975 đã có bao nhiêu khuôn mặt đã thành người của muôn năm cũ? Những khuôn mặt ấy dần vắng đi trong đời thường nhưng vẫn còn hiện hữu trong văn chương.

Với tôi, không biết tại sao lại có một liên tưởng nào đó, từ những chuyện kể về các chân dung văn học lừng lẫy một thời làm tôi nhớ đến Sài Gòn, thành phố mà tôi có quá nhiều kỷ niệm. Từ người nhớ đến cảnh, để gợi lại một thời đã qua. Cho dù, lúc ấy tôi chỉ là một người mê đọc sách và không có sinh hoạt văn chương nào. Nhắc đến những người xưa, lại nao nao buồn, lại nhớ về những kỷ niệm mà có lẽ khó quên trong đời mình. Những kỷ niệm riêng tư, sống mãi trong tâm thức mình không phai...

Có một lần tôi đọc bài viết của Văn Quang trong loạt bài “Lầm Cầm Sài Gòn Thiên Hạ Sự” viết về tang lễ họa sĩ nhà văn Thái Tuấn có những cụm từ làm tôi chạnh lòng. Những “ người anh em cũ”. Chữ “ cũ” của ngày xưa, dù chỉ mấy chục năm mà sao nghe xa xăm lắm:

“Tang lễ cổ họa sĩ Thái Tuấn chắc chắn sẽ có rất nhiều “anh em cũ” đến tiễn đưa “lão làng” về nơi an nghỉ cuối cùng. Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với tôi như thế trước khi tôi từ Lộc Ninh về Sài Gòn. Tôi hiểu “anh em cũ” có nghĩa là những anh em hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật trước năm 1975 ở miền Nam, chứ chẳng riêng gì ở Sài Gòn. Họa sĩ Thái Tuấn đã trở thành một trong số vài nghệ sĩ nhiều tuổi nhất còn sống ở thành phố này. Ông trở thành

“cây đại thụ” cũng như những hàng cây đại thụ mà từ khi những người Bắc di cư vào Nam năm 1954 đã nhìn thấy trên những con đường đẹp nhất đô thành thời bấy giờ..”

Tôi có ý nghĩ như đọc một bài viết của một người “lưu lạc” trong chính đất nước của mình, viết chuyện hiện tại mà nghe vương vất những chập chờn của quá khứ. Chiến tuyến hai bên hình như là đường hào quá sâu, cả mấy chục năm mà vẫn chưa san bằng được. Đọc bài viết, tưởng như thấy những người bị gạt bỏ ra những sinh hoạt mà họ yêu mến trân trọng. Và, dù có muốn nối tiếp cũng chỉ là những công trình rời rạc mà thôi.

Văn Quang viết” .. Trong lúc chờ đợi linh cữu ra ngoài xe, tôi có dịp nói chuyện với Dương Nghiễm Mậu. Hồi này anh cắt tóc ngắn, kiểu cắt “bốc” của những cậu học sinh khi còn nhỏ. Anh vẫn trẻ trung như thanh niên. Tôi chưa kịp cười anh đã giải thích ngay “Ấy cắt tóc như thế để chúng nó không nắm được tóc mình” Nguyễn Nghiệp Nhượng nhún vai, phê một câu ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa “hơi muộn”. Một anh bạn nào đó hòa theo “Không những nó bấm tóc ông mà còn bị nó ghè cho gãy xương”. Tôi hỏi lảng” Cuốn sách của ông ra sao rồi? Hết bán được rồi phải không?” Dương Nghiễm Mậu cười tỉnh như không” Chỉ không bán được ở Sài Gòn thôi. Còn các nơi vẫn bán như thường. Mình chỉ ngại cho nhà xuất bản, họ bỏ vốn ra in khá nhiều. Mình thì cứ bình an vô sự.-“ Té ra thành phố Sài Gòn lại không cởi mở bằng những nơi khác”. “ ở đó mà cởi..”

Một chút chua chát. Một chút bất cần. Những người cầm bút thuở xưa hình như vẫn chưa “thỏa hiệp” được. Không giống như những Từ Kế Tường, Đoàn Thạch Biền, Mường Mán,.. để có chức tước, có nhà cửa...!!!

Văn Quang đã viết trong “ Sài Gòn –Cali 25 năm gặp lại “ về hiện tượng ấy:

“ .. Có lẽ tình hình ấy cũng giống như ở Sài Gòn thôi. Chỉ khác là ở Sài Gòn lớp người hoạt động văn nghệ trước năm 1975 hầu hết đã yên lặng thậm chí có một số nhiều, đọc giả ở đây không còn biết đến tên tuổi họ nhưng ở nước ngoài thì lại có nhiều người biết đến tên tuổi họ. Đó là một sự thật. Nhưng có những tên tuổi vẫn còn sống được giữa hai thời kỳ, đó là những người vì lẽ này hay lẽ khác vẫn còn đất dụng võ, dù là sống vất vưởng chứ cũng chẳng làm nên trò trống gì. Hay nói cách khác là những người cần kiếm cơm ăn áo mặc hàng ngày. Còn những vị sống được giữa hai thời kỳ mà vẫn cơm no rượu say thì có thể đếm trên đầu ngón tay.

Nhưng với những anh em đã từ xưa cùng sống với nhau ở Sài Gòn thì với người ở nước ngoài về, tình thân vẫn còn đó, sự gần gũi vẫn như xưa nếu không muốn nói là hơn xưa. Hồi đó có những người chưa từng gặp nhau chỉ biết tên nhau nhưng bây giờ trở về người ta đi tìm nhau, đôi khi là sự tương trợ rất đậm thắm. Đó là sự thông cảm ngày càng sâu sắc càng thấy thương nhau yêu quý nhau hơn. Anh Thái Tuấn hỏi về tình hình những anh em còn ở lại đây. Tôi kể:

-Không nhiều lắm nhưng cũng đủ để vui chơi những lúc nhàn rỗi. Bây giờ có tuổi cả rồi nên nhiều lúc ngại di chuyển. Tình huống có dịp nào đó gặp nhau, cái đám ma như đám ma Trần Lê Nguyễn thì đông đủ cả, đám giỗ như giỗ anh Chu Tử thì cũng vài ba chục người do gia chủ Chu Vị Thủy và Đặng Giao chọn lựa, tiễn người ra đi như tiễn Uyên Thao, Thanh Thương Hoàng có đến trên 40 người. Lâu lâu có một ông về chơi như ông Phan Diên thì lại cơm gà ngồi tùm tùm trong một căn phòng nhỏ. Sinh hoạt chẳng có nơi chốn nào nhất định và làm thế nào có nơi chốn nhất định được! tuy nhiên những hoạt động của anh em ở hải ngoại thường được anh em ở đây rất chú ý. Nhưng báo chí sách vở thì khó lòng về được đến nơi. Đến ngay mấy số báo Kịch Ảnh vô thường vô phạt gửi qua bưu điện năm lần đều mất tăm cả năm. Vài anh em có computer, chơi e-mail nói chuyện cà kê dề ngỗng với nhau hàng ngày nên hầu như những sinh hoạt lật vật thì chuyện gì cũng biết ngoại trừ những chuyện mà anh em ở bên đó cho rằng có hại cho những người ở đây thì họ không gửi. Tuy vậy đôi khi cũng lạc lõng một vài cái e-mail lạ hoắc vừa đọc vừa lo chẳng biết có chuyện gì xảy ra hay không..”

Văn Quang đã viết Lầm Cầm Sài Gòn Thiên Hạ Sự trong một tình cảnh tế nhị của những người không có tự do cầm bút. Bài phỏng vấn của nhà văn Lê Thị Huệ bày tỏ một vài điều.

“ Lê Thị Huệ; Tại sao ông lại chọn đề tài ấy. Giữa cách viết này ông viết rất sung sức, rất khỏe, rất bén nhạy. Tại sao ông không chọn lối sáng tác tiểu thuyết như trước năm 1975?

Văn Quang: Về câu hỏi thứ hai tôi chọn lối viết “Lắm cảm Sài Gòn thiên hạ sự” bởi mỗi đề tài, tôi chọn một lối viết khác để độc giả dễ dàng chia sẻ những cảm xúc, những ý tưởng của mình. Trước đây tôi cũng thường viết nhiều loại. Tiểu thuyết, tiểu thuyết phóng sự, phóng sự, truyện ngắn. Tiểu thuyết để diễn tả những đề tài về nội tâm sâu sắc hơn, và tính thời đại chứ không phải thời sự. Tính thời đại có thể nói về những sự việc, những tâm trạng, những hình ảnh cách đó 5, 10 năm. Nhưng thời sự thì chỉ diễn tả những sự kiện xảy ra gần nhất trong tuần hoặc trong tháng.

“Lắm cảm” là lối viết có tính cách thời sự. Bởi tính cách đặc thù của thời hiện tại nơi tôi đang sống nên buộc phải viết theo một cách nào đó để không bị gây phiền lụy. Tôi xông vào những đề tài xã hội nóng nhất có tính điển hình nhất mà người dân đang chú ý. Một nhu cầu khác nữa là hướng đến độc giả hải ngoại đang quan tâm tới điều gì? Nói cho rõ hơn, Việt kiều của chúng ta đang muốn biết điều gì đang xảy ra tại quê hương mình. Chắc ai cũng muốn có những thông tin chính xác không bị vo tròn bóp méo bởi bất cứ lý do nào, đôi khi chỉ là sự “tam sao thất bản” nên thông tin thiếu độ trung thực. Tôi chọn lọc những sự kiện ấy, tìm kiếm thông tin chi tiết và làm thế nào càng chính xác được càng tốt. Nó không phải là một bản tin thuần túy mà đưa vào những nhận định quan điểm của riêng mình như một lời bàn bạc, nói chuyện với độc giả một cách bình thường chứ không phải là lý luận. Từ đó bạn đọc có thể hiểu rõ được vấn đề hơn và có thể suy luận nhận định riêng. Do đó, người ở xa quê hương vẫn có thể biết rõ những sự việc xảy ra ở quê nhà.

Tuy nhiên như chị đã thấy “lắm cảm Sài Gòn” không chỉ là những chuyện lắm cảm. Nó có cả những mặt trái mặt phải của xã hội, chuyện khôi hài và chuyện đau thương những bản tường trình thẳng thắn vượt qua mọi áp lực. Miễn là chuyện xảy ra có thật. Cái nhìn xoáy vào phía sau những sự việc đã và đang xảy ra chứ không phải chỉ có bề mặt sự việc, tôi nghĩ đó mới thực sự cần thiết cho bạn đọc ở nước ngoài vốn không có nhiều thì giờ theo dõi.

Tóm lại, “Lắm cảm Sài Gòn thiên hạ sự” nếu tổng kết lại nó sẽ là một bức tranh toàn cảnh của xã hội tôi đang sống. Nó phản ánh được trung thực mọi vấn đề ở bề mặt đời sống của người dân thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội. Từ một anh nông dân” lừa được cả nước “đếm một đại gia lương thiện và bất lương từ lớp thanh niên đến các quan chức từ cô gái tình lẻ đến các cô gái chân dài thành thị. Từ nỗi đau thương cơ cực của “những người bị bỏ quên” như anh em thương phế binh VNCH đến những cảnh trác táng cùng cực hoang phí vô cùng của lớp người ăn trên ngồi trước.. cái khoảng cách giữa thành thị và nông thôn những điều phi lý bất công những điều cần nói mà người dân không nói được.

Tất nhiên trong hoàn cảnh của tôi có những hạn chế mà ai cũng hiểu được. Cho nên viết và lách vẫn là điều phải nghĩ tới. Tôi làm cái gì mà luật không cho phép mà cũng không cấm. Tôi làm với lương tâm của người cầm bút. Dù ở đây chẳng có ai công nhận tôi vẫn là người cầm bút. Người làm báo có thể làm báo nhưng tôi chẳng có gì ngoài những tìm tòi của mình, tự mình lựa chọn thông tin. Còn những “rủi ro” bao giờ tới và tới lúc nào, đành chấp nhận như một số phận an bài. Nếu cứ nghĩ tới những thứ đó thì chẳng làm được việc gì đáng làm. Tôi không tham gia bất kỳ tổ chức nào, tôi không thích làm “chính trị” như bản tính tôi từ xưa tới nay. Tôi chỉ biết cầm bút, độc lập và hành xử theo tiếng gọi của lương tri...”

Hay câu trả lời Lê Thị Huệ về những ngày tù của ông:

“Có những điều đáng nói về những ngày tháng trong nhà tù. Và cũng đã có rất nhiều những cuốn sách nói về chuyện này rồi. Nhiều chi tiết đã được trình bày cụ thể. Vì thế lúc này tôi nghĩ vào vị trí của tôi nên chuyên tâm vào những vấn đề xã hội hiện tại mà tôi đang có điều kiện tìm hiểu tường tận hơn các bạn khác. Tôi chỉ có thể nói nhà tù vẫn là nhà tù, không có chuyện cải tạo ở đây. Điều này tôi cũng đã viết trong “Ngã Tư Hoàng Hôn”. Một lúc nào đó, nếu còn thì giờ có thể tôi sẽ viết lại toàn bộ những sự thật mà tôi đã được chứng kiến”

Riêng với cá nhân tôi, một người đọc tôi đã nhìn Văn Quang qua con mắt của một người rất tò mò về đời sống ở một nơi chốn mà mình rất thân quen nhưng bây giờ xa lạ. Đọc những bài viết của ông, tôi mừng tượng thấy một cuộc sống linh động diễn ra, phản ánh cho một thời thế thật nhiều biến động. Ở thời điểm này, khi cả thế giới như một ngôi làng trong kỹ nghệ

truyền thông thì con người dù ở những không gian khác nhau gần gũi nhau hơn. Đọc Văn Quang để nhớ lại , để hồi tưởng và thấy cả một đại dương xa cách ngàn trùng có lúc như thu nhỏ lại để gần tới một vài bước chân đi đến...

Tôi đã đọc tiểu thuyết Văn Quang từ khi còn lâu lắm lúc còn ngồi ở ghé nhà trường. Tôi biết ông là một nhà văn có nhiều tác phẩm được in và rất nhiều độc giả. Thêm nữa , ông là một người viết tiểu thuyết từng kỳ cho các nhật báo ở Sài Gòn có những tác phẩm được chuyển thể thành phim ảnh. Ngoài ra ông còn làm Quản Đốc đài phát thanh Quân Đội và là một sĩ quan cấp tá trong tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị của quân lực VNCH. Nhưng khi tuổi trẻ tôi ít quan tâm tới những tiểu thuyết như Chân Trời Tím , hay Người Yêu Của Lính , dù những cuốn sách này đã gây ra những dư luận một thời. Lúc ấy , tuổi trẻ nên say mê theo những “ thời thượng” , một chút triết học , một chút làm dáng của sự chưa trưởng thành. Lúc ấy vừa bắt đầu những khốc liệt của chiến tranh nên đời sống đã nhuốm nhiều những hoài nghi , những vắn nạn của những người vừa đi vào cuộc.

Khi sang định cư ở đây, bắt đầu gia nhập sinh hoạt văn chương , quen biết người này người kia , tôi biết thêm nhiều chi tiết về nhà văn Văn Quang. Người hay nhắc tới ông nhiều nhất là nhà văn Mai Thảo. Trong những cuộc trà dư tửu hậu ông hay nhắc đến những bạn hữu của ông , những người đã cùng nhau cầm bút làm thơ viết văn trong thời kỳ hai mươi năm văn học miền Nam . Ông nhắc đến một người bạn đã chia sẻ với ông những nỗi buồn , những niềm vui của nghiệp cầm bút với tâm cảm xót thương những người còn kẹt lại ở quê nhà.

Khi Văn Quang gửi bản thảo tiểu thuyết đầu tiên ông viết sau khi bị tù cải tạo trở về “ Soi Bóng Cuộc Tình” , nhà xuất bản Hồng Lĩnh in và nhà văn Mai Thảo đã viết một bài vào tập vừa trân trọng vừa thân ái. Ông nhắc đến những kỷ niệm , những lúc vui trong sum họp bạn bè , những lúc buồn khi cùng chung những ngày đen tối sau năm 1975. Nhà văn Mai Thảo viết:

“.. Để khép lại bài viết này, một vài dòng về cõi văn chương tiểu thuyết của Văn Quang. Ta có nhiều nhà văn quân đội là những tài viết xuất sắc. Như Phạm Huân , Thảo Trường , Y Uyên, Diên Nghị và nổi bật nhất là Phan Nhật Nam . Nhưng ở mấy nhà văn vừa kể, thường chỉ là những bút ký và hồi ký chiến trường , về đời sống quân ngũ , về những tuyến đầu và những trận đánh , với hình ảnh người lính chiến trực diện với kẻ thù trên cái toàn cảnh của chiến trường 20 năm khốc liệt. Văn Quang khác . Là một tiểu thuyết gia trong cái nghĩa trọn vẹn và toàn phần của một tiểu thuyết gia ông đã đẩy cõi viết ông tới những cõi bờ rộng lớn và nhiều mặt hơn, ở đó không chỉ có tiền tuyến mà còn có hậu phương , những cõi bờ mệnh mang ấy từ muôn đời đã có một cái tên gọi rất giản dị là xã hội, là đời sống. Và từ một vị trí tiểu thuyết gia như Văn Quang, xã hội không phải là một đồng bằng phẳng lặng và đời sống một con đường một chiều. Mà là những đỉnh cao kể liền những vực thẳm. Mà là những ngày đẹp trời còn có ngày mưa gió. Mà là những giọt lệ bên cạnh những tiếng cười, máu đang chảy ở một phía này lại hoa nở ở phía kia. Tất cả tạo thành một địa hình nhân thế cực kỳ phức tạp, với tình yêu , hạnh phúc và những vui buồn, lúc là sự thật lúc là ảo tưởng với những tỏ hiện lúc là mặt phải lúc là mặt trái, ở đó mỗi con người sống và chết với những vắn nạn , những mộng tưởng , những thảm kịch tạo nên phần số và định mệnh của một đời người. Những trạng thái trăm vẻ nghìn hình vừa kể chính là những chất liệu cho một thể văn phổ biến nhất và đang được đọc nhiều nhất ở thế kỷ này là thể văn tiểu thuyết, và người xử dụng tốt đẹp thể văn này là một tiểu thuyết gia.

Văn Quang là người của thể văn tôi vừa nói tới. Cho nên , bằng nhận thức trên và qua những tác phẩm chủ yếu của Văn Quang tuy ông cũng có một số phóng sự vui như Nguyễn Đình Thiều , như Hoàng Hải Thủy , trước sau tôi chỉ thấy ông là một tiểu thuyết gia, một tiểu thuyết gia trước hết. Một tiểu thuyết gia đã hiểu được rất rõ điều này ; là những tiểu thuyết hay của một thời – điều này cũng cốt nghĩa cho những cuốn best- sellers- phải có hiệu năng hấp dẫn và lôi cuốn người đọc. Không có là thất bại. Và lôi cuốn và hấp dẫn chính là hai điều đáng ghi nhận nhất ở cách viết Văn Quang , ở tiểu thuyết Văn Quang. Tiểu thuyết Văn Quang có một số người đọc mọi giới rộng lớn vì thế . Một thời gian dài , ông là một trong những tác giả đắt giá , có sách đạt tới những số bán cao nhất của văn chương tiểu thuyết ở miền Nam vì thế..

Cho nên tôi nghĩ, dẫu sau 17 năm im lặng và vắng bóng, Văn Quang không hề trở thành xa lạ với người đọc mà vẫn là một tác giả được nhiều người yêu mến. Và tiểu thuyết ông cũng vậy, viết lại 17 năm sau mà truyện dài do Hồng Lĩnh xuất bản ở ngoài nước là tác phẩm đầu tiên. “

Theo nhà phê bình Uyên Thao thì các tác phẩm của Văn Quang có thể chia làm bốn thành phần chính. Thứ nhất là mô tả cuộc sống của tuổi trẻ với những Nguyệt Ao Đổ, Đồi Chứa Trang Điểm, Tiếng Hát Học Trò, Nét Môi Cuồng Vọng, Từ Biệt Bóng Đêm... Phần thứ hai là phản ánh đời sống quân ngũ với Chân Trời Tím, Vì Sao Cô Độc, Người Lĩnh Hào Hoa, Người Yêu Của Lĩnh, Ngàn Năm Mây Bay., Phần thứ ba là phản ánh xã hội thực tại thời chiến như Xuôi Dòng, Tiếng Gọi Của Đêm Tối., và thành phần sau cùng là châm biếm những lẽ lối thời thượng lối lãng thuộc nhiều lãnh vực sinh hoạt, đặc biệt là các giới làm văn học nghệ thuật như Những Ngày Hoa Mộng, Sài Gòn Tốc.

Về tác phẩm Ngã Tư Hoàng Hôn được in ở hải ngoại trong thể loại phóng sự tiểu thuyết, là một trong những sở trường của Văn Quang. Có người nói rằng so với những tác phẩm được viết từ trước thì Ngã tư Hoàng Hôn có khá hơn nhưng chưa đủ sức vượt trội khi sa sánh với những cây bút như Vũ Trọng Phụng thời tiền chiến chẳng hạn. Theo tôi, khó mà so sánh giữa hai người cầm bút ở hai thế hệ khác nhau có tâm tư khác nhau và cả đời sống cũng khác biệt nhau một cách sâu xa. Vũ Trọng Phụng có cái nhìn của một người tuy sống dưới chế độ thực dân nhưng đời sống tương đối bình yên và ít có những biến động đời sống tác động đến nhân vật. Cái hiện thực của ông vẫn pha trộn hư cấu nhiều hơn. Còn ở Văn Quang, đời sống của chính tác giả và cả một xã hội mà ông sống là một cuộc sống bế tắc và tất cả mọi giá trị bị đảo lộn vì những biến cố thời thế. Con người ở trong những cơn lốc xoáy, dù ở bên này hay bên kia, dù trẻ tuổi hay già lão, dù là cán bộ viên chức của chế độ mới hay là những người của chế độ cũ vừa được thả khỏi trại tù, và hình như bị chìm đắm vào trong một bầu khí quyền tối tăm của một thế giới bị xuống cấp tới tận cùng đày đọa. Những người đã từng sống ở trong nước chắc hiểu rõ những cảnh tình này. Trong diễn tả của Văn Quang, hình như chất hiện thực nhiều hơn so với những hư cấu và một xã hội có thực được phác họa lại bằng những chấm phá độc đáo và sâu sắc.

Sau năm 1975, tình trạng xã hội ở Việt Nam càng ngày càng có nhiều vấn đề trầm trọng từ kinh tế đến sự phá sản của đạo đức. Chế độ chính trị độc tài toàn trị đã gây ra bao nhiêu nỗi thống khổ cho dân chúng. Và, con người trong hoàn cảnh ấy cũng bị ảnh hưởng nặng nề theo. Nhà văn Uyên Thao đã viết về “Ngã Tư Hoàng Hôn”:

“qua Ngã Tư Hoàng Hôn, Văn Quang đã phác họa những hậu quả não nề do các chế độ chính trị tạo ra in hằn từ tâm lý cá nhân đến thực tế xã hội để hình thành bức chân dung toàn cảnh về sự dẫy dụa trong ngỗ ngược tối tăm nhớp nhúa của con người Việt Nam sau những biến động lịch sử nổi tiếp hơn nửa thế kỷ và cuộc đổi đời 1975. Hậu quả của tất cả những sự kiện đó không chỉ phá nát đời sống về kinh tế của một xã hội mà đã thọc sâu những mũi dao nhọn vào tận tim óc con người gây nên những vết thương tâm tư nhức nhối cho từng cá nhân nhỏ bé không dễ hàn gắn theo năm tháng.

Với Ngã Tư Hoàng Hôn, Văn Quang gần như đã khẳng định tương lai đất nước chỉ là một khoảng trống đen ngòm sau hơn nửa thế kỷ dân tộc phải cắn răng chịu nỗi đọa đày chấp nhận mọi nỗ lực hy sinh và đổ ra không biết bao nhiêu là xương máu.

Từ đây, Ngã Tư Hoàng Hôn cũng là tiếng kêu báo nguy về một xã hội hoàn toàn lạc hướng trong đó con người không còn biết và thê thảm hơn là không thêm biết đâu là Tà đâu là Chính, đâu là phải đâu là trái trong lúc miệt mài lao theo những dẫn dắt của bản năng..”

Văn Quang là một sĩ quan cấp tá của QLVNCH, bị đi tù hơn 12 năm, nhưng không đi mỹ theo diện HO và tình nguyện làm một người ở lại để quan sát và viết về một xã hội mà đối với người Việt hải ngoại còn nhiều bí ẩn gọi óc tò mò. Sự lựa chọn của ông, tới bây giờ ông vẫn thấy không có gì hối tiếc mà còn trái lại nữa. Mỗi người một hoàn cảnh, mỗi sự lựa chọn trong cuộc đời có số phận riêng mà ông trời đã định. Số phận của Văn Quang là làm một nhân chứng để viết về một xã hội đang tan rã, khi mà tiền bạc trở nên một cứu cánh cho cuộc đời và tất cả các giá trị khác đều trở thành không nghĩa lý và có thể mua bán đổi chác bằng tiền bạc.

Văn Quang viết “Soi Bóng Cuộc Tình”, viết “Sài Gòn-Cali 25 năm gặp lại”, viết “Ngã Tư Hoàng Hôn”, viết “Đổi Đồi”, viết “Lầm cẩm Sài Gòn thiên hạ sự”, Tất cả chỉ với một chủ đích của một người viết lại những biến chuyển của một xã hội mà ông đang sống. Ông tâm sự :

“ Ở đây cũng có một số anh em sĩ quan cũ sau khi ở tù ra rồi cũng không đi theo diện HO. Dường như vấn đề kinh tế quyết định tất cả. Hầu hết những người ở lại đều có một cuộc sống tương đối ổn định hoặc có những trở ngại về gia đình, như con cái đã có vợ có chồng rồi không được đi theo.. mỗi người một hoàn cảnh.

Mặt khác tôi nghĩ anh em ra đi nhiều rồi tôi muốn ở lại để chứng kiến cho hết, cho đầy đủ những đổi thay. Đời sống lúc đó ở đây bấp bênh rồi chao đảo vì Liên Xô tan rã, vì Đông Âu sụp đổ. Cuộc sống “lên voi xuống chó” quay quắt nếu nhìn như một kẻ ngoài cuộc nó sinh động hơn một sân khấu với đầy đủ bi hài kịch thú vị. Có quá nhiều đề tài mới lạ cho mình ghi nhận. Làm một nhân chứng sống có lẽ hay hơn. Và cũng vì sự “gặm nhấm” của tôi về “người bạn đồng minh” nên tôi quyết định ở lại..”

Tôi đọc Văn Quang, từ những tác phẩm đã xuất bản đến những bài viết đăng tải hàng tuần trên các “web-site”, với sự thích thú của một người trở lại với nơi chốn mà mình đã rời xa hơn 20 năm. Có người hay đi về Việt Nam thường nói rằng thành phố cũ đã thay đổi toàn diện đến nỗi không ngờ và nếu đi về để thơ thẩn tìm kiếm những điều xưa cũ thì thật là khó khăn. Tôi là người hay trân trọng với quá khứ dù mình chỉ là một người bình thường nhưng cũng nếm đủ mùi phong trần từ sau ngày tang thương tháng tư năm 1975.

Đọc Văn Quang, như đã về thăm quê hương, một nơi chốn mà mình luôn nhớ về. và từ cảnh, lại chạnh nghĩ đến người, những người của “muôn năm cũ”. Ruộng dâu thành bể xanh, nhưng con người có lúc vẫn cảm khái để ngưỡng vọng về một thời kỳ đã thành một phần cuộc sống mình. Máy ai, khi nhắc về nơi chốn cũ, về những người đã xa xăm mà không thấy nao lòng. Ở Văn Quang, tôi đọc ông qua tâm cảm ấy...

Phạm Huấn phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi

Phạm Huấn hào hoa, những ngày còn ở Sài Gòn. Và những năm đầu ở Mỹ, hoàn thành 4 tác phẩm về chiến tranh.

Sáng thứ bảy ở VN, chiều thứ sáu 21-10-2005 ở Santa Ana, tôi nhận được điện thoại của người em dâu ở Mỹ báo tin: Phạm Huấn vừa “về với Chúa”.

Thật ra điều này không làm tôi ngạc nhiên, vì từ mấy năm nay bạn bè đã cho tôi biết về bệnh tình Phạm Huấn. Anh nằm trong “nhà an dưỡng” ở San Jose trong một tình trạng rất đáng buồn, các bạn tôi nhìn thấy anh, không ai không mũi lòng. Trong thời gian đó tôi chỉ được coi một tấm hình anh ngồi ngơ ngẩn trên hàng ghế đầu khi trình làng tập thơ của Hoàng Anh Tuấn ngay trong một căn phòng khách của “nhà an dưỡng”. Tôi không thể nào hình dung được con người đẹp trai, hào hoa phong nhã ngày nào, bây giờ lại... “thảm” đến như thế được. Chứng bệnh mất trí nhớ hành hạ anh và cả những người thân của anh thường xuyên có mặt bên giường bệnh.

* Phạm Huấn chỉ đóng một phim duy nhất

Hình ảnh hôm nay, khiến tôi càng nhớ tới khi anh đóng phim “Ngàn năm mây bay” do Thái Lai sản xuất dựa trên một truyện dài của tôi xuất bản vào khoảng năm 1962. Và dường như đời anh chỉ đóng có một cuốn phim duy nhất đó, thế nên nó cũng giống như một cuộc vui chơi mà thôi. Những lần sau đó, có người mời anh đóng phim, anh đều từ chối. Ngay trong phim Chân Trời Tím, tôi gợi ý anh vào vai một sĩ quan bánh bao, học giỏi, con nhà giàu, bên cạnh vai chính

Hùng Cường và Kim Vui, nhưng anh lắc đầu: “Tao thấy nhân vật đó hơi... kỳ”. Và rồi vai nào anh cũng chê. Mặc dầu đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, đôi khi cũng rủ rê anh “đóng một vai cho vui”, cũng như Hoàng Vĩnh Lộc đã từng rủ rê cả Duyên Anh, đóng vai bệnh nhân trong một bệnh viện và Hà Huyền Chi vào vai “người vắc quan tài” trong phim “Người tình không chân dung”. Gọi là đóng phim chơi cho vui, có tên tuổi của những nhà văn, nhà báo cho thêm xôm tụ. Trong phạm vi đứng đắn của một tác phẩm, vẫn có những “trò nghịch ngầm”, vui chơi của anh chị em nghệ sĩ mà chắc khán giả cũng biết. Nhưng nếu có ai gọi Phạm Huấn là tài tử, anh cho rằng người ta “chọc giận” mình. Bởi theo nhận định của tôi, anh thích là một phóng viên chiến trường, một nhà văn, hơn bất cứ thứ gì khác. Cuộc đời trai trẻ của Phạm Huấn sôi nổi nhưng không “giang hồ đến cả hoa kia cỏ này” như ông bạn già Phan Nghị của chúng tôi. Một ngày của anh là công việc và lãng du, tình yêu và quân ngũ, những thứ gắn liền với nhau như từ trong máu.

Tôi không nhớ chính xác chúng tôi quen nhau từ năm nào, nhưng gặp nhau là thân ngay, cũng gần nửa thế kỷ rồi đấy. Nhưng từ 30 năm nay, tôi không một lần gặp lại Phạm Huấn. Nhớ lại lần đầu gặp anh, vào khoảng đầu thập niên 60, khi anh về phục vụ tại Phòng Báo Chí, Cục TLC. Khi ấy anh vừa từ giả chức Đại đội trưởng Đại Đội Văn Nghệ ở vùng 1, đồn trú ở Quảng Ngãi. Có lẽ vì yêu cuộc đời phóng viên nên anh xin về làm báo quân đội. Anh nói với tôi: “Sẵn sàng đi bất cứ chiến trường nào, chứ không muốn ngồi bàn giấy làm biên tập viên”.

* Cuộc đời phóng viên chiến trường

Ngay thời gian đầu, trong khi còn đang “học việc”, anh đã tỏ ra xông xáo và mộng ước của anh là được đi học nhảy dù để khi cần có thể nhảy xuống những chiến trường sôi động trong lửa đạn, cũng như Dương Phục và một số những anh phóng viên trẻ khác đang muốn nâng cao tay nghề của mình. Trên hết vẫn phải nói đến ý chí của họ, là một người lính sống chết với chiến trường như những chiến binh khác ngoài trận tuyến. Một lần nữa Phạm Huấn hoàn thành được tâm nguyện của mình. Từ đó anh thường đi cùng một ê kíp phóng viên có mặt ở hầu hết các chiến trường miền Nam. Một ê kíp phóng viên Quân Đội thường có đủ mặt: phóng viên nhiếp ảnh, phóng viên quay phim truyền hình, phóng viên báo chí, phóng viên phát thanh. Anh nào có cấp bậc lớn hơn làm trưởng toán, bất kể anh ở chuyên môn nào.

Những năm sau này, chiến trường trải rộng ở khắp các quân khu nên chúng tôi phải lập nhiều toán thường trực mà không thể đáp ứng hết các nhu cầu. Thế nên có những phóng viên vừa ở Quảng Trị về đã phải khăn gói lên ngay Pleiku, Kontum, hoặc chui vào Bình Long... Hầu như họ không còn ngày nghỉ. Nhất là mỗi lần đi công tác đều thiếu tiền. Theo nguyên tắc hồi đó, để tiết kiệm ngân sách và cũng để phòng ngừa những chuyện lợi dụng có thể xảy ra, quân đội chỉ cho lãnh công tác phí tối đa là 15 ngày trong một tháng, mặc dù anh đi công tác cả tháng. Điều đó tất nhiên gây nhiều thiệt thòi cho những anh phóng viên suốt tháng lăn lộn khắp “bốn vùng chiến thuật”. Tôi cũng muốn nói điều này để thấy được chúng ta đã phải tiết kiệm như thế nào và sự ngăn ngừa tệ nạn “tiêu cực” ráo riết đến mức nào. Không phải cứ ở trong quân đội là đầy đủ như một số người đã tưởng tượng ra.

Mỗi lần đi công tác là một lần lo tiền, có những PV phải vay cào vay cấu vài ba chục ngàn làm tiền lộ phí. Đến ngay cả cái xe ra phi trường, đôi khi cũng không có, nhờ bạn đèo xe gắn máy hoặc vẫy cái taxi đi cho kịp giờ. Đến đơn vị nào rảnh rỗi thì có thể được ăn cùng ở cùng, nhưng nếu gặp khi đơn vị nằm ở bìa rừng trong vòng trận mạc thì... ráng tự xoay xở lấy. Anh trưởng toán lại lo sốt vó. Có điện thoại về cho “trung ương” thì cũng chưa chắc gì đã lo nổi, có khi còn được móc ngay vào một công việc khác: “Nhà hết phóng viên rồi, nhân tiện các anh ở Huế, đi luôn vào Quảng Ngãi làm cái phóng sự ở một quận nào đó vừa có tin chiến trường nóng bỏng”. Thế là lại bay vào Quảng Ngãi và còn “tiện thể” đi những đâu nữa thì “hạ hồi phân giải”. Miễn là mỗi buổi tối có một bài tường thuật cho phòng tin tức.

Phải cố gắng lắm, chúng tôi mới kiếm ra một chút ngân quỹ để “đền bù” cho những thiệt thòi ấy

của các anh phóng viên trẻ “rách hơn cái mền rách”. (Nói theo chữ nghĩa bây giờ ở đây là “bồi dưỡng” đúng nghĩa của nó, chứ không phải “bồi dưỡng” theo kiểu hối lộ, chia chác hàng triệu đô la cứ như lấy đồ trong túi). Tuy vậy số tiền bồi dưỡng chỉ có sau khi đi công tác về và chỉ có một giới hạn nhất định, mỗi anh cầm tạm vài ba chục ngàn, chỉ bằng tiền vài bữa cơm ngoài quán “Bà Cả Đợi”.

* Anh chàng đào hoa quá khiến con gái... sợ

Sau những giây phút căng thẳng đó, Phạm Huấn lại trở về với thành phố Sài Gòn và “rũ áo phong trần, khoác áo hào hoa”. Nhìn anh lúc đó chẳng khác gì một thư sinh công tử, không ai nghĩ anh là PV chiến trường vừa thoát chết trên Đại lộ kinh hoàng cùng với Vũ Thanh Thủy và Dương Phục.

Phạm Huấn và tôi có quá nhiều kỷ niệm vào những năm tháng này. Từ công việc trong mấy tờ báo Quân Đội đến cuộc sống ngoài đời. Chiếc xe Taunus 15 như con trâu già của tôi đã được Phạm Huấn lái đi chơi cùng khá nhiều người đẹp.

Trẻ tuổi, đẹp trai, độc thân, đầu ngọt như mía lùi, chơi mượt cũng xuất sắc nên luôn vây quanh Huấn là những người đẹp. Tất nhiên đi chơi với Huấn thì phải chấp nhận phần thiệt về tôi.

Có một vài ca sĩ loại “sao đang lên” của Sài Gòn lúc bấy giờ đã từng là “bạn gái” của Huấn. Tôi xin phép không kể tên ra đây vì tôn trọng cuộc sống của từng người hiện còn đang ở đây hay ở nước ngoài. Tôi dùng chữ “bạn gái” vì thật ra đối với Huấn và ngay cả những người đẹp đó, dường như chỉ là một tình cảm đậm đà trên mức bình thường một chút mà thôi. Câu mà Huấn thường đùa cợt với bạn bè là “vương vấn, vấn vợ, vật vờ” cho lên hương cuộc đời. Cũng đẹp lắm chứ. Có thể hiểu được tâm trạng của những người đẹp khá nổi danh này. Thích đấy, vui đấy nhưng lại sợ. Một anh chàng hào hoa và đào hoa quá thường làm các cô gái e dè, “phòng thủ cẩn mật” hơn là đối với những vị thượng gia thường tỏ ra hiền lành, dễ thương và dễ bảo hơn. Còn với Phạm Huấn thì cũng thế, đối với những người nổi tiếng, anh “chờn vờn” chứ không thể hay không dám “đặt cược cuộc đời lâu dài” mình vào đấy.

* Một ngoại lệ

Nhưng có một người đẹp nữ sinh được mệnh danh là “hoa khôi Gia Long” thì khá nặng tình với anh chàng phóng viên hào hoa và đào hoa này. Không biết bao nhiêu lần, chiếc xe của tôi đã đưa hai người đi trên “xa lộ không đèn”. Và chẳng lần nào Huấn quên kể cho tôi nghe về những chuyện xảy ra. Chuyện của họ vẫn ở trong vòng lễ giáo và cho tôi cảm tưởng như họ có thiện chí muốn “xây dựng cùng nhau”.

Hoa khôi Gia Long cũng không hề giấu giếm tôi về những điều này. Bởi thật ra hoa khôi quen biết tôi từ trước khi Phạm Huấn về làm ở Cục TLC. Cô hay vào phòng báo chí như một độc giả, một “người em gái hậu phương” gửi tâm tình ra tiền tuyến. Cô cũng có viết vài ba bài cho báo Quân đội xung quanh đề tài “thời thượng” đó. Và sau này, khi Phạm Huấn không còn ở bên cô nữa, cô thường có những bài thơ đăng rải rác trên một vài tờ tuần báo ở Sài Gòn, nhiều nhất là ở tờ Văn Nghệ Tiền Phong. Không ngần ngại, cô gọi thẳng tên “H. ơi, còn nhớ ngày nào...”.

Sau năm 75, ở lại Sài Gòn, tôi lại có dịp gặp lại hoa khôi Gia Long. Lúc này đã con cái đùm đê, song vẫn còn đẹp, chúng tôi không nhắc gì tới chuyện cũ, nhưng qua ánh mắt, lại thấy đầy đủ hình ảnh những người xưa. Dường như người em trai của cô sắp đặt buổi gặp gỡ này cũng chỉ vì điều ấy.

* “Tao lấy vợ”

Đó là những ngày cậu trai trẻ Phạm Huấn khởi nghiệp làm phóng viên và cũng bắt đầu viết văn. Anh có nhiều phóng sự và truyện ngắn đăng trên các báo. Rồi đến khi có một khóa học về báo chí ở Mỹ, Huấn mãi đi làm phóng sự không có tên theo học. Anh về đến phòng, biết được tin này, anh lao lên phòng Cục trưởng TLC xin vào gặp. Hỏi đó là thiếu tướng Trần Tử Oai làm

giám đốc. – Một vị tướng khét tiếng nghiêm khắc từ thời còn làm Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Chánh văn phòng không dám đường đột cho vào, Huấn đập cửa vào và thản nhiên trình bày ý muốn được đi học lớp này. Không hiểu sao, ông Trần Tử Oai lại “chịu đền” anh chàng phóng viên ngang ngạnh này. Sau vài câu hỏi, ông ký giấy ngay cho Huấn đi học Mỹ. Việc đó khiến cả phòng báo chí chúng tôi ngạc nhiên.

Tôi không còn nhớ rõ khóa học sẽ kéo dài trong bao lâu, nhưng có một điều tôi nhớ rất rõ là sau khóa học về đến Sài Gòn, Huấn tuyên bố với anh em trong phòng “tao lấy vợ”. Và anh kể lại giai thoại anh gặp cô bé xinh xinh, đeo kính cận đang theo học ở Mỹ như thế nào. Gián dí đến không ngờ, họ chơi bài với nhau cho qua thì giờ rồi yêu nhau lúc nào không biết. Chàng về nước trước, nàng xin phép gia đình về sau. Đám cưới của hai người tôi không dự được vì theo học lớp tham mưu ở Đà Lạt. Tôi gặp họ trong tuần trăng mật ở một ngôi biệt thự rất đẹp ở cuối con đường lối vào Trường Chỉ Huy tham mưu.

Kể từ đó, gia đình Phạm Huấn với tôi càng thân thiết hơn. Những năm sau này, không tuần nào mà chúng tôi không ngồi xoa với nhau cho đến những ngày cuối tháng 4 -1975. Nhà tôi chỉ có một bàn xoa mặt chược, mà bạn bè thì quá đông, nên anh nào cũng phải nhanh chân đến đúng giờ. Điệp, Tuấn, Thủy, Phong, Tài, Hiến, Lệ Thu, NĐToàn, Hồng Dương là những chân thường trực. Còn về khuya thì đôi khi các ông đi chơi chán kéo đến, Hùng Sùi, Hoan Sứt,... ngồi một đồng, đấu láo tưng bừng. Các ông này quen chơi lớn, coi bàn chúng tôi là loại “còm”, ăn thua vài ba ngàn, nên chỉ đến “chầu rìa, hút thuốc vật”, xem mấy tay mơ đánh loạng quạng cho đỡ buồn. Thịnh thoảng Phạm Huấn cũng có đến, nhưng chỉ với mục đích ngồi coi ké Điệp đui vui chơi.

* Một phóng sự để đời

Khi tôi chuyển sang phục vụ ở Đài Phát Thanh Quân Đội, Huấn vẫn ở lại phòng Báo chí. Có một thời anh làm tờ Điều Hâu cùng anh Nguyễn Đạt Thịnh, chúng tôi quá bận rộn nên ít có thì giờ gặp nhau. Vài năm sau này, Huấn sang làm ở Ủy ban quân sự 4 bên ở Tân Sơn Nhất. Trong thời gian đó, khoảng tháng 2 năm 1973, Phạm Huấn cùng với Phan Nhật Nam, Dương Phục đi theo phái đoàn ra Hà Nội làm phóng sự trao trả tù binh đợt 2 diễn ra tại Phi trường Gia Lâm. Vào thời chiến tranh đó, Hà Nội đối với người dân miền Nam hoàn toàn xa lạ, cho nên được dịp ra Hà Nội là chuyện hầu như không thể xảy ra. Tất nhiên tôi phải đón sẵn Huấn để “vò” về làm tường thuật trực tiếp trên Đài PT Quân Đội. Nhân tới đó có chương trình Nghệ sĩ với chiến sĩ đang thu thanh, Phạm Huấn tường thuật toàn bộ chuyến đi Hà Nội ngay trong chương trình này.

Một phóng sự rất đặc sắc được thính giả đón nhận nồng nhiệt khiến chúng tôi đã phải phát lại đến vài ba lần nữa. Ngay sau đó cuốn sách “Một ngày tại Hà Nội” (1973) của Phạm Huấn được xuất bản kèm theo những hình ảnh sống động mà trên làn sóng điện phát thanh không thể nào có được. Đó cũng là cuốn sách đầu tay của “nhà báo Phạm Huấn” và cũng là cuốn sách duy nhất mà tôi được đọc. Sau này anh sang định cư ở Mỹ viết thêm những cuốn khác:

- Triệt thoái Cao nguyên (1987);
- Những trận đánh lớn trước khi mất miền Nam (1988);
- Điện Biên Phủ 54 - Ban Mê Thuật 75 (1988);
- Trận Hạ Lào (1990), rất tiếc tôi không có để đọc.

* Một người đáng được bạn bè tri ân

Năm sau cùng trong quân ngũ, Phạm Huấn lại nổi máu giang hồ, lên Pleiku làm SQ báo chí Quân đoàn 2. Anh đi cùng tướng Phú cho đến giờ phút cuối cùng. Anh điện thoại cho tôi khi “rút” về đến Nha Trang, anh diễn tả lại cảnh “loạn lạc hoang tàn” của thành phố này khi mọi người rời bỏ nó ra đi. Vài ngày sau, anh mới về được đến Sài Gòn trong khi gia đình anh đã đi theo tàu ra Phú Quốc. Anh tắt tả vào gặp tôi ở Đài QĐ rồi lác đầu: “Tao cuốn gói”.

Anh ra đi lúc nào và bằng cách gì, tôi cũng không biết. Cuộc sống sau này bên xứ người ra sao

tôi chỉ biết rất lơ mơ. Điều làm tôi ngạc nhiên chính là sự tan vỡ của gia đình anh. Cho đến khi Phạm Hùng trở lại VN cùng Phạm Long đến thăm, tôi mới tin đó là sự thật. Nhưng mọi chuyện cũ qua rồi, những vết thương rồi sẽ lành. Khi biết tin anh nằm ở bệnh viện, bên anh có chị Hà chăm sóc tận tình, tôi thành thật mừng cho anh. Có lẽ người chịu đựng với anh nhiều nhất trong những ngày tháng vừa qua chính là chị. Ít có người phụ nào chịu đựng giỏi như thế. Tôi chưa quen chị, nhưng là bạn bè của Huấn, tôi phải tri ân một người phụ nữ như chị. Nhiều người bạn Phạm Huấn cũng từng kể với tôi điều này, và bây giờ chắc họ cũng muốn nói với chị Hà như vậy.

Từ hôm được tin anh ra đi đến nay, tôi đã nhận được rất nhiều thư từ, điện thoại của các bạn ở khắp nơi. Trong số đó tôi nhận được e mail của Diệp báo tin vừa sang San Jose và cậu trưởng nam Phạm Huy Phong cũng có mặt từ trước hôm anh ra đi. Gia đình Phạm Hậu – người anh cả của anh – đã hai lần phải đổi vé máy bay vì cứ tưởng anh đi sớm hơn nữa. Cuộc chơi của người phóng viên quân đội đến bây giờ mới kết thúc trong nỗi nhớ thương của mọi người.

Nhưng với 5 tác phẩm của anh để lại, thế hệ sau này sẽ có dịp nhìn được rõ hơn những điều sống động, xác thật đã và đang xảy ra trong lịch sử dân tộc mình. Làm được điều này, cuộc sống của anh đã thật sự có ý nghĩa. Không phải ai cũng làm được như thế. Người phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi, nhưng những gì để lại vẫn còn sống mãi.

(Oct 24, 2005)

Lê Xuyên và những ngày cuối đời

Gần 10 giờ đêm 2-3-2004, chị Lê Xuyên điện thoại cho tôi thông báo tin anh vừa mất lúc 9 giờ 20, tức là cách đó nửa giờ. Lời chị kèm theo rất chân tình:

- Tôi gọi cho anh trước khi gọi cho nhà đôn.

Tôi hiểu ý chị và phải nói hiểu từ lâu mới đúng. Gia đình anh chị trong hoàn cảnh sinh sống rất khó khăn chật vật, vì thế nên tôi đã dặn trước: nếu có chuyện gì cần chị cứ gọi cho tôi. Tôi không tin vào tôi mà tin vào tình yêu thương của bạn bè từ khắp nơi luôn sẵn sàng giúp đỡ Lê Xuyên nên hứa ngay: Chị cứ lo mọi chuyện cho tang lễ của anh, còn chuyện khác để anh em chúng tôi lo. Chị vui vẻ:

- Nếu thế tôi an tâm rồi.

Buông điện thoại, tôi hoàn toàn không ngạc nhiên trước cái tin buồn này. Từ hai năm nay, Lê Xuyên nằm một chỗ, có thể nói thẳng nằm đó chờ ngày "về với ông bà". Một năm trước đây thôi, anh phải vào bệnh viện, chị cũng gọi cho tôi rồi đến nhà mang theo cả giấy "nhập viện" và số tiền phải trả. Tôi cũng lại làm cái nhiệm vụ thông báo cho một số anh em ở nước ngoài để kiếm tiền trả bệnh viện. Không phải chỉ có riêng chúng tôi mà còn những người quen khác của anh, những người bạn đồng hương, những người học cùng trường cùng lớp, có cả những người không hề quen biết cũng xúm nhau vào chung lo. Hầu như ai cũng hiểu rằng ngày "ra đi" của anh không xa. Nhưng may mắn, anh vẫn còn qua được vài mùa Xuân.

Những lần sau này tôi đến thăm anh, anh nằm đó nhưng tỉnh táo, không nói chuyện được song hỏi nhiều điều, anh vẫn nhớ, vẫn hiểu. Khi anh gật đầu, thỉnh thoảng có được một nụ cười, đôi mắt ánh lên một niềm vui. Nhất là khi tôi cố gọi lại một vài câu chuyện vớ vẩn từ hồi xa xưa chúng tôi gặp nhau ở ngoài đường hoặc ở toà soạn một vài tờ báo.

Tính Cách Lê Xuyên:

Để cho anh được sống lại với những kỷ niệm cũ, tôi kể lại một buổi sáng sớm vào khoảng năm

1971-72, sau một đêm đánh chấn với vợ chồng ông chủ báo Kịch Ảnh đường Cống Quỳnh, tôi lái xe về nhà. Qua đường Lê Lai, tôi thấy Lê Xuyên cúi đầu đi trên hè phố. Tôi đậu xe sát lại, Lê Xuyên vẫn chưa thềm nhận ra là xe của ai. Tôi bóp còi, lúc đó anh mới ngược lên nhìn và toét miệng cười. Ít khi ông Lê Xuyên cười lắm. Tôi đẩy cửa xe, thò đầu ra hỏi:

- Ăn gì chưa?
- Chưa gì hết trời, có tiền đâu mà ăn.
- Lên đây, tôi đưa ông đi ăn sáng.

Leo lên xe, anh hỏi thẳng:

- Đêm qua được hay thua?
- Được.
- Nhà không còn một xu, tui để tiền trong túi cũng hết luôn.

Tôi cười và hiểu cái sự "hết tiền trong túi" của anh dù mới lãnh lương. Móc trong cốp xe, tôi chia cho anh một nửa số tiền được bạc đêm hôm qua và dặn dò rất kỹ:

- Mang về toà soạn cất vào ngăn kéo để tiêu dần đấy.
- Ừ, tốt. Ông ăn sáng chưa, cho tôi đi với. Lâu rồi không được ăn đồ Tây.

Tôi cười:

- Ra Givral hay Brodard, ông thích chỗ nào.
- Đâu cũng được.

Chúng tôi ra Givral, sáng sớm tinh mơ chỉ có hai bàn khách. Tôi gọi mì jambon à món "đặc sản" ở đây còn Lê Xuyên gọi omelette jambon ngồi nhai bồm bẻm lấy làm thú vị lắm. Ăn xong tôi bảo ông có tiền rồi, lấy xe taxi về toà soạn, tôi phải về nhà thay quần áo rồi còn phải vào sở chào cờ vì hôm nay là thứ hai. Lê Xuyên cười hi hi:

- Cả đời tao chưa biết chào cờ là cái gì. Tao chỉ chào ông chủ báo khi lần đầu tiên đến làm. Ngô Quân cũng thế và Hồ Anh cũng thế.

Thỉnh thoảng tôi đưa bài đến báo Thời Thế, đôi khi vào buổi trưa, tôi lại rủ Lê Xuyên đi ăn trưa, hôm có tiền thì chui vào Chợ Lớn ăn cơm Tàu Bát Đạt. Có lần tôi rủ:

- Chúng tớ có cái phòng thuê ở trên lầu ba để thỉnh thoảng chơi phé, lấy tiền sâu gửi lại tay quản lý nên bất cứ lúc nào cần phòng là có ngay. Ông có muốn nằm lại đây một buổi không?

Bản tính anh hiền lành nên hỏi lại:

- Nằm làm gì, tôi phải về làm việc chứ.
- Ông ngây thơ thật hay ngây thơ cụ, ông cứ lên với tôi là biết ngay "nằm làm gì". Ông muốn Tàu cũng có mà ta cũng có.

Dĩ nhiên đến nước này thì ông bạn tôi phải hiểu, nhưng ông lắc đầu quày quạ như thằng con nít bị mẹ bắt lấy vợ sớm. Tôi đưa ông trở lại toà soạn và xác nhận với anh em rằng "Lê Xuyên nó đứng đắn thật các ông ạ". Một ông bạn tôi cãi: "Nó nhát chứ đứng đắn cái gì". Thôi thì nhát cũng được, đứng đắn cũng được nhưng nó không giống tui mình. Và một điều ai cũng nhận thấy là chưa bao giờ thấy mặt Lê Xuyên ở bất cứ cái phòng trà tiệm nhậu nào, ngay cả chỗ đông người anh cũng tránh. Tôi cứ lăm lăm ngắm ngời nhắc lại từng chuyện khiến anh thú lắm, đó là lúc anh được sống thêm.

Một bí mật bây giờ mới tiết lộ:

Cũng vào khoảng thời gian đó, tờ báo Thời Thế có một loạt bài điều tra phóng sự về một vụ tham nhũng của một ông "tướng vùng". Ông tướng nhờ một đại tá và một trung tá liên hệ với tôi để nhờ tôi can thiệp. Tôi chẳng biết trắng đen ra sao, nhưng đã có lời nhờ và giải thích thì tôi làm. Tôi gọi cho Lê Xuyên giải thích những gì tôi được nghe và đề nghị "thông cảm" với phóng viên cho ngưng loạt bài đó kẻo làm mất uy tín của một người chỉ huy vùng chiến thuật. Lê Xuyên nói ngay:

- Ông nói thì tôi nghe, nhưng để tôi thu xếp với anh em cho có đầu có đuôi.
Sau đó tôi điện thoại cho ông chủ báo Hồ Anh, lúc đó tôi mới biết rằng đã có một hai ông nghị sĩ dân biểu can thiệp, nhưng Lê Xuyên vẫn cứ tiếp tục cho đăng loạt bài này. Ông Hồ Anh bảo tôi cứ nói chuyện với Lê Xuyên, nếu anh ấy chịu thì không có gì trở ngại. Chỉ có thể thôi. Rất bất ngờ, hôm sau tôi đọc được hàng chữ trên trang nhất: "Vì có người bạn chúng tôi can thiệp nên chúng tôi thấy cần phải chấm dứt loạt phóng sự này". Quả thật đó là điều khiến tôi hết sức cảm động và ngay lúc đó tôi trở nên áy náy vì biết đâu đó là một sự thật mà công sức của anh phóng viên trẻ đã bỏ ra bị tôi "kỳ đà cản mũi". Tôi gọi lại cho Lê Xuyên, anh chỉ cười:
- Thông cảm với phóng viên rồi nó bảo ngưng cũng được, viết thế đủ rồi.
Tôi rủ anh đi ăn trưa, anh nói:
- Tôi vừa ngưng phóng sự mà đi ăn với ông thì khác gì đi ăn hối lộ. Thôi hôm nào ông được bạc mình lại đi ăn đồ Tây. Hôm nay tôi bận quá ông ạ.

Lê Xuyên cúp máy và tôi thì cứ ân hận, chẳng hiểu vì sao. Chuyện này còn có nhiều nhân chứng còn sống ở đâu đó, may ra họ còn nhớ. Tôi thì chẳng bao giờ quên.

Bỏ đi Tám!

Hơn mười năm sau, khi tôi ở trại cải tạo ra, Thanh Thương Hoàng dẫn tôi đến thăm Lê Xuyên. Anh ngồi bán thuốc lá lẻ ở một góc phố. Chiếc quày thuốc bé tẹo nhưng cũng đủ che hết tám thân gầy gò của anh. Chúng tôi nhìn nhau và cùng cảm thông rất sâu sắc cái thân phận mình lúc này. Anh chớp mau mắt nói như để an ủi hơn mười hai năm tù của tôi:

- Trông ông vẫn cứ phong độ như ngày nào.

Tôi thẳng thừng thương bạn:

- Còn ông, trông chán bỏ mẹ... Chỉ muốn khóc!

Hai bàn tay bạn tôi run lên, lật bật đút chiếc chìa khoá vào ngăn tủ kính để mấy gói ba số năm bán lẻ (hồi đó ba số năm quý lắm):

- Hút thuốc lá không?

- Không, tớ hút thuốc Lào quen rồi, về đây hút thứ nặng hơn mới đủ đô.

Thanh Thương Hoàng rủ sang bên con hẻm phía trước ăn sáng. Đó là con hẻm lối đi vào một ngôi chùa hay ngôi đình gì đó. Không có hủ tít, Lê Xuyên phải chạy đi gọi ở một nơi nào quen bán chịu cho anh ở gần đó. Lê Xuyên trở lại với con người thật của anh. Vẫn hiền lành, cười tủm và chân quê. Phải nhìn thấy cái cười tủm của anh mới biết tại sao anh viết về những cuộc tình của những đôi trai gái đồng ruộng miền Nam hay đến như thế, lấu cá đến như thế. Tôi nhủ thầm: Thằng cha này tâm ngảm tầm ngảm mà ghê lắm đấy. Nó không nói mà chỉ viết nên nó viết được nhiều hơn mình. Chỉ có nó mới viết được những "dòng chảy ngầm" của trai gái thôn quê miền Nam thật đến thế và hấp dẫn đến thế. Lê Xuyên khác với một số những cây bút hoàn toàn Nam Bộ như ông Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam ở chính cái "thật" của anh, không màu mè, không lý luận, không làm một cái gì như nghiên cứu sưu tầm về phong tục tập quán dưới hình thức này hoặc dáng vẻ khác. Từng động tác, từng thái độ, từng lối ứng xử trong nhân vật của anh cứ như con người thật lồ lộ đang ở trước mặt chúng ta vậy.

Trước mặt tôi, ông già Lê Xuyên vẫn còn cái hóm hình riêng, nhưng bây giờ thì như anh nói: "đếch viết nữa". Tôi hỏi không viết được hay không thích? Câu trả lời của anh gọn lỏn: "bỏ đi tám". Tôi không thể hiểu nổi ba chữ "bỏ đi Tám" mà anh dùng. Có một nỗi chua chát nào đó trong cái tâm sự thật của anh? Đến cái chứng minh nhân dân anh cũng không muốn làm nên không có hộ khẩu, cứ như ở lậu, công dân lậu. Thái độ đó có đồng nghĩa với sự "bỏ đi Tám" của anh không? Chỉ có anh mới hiểu và bây giờ anh mang theo.

Cách đây vài năm, tôi có viết về Lê Xuyên và may mắn nhận được sự giúp đỡ thiết thực của khá nhiều bạn bè. Trong đó có một vài tờ báo muốn đăng lại những truyện dài của anh, tôi hỏi,

anh chỉ lắc đầu: "chẳng còn cuốn nào" và cả chị ấy cũng không kiếm được cuốn nào cả.

Ba năm sau cùng, anh không còn sức để bán thuốc lá lẻ nữa. Thịnh thoảng tôi và Nguyễn Thụy Long kéo đến thăm, cố dìu anh ra quán cà phê cuối ngõ ngồi lai rai tâm sự vặt. Tôi vẫn cho rằng chỉ có lúc đó Lê Xuyên mới được sống thật. Hai năm sau này dù có cố lòi anh đi cũng không nổi nữa rồi. Anh như cái bóng trong góc tối của gian phòng chật chội vây quanh bởi hàng trăm thứ linh kính nào bàn ghế, chai lọ, giường tủ. Chỉ có cô gái út săn sóc cho anh, vợ và các con lớn của anh vất vả với công việc hàng ngày rất ít thì giờ trông nom cho bố. Cái chết đến từ từ theo từng ngày giờ buồn tênh, dường như anh chán cả cái sống cái chết, không thèm chú ý đến nó nữa.

Khi tôi đến với anh lần cuối là lúc các con anh đang tắm rửa, thay quần áo cho anh trước khi nhập quan. Cái thân hình gầy gò trần trụi của anh phơi ra, tất cả chỉ còn có thể. Tôi chuyển ngay cho chị số tiền mà tôi mới gửi e-mail tối hôm qua thông tin về sự ra đi của anh, nhanh chóng được đáp ứng. Các bạn ở Virginia, San Jose, Santa Ana yêu cầu tôi chuyển ngay khoảng 1.000 Mỹ kim đến lo tang lễ cho anh. Một người bạn đưa ngay đến 2 triệu và mang đến vòng hoa đầu tiên của bạn bè Sài Gòn. Hôm sau chị khoe với bà con đến phúng:

- Có bạn bè làm chỗ dựa nên tôi mạnh tay làm đủ thứ việc cho anh ấy. Mạnh gì gạo bạo vì tiền, có phải không các bác? Không có bạn bè, tôi chẳng còn biết xoay dở ra sao.

Tôi nói với chị:

- Chắc sẽ còn nữa, có một số anh em chưa gửi kịp, xin chị an tâm đi tiếp con đường ai cũng phải đi.

Buổi chiều ngày 5-3, đúng hai giờ lễ động quan bắt đầu, giữa trời nắng chang chang, chúng tôi đưa anh đến Bình Hưng Hoà. Có rất nhiều người bên hè phố lặng lẽ tiễn đưa anh, không ồn ào như những đám tang của những nhà nghệ sĩ mà ở đây người ta cho rằng đó là những "nhà nghệ sĩ lớn", nhưng những con người thăm lặng ấy dõi theo anh với tất cả tấm lòng mình. Họ không nói gì, không có kèn saxo như trong đám tang Trịnh Công Sơn, không có giọt nước mắt dài ngắn thở than của những danh ca nghệ sĩ, không có cả những bài "điều văn tưởng niệm" lâm ly bi đát, nhưng đầy ắp những tình yêu thương từ xa xưa đọng lại, từ bốn phương lãng đãng bay về phủ kín khung trời Sài Gòn. Thế là đủ, nó vượt lên trên tất cả.

Phụ đính

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn



Đã có một thời Hoàng Anh Tuấn là hàng xóm của tôi ở cư xá Chu Mạnh Trinh, bên ngã tư Phú Nhuận của Sài Gòn. Khu cư xá từng có khá nhiều văn nghệ sĩ thời đó "xây tổ ấm". Gia đình anh chị Dương Thiệu Tước - Minh Trang- Quỳnh Giao, gia đình ông chú Nguyễn Mạnh Côn của tôi, gia đình chị Thái Hằng - Phạm Duy, danh ca Anh Ngọc, nhà văn Duyên Anh, nhà báo Linh Lan, ông chủ báo Ngôn Luận và Văn Nghệ Tiền Phong Hồ Anh... Lâu quá rồi, tôi không thể nhớ hết. Nhưng điểm lại số người đó, nay không còn được một nữa. Lại thêm một người nữa vừa ra đi: Hoàng Anh Tuấn ở San Jose.

Không ngạc nhiên nhưng...

Cái tin anh mất, thật sự không làm tôi ngạc nhiên. Bởi đã từ lâu, khi Phạm Huân còn nằm tại "viện dưỡng lão", bên cạnh đó có Hoàng Anh Tuấn. Tôi vẫn thường được bạn bè ở San Jose cho biết tin tức về hai ông bạn này. Có ông tưởng thuật từng chi tiết.

Nào là hồi này Tuấn khỏe lắm, bụng to như cái thùng, vẫn cười như trẻ thơ. Tôi cũng nhận được vài tấm ảnh của Tuấn, khuôn mặt thì vẫn vậy, nhưng thân hình thì đầy đà, khác nhiều so với ngày nào. Khi Phạm Huấn mất, tôi chắc Tuấn buồn lắm, không còn bạn bên mình. Trong thâm tâm tôi, vẫn cứ nghĩ, một ngày nào đó Tuấn cũng sẽ bỏ anh em, chưa biết là một ngày nào gần đây thôi.

Vì thế tôi không ngạc nhiên khi nhận được cùng một lúc gần 10 cái e mail của các bạn ở Mỹ báo tin Tuấn đã ra đi vào 7:30 sáng (giờ cali) ngày thứ Sáu, 01 tháng 9 năm 2006. Không ngạc nhiên, nhưng nỗi ngỡ ngàng thì vẫn cứ tràn đầy. Hình ảnh Hoàng Anh Tuấn hiện lên quanh đây, hơn 30 năm qua rồi, xa nhau biệt lập, mà Tuấn cứ như ở trước mặt. Cái dáng vẻ hồn nhiên, vô tư của anh rõ mồn một. Con người lúc nào cũng như “cuộc đời chẳng có gì phải lo nghĩ, chẳng có gì phải tính toán”. Anh phôi phôi trong bất kỳ trường hợp nào. Suốt những năm tháng ở gần anh, dường như chẳng bao giờ thấy anh buồn. Thế mà thơ của anh lại hay, lại thấm, chữ nghĩa mới và sâu sắc mới lạ. Đó là một người bạn đối với tôi rất đặc biệt.

Toàn những nghề tay trái

Hoàng Anh Tuấn có rất nhiều “nghề”. Làm đạo diễn, là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, là quản đốc đài phát thanh Đà Lạt. Nhưng trong con người anh không có một tí công chức nào. Thông thường, bạn bè nhìn anh như một nhà đạo diễn. Không có tính “chuyên nghiệp” như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa... Anh là một đạo diễn rất “tài tử”. Anh đã từng tốt nghiệp tại một trường Điện Ảnh ở Pháp ngay trong thời kỳ còn là sinh viên ở Paris. Nhưng ai mời mà thấy “hợp gu” thì đạo diễn... chơi cho vui. Tôi thấy hình như cái gì anh cũng làm chơi cho vui. Thích thì làm, không thích thì bỏ đi, giản dị có thế. Cả cuộc sống cũng vậy thôi. Ở anh, con người nghệ sĩ chân thật, hồn nhiên bao trùm lên mọi thứ. Anh chơi tất với mọi người, ngồi quán cóc, uống ly cà phê hay ăn bữa cơm Bà Cả Đọi cũng giống y chang như ngồi ở Caravel phỏng vấn những danh ca nổi danh thế giới như Dalida hoặc ngồi dancing ăn cánh gà chiên bơ, đấu láo với mấy em ca-nhe, bất kể hạng nhất hay về già. Ngay cả trong cách ăn mặc, Tuấn cũng chẳng cần chú ý, cứ “đại khái chủ nghĩa”, không “lên khuôn đóng thùng” ngay cả ở những nơi cần long trọng. Tiếng cười của anh nhiều hơn lời nói. Về “tĩnh tĩnh” của anh làm nên một phong cách riêng. Nhìn thấy anh là nhìn thấy ngay “cuộc đời có cái quái gì quan trọng đâu”. Tôi chắc bạn bè rất thích Hoàng Anh Tuấn vì lẽ đó.

Nhà đạo diễn hiền lành nhất thế giới

Tôi nhớ khi anh đạo diễn cuốn phim Ngàn Năm Mây Bay phóng tác theo tiểu thuyết của tôi, do Thái Lai mời. Anh gặp tôi ở đầu ngõ, hỏi:

– Lê Quỳnh đóng với Bích Sơn, được không mày?

Hai tài tử này vào khoảng thời gian đó là nổi nhất rồi. Tôi nói tùy mày và anh Thái (nhà sản xuất phim, cũng là một nhà sản xuất tài tử nổi, khác với Mỹ Vân, Alpha). Hai ông “nghề nghiệp tài tử” này thích thì làm, chưa biết cuốn phim đi đến đâu. Nhưng quả thật là tôi cũng thấy khoái cái kiểu “vui chơi một mùa hè này” của mấy ông bạn. Ông Thái trả bản quyền bao nhiêu tôi không còn nhớ, nhưng chắc chắn không phải là “có một món tiền kha khá” như ông Quốc Phong làm Chân Trời Tím.

Một lần Tuấn kéo tôi lên xem đóng phim. Phim trường là căn nhà của ông giám đốc sản xuất Thái Lai phim, nằm cuối đường Hồng Thập Tự. Căn nhà mặt tiền đường, không rộng hơn những căn nhà buôn bán tạp hóa ở dãy phố này. Kê cái comptoir ở phía trong, đèn đuốc, máy quay linh kính xung quanh, cứ như cửa hàng bán phụ tùng máy móc. Bữa đó không có Lê Quỳnh, chỉ có hai chị em Bích Sơn và Bích Thủy. Nhà đạo diễn Hoàng Anh Tuấn râu ria xồm xoàm, nhưng dáng điệu lại rất nhàn nhã, chứ không quát tháo, chỉ chỏ toì bời hoa lá như những đạo diễn mà tôi đã từng nhìn thấy. Lâu lâu lại thấy nhà đạo diễn cho máy travelling bằng cách kéo cái camera di chuyển trên mặt sành gạch, chẳng cần đường ray. Lúc nào cũng thấy

Tuấn nhỏ nhẹ:

– Ấy ấy, làm thế này em ơi. Em làm ơn đừng sát vào một tí. Đừng cười nhiều, cái miệng rộng quá, mích chi thôi. Làm xem nào. Máy! Cắt!...

Họ làm việc với nhau như “anh em trong nhà”. Ấy thế mà cuốn phim cũng hoàn thành, tôi chẳng biết nó được hoàn thành trong bao lâu. Nhưng chắc chắn không quá 2 tháng vì nhà sản xuất tài tử này làm quá 2 tháng thì không còn tiền trả nhân công. Rồi cũng đem ra rạp chiếu đàng hoàng, lời lỗ bao nhiêu chẳng biết. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông Thái Lai chỉ sản xuất có một cuốn phim rồi thôi luôn. Sau này ông tái bản lại cuốn tiểu thuyết Chân Trời Tím mà tôi cũng chẳng hề hay biết. Đến khi sách in xong ông mới mang đến cho tôi một cuốn, bản quyền được trả bằng một châu ăn uống là xong. Còn một kỷ niệm đáng nhớ là Bà cụ Hoài Bắc (chúng tôi vẫn thường gọi bà mẹ của Phạm Đình Chương - Thái Thanh bằng cái tên thân mật ấy) thỉnh thoảng lại nhắc về cuốn phim, nhưng cụ gọi là Phim “Ngàn năm máy bay” vì trong phim có cảnh máy bay trực thăng đổ quân xuống một vùng quê.

Sau đó, có một lần khác, tôi được xem Hoàng Anh Tuấn đạo diễn phim Hai chuyến xe hoa. Lần này phim trường ngay tại nhà đạo diễn ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Tôi chỉ xem được một đoạn có nghệ sĩ cải lương Thành Được mở cánh cửa buồng nhà ông bà Hoàng Anh Tuấn, đi ra đi vô đến năm bảy lần. Nhưng cuốn phim được nhiều người nhắc đến nhất có lẽ là Xa Lộ Không Đèn. Tuấn không long trọng mời bạn bè mà chỉ hỏi giản dị:

– Mà có đi xem không, tao đưa vé.

Tính cách anh là như thế.

Những truyện dài không bao giờ viết hết

Ngoài ra, anh còn viết feuilleton ở một số tuần báo và nhật báo của Sài Gòn thời đó. Nhưng khỏi ông chủ báo rên la vì cái tật hứng thì viết, không thì bỏ. Hầu như ít có truyện dài nào anh viết hết cho đến nơi đến chốn, nên rất hiếm truyện dài nào được xuất bản. Lối viết của anh khá hấp dẫn, độc giả cũng chịu đọc lắm, nhưng mỗi khi gặp đoạn “khó nhai” là y như anh tạm ngưng hoặc ngưng luôn. Người viết truyện dài nào, cũng gặp những lúc như thế này, phải cố gắng vượt qua. Nhưng Tuấn hay nản, nên bỏ ngang. Tôi rất tiếc vì điều này, nếu không thì Hoàng Anh Tuấn cũng có nhiều tác phẩm rất hay được xuất bản.

Lâu lâu lại thấy xuất hiện một bài thơ của Hoàng Anh Tuấn trên báo khiến anh em sửng sờ. Vì thơ Tuấn hay quá. Có thể nói bài nào cũng hay. Đã có người so sánh với Nguyên Sa, Đinh Hùng, nhưng với tôi, thơ Tuấn có cả tính chất Nguyên Sa, Đinh Hùng và rất Hoàng Anh Tuấn. Chữ nghĩa mới, không trau chuốt cầu kỳ, nhưng lại rất rung động, đi thẳng vào cội nguồn trái tim người thưởng ngoạn. Cái cung bậc sâu thẳm trong tình yêu được đánh thức dậy đến bàng hoàng.

Những bài thơ bất hủ

Đã lâu lắm tôi không được đọc thơ Hoàng Anh Tuấn, mới đây, tôi nhận được tập thơ của anh gồm: 18 bài thơ Hà Nội và 47 bài Ngoại tập. Đọc thích thú, say sưa. Vẫn như những ngày nào khi bất ngờ thơ HAT xuất hiện trên báo hoặc trong số bạn bè. Lần nào cũng là một cú “chơi ngang” của Hoàng Anh Tuấn. Tôi không yêu bài nào hơn bài nào. Nhưng trong những cái thư điện tử của các bạn tôi khi báo tin HAT đã ra đi, có nhiều người đã nhắc lại những bài thơ mình yêu thích. Ông Hồng Dương ở Santa Ana thì còn cảm khái vô cùng với:

“Hương còn ngấn ấn trên môi

Ươm hơi rùng cũ, đượm mùi gỗ xưa

Mướt lá đọt, óng rêu chờ

Sững im cương thạch, quanh co ôn tuyền.”

Và ông Thanh Thương Hoàng ở San Jose thì còn ngân nga:

“Hà nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc

Mắc chực năm, xa đến mấy ngàn năm

Giã từ em – mười bảy tuổi – một lần
Thu rất mỏng, mưa hững hờ đắm lá

Hà nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Hai ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo...”

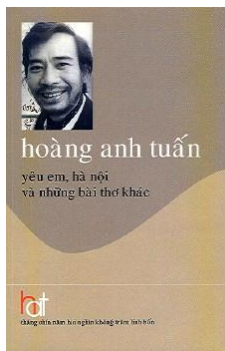
Đến đây tôi đã có phần đồng ý với nhận định của anh Nguyễn Xuân Thiệp:
“lục bát của Hoàng Anh Tuấn mới thể hiện hết những vẻ đẹp cấu trúc ngôn từ và cảm xúc”.
Nhưng xem lại những bài khác của Tuấn, tôi lại phân vân, vì ở thể loại nào nhà thơ cũng mang
đến cho tôi những cảm xúc mạnh mẽ vì chính trong tâm hồn tác giả cũng đông bão:

“...Lửa rạo rực còn nguyên trong mạch máu
Sóng cuồng quay ả nấu dưới làn da
Gỡ mưa mềm cho nắng ấm phù sa
Cởi sương mỏng –thôi ngưng ngưng mắc cỡ
Em hoang dại còn dâng vùng rêu cỏ
Anh ngựa điên tung vó dấy phong ba
Trời quạnh hiu nổi bão tố phấn hoa
Khe suối nhỏ ả nồng hương dã thú

Mùa hạn hán bỗng tràn lan nước lũ
Tiết đông hàn trở lộc nỡ thanh xuân
Rất ngàn xa trong áp ủ miết gần
Nghe hung lụa trong vuốt ve tình sử...”
và:

“...Mộng trong mộng đã chìm vào đáy mộng
Anh bàng hoàng bàng choáng ngợp lên cao
Đi miệt mài chừng đã mỗi khát khao
Nên chân bước lún sâu vào dĩ vãng

Những ngày ngất chạy vòng quanh mê loạn
Tưởng ngàn năm không thoát khỏi cơn điên
Bằng bất ngờ sợi tóc bạc đầu tiên
Em phát vãng nồng nàn vào xưa cũ....
(Những vần thơ trên đều trích trong thơ Hoàng Anh Tuấn)



Vài kỷ niệm nhỏ

Tôi nói nhiều về thơ Hoàng Anh Tuấn vì thơ của anh đặc biệt xuất sắc hơn tất cả những “nghề tay trái” khác của anh.

Những kỷ niệm rải rác của tôi và gia đình Hoàng Anh Tuấn khá nhiều. Có lần anh ở Đà Lạt, có con gái về Sài Gòn, anh điện thoại cho tôi thản nhiên nói: Mày cho xe ra phi trường đón con gái tao, Hoàng Hôn Thắm nhé. (Quả thật tôi không còn nhớ chính xác người con gái đó là Hoàng Hôn Thắm hay Thu Thuyền nữa). Tất nhiên tôi phải cho xe đón cháu và đưa đến nơi về đến chốn. Anh không màu mè “làm ơn đón cháu” lời thôi.

Lần khác tôi lên Đà Lạt vào dịp lễ Giáng Sinh, đến nhà anh chị Tuấn chơi, nhưng cả mùa Noel đó Tuấn không về. Khi trở lại Sài Gòn, gặp Tuấn, tôi muốn trách anh mấy câu, nhưng nhìn cái mặt anh cười cười tỉnh rụi, tôi lại không nói gì được nữa. Nhưng sau đó tôi hỏi sao không về ăn Noel với vợ con. Anh trả lời gọn lỏn: Tao bận.

Đó là những gì tôi chợt nhớ về người bạn vừa ra đi. Tiếc rằng trang báo có hạn và thì giờ cũng chẳng còn bao nhiêu nên tôi ghi vội những hàng này để tiễn đưa thêm một người bạn nữa. Với tôi, anh là một nghệ sĩ đích thực trong cả cuộc đời và tác phẩm.

Vài nét về tiểu sử Hoàng Anh Tuấn (1932-2006)

Hoàng Anh Tuấn sanh ngày 7-5-1932 tại Hà-nội. Ngoài làm thơ, viết văn, viết kịch (Ly Nước Lọc, Hà Nội 48), ông còn là đạo diễn điện ảnh.

- 1949 Đi Pháp du học
- 1954 Lập gia đình
- 1958 Về Việt Nam, cộng tác với các tạp chí văn nghệ, cùng nhiều tuần báo và nhật báo ở Sài Gòn
- 1965 Quản đốc đài phát thanh Đà Lạt
- 1975 Tù cải tạo về tội phản động
- 1979 Trở lại Paris
- 1981 Qua Mỹ. sống ở San Jose, California
- Từ trần 7:30 sáng (giờ cali) ngày thứ Sáu, mùng 1 tháng 9 năm 2006 tức ngày 9 tháng bảy năm Bính Tuất, Thọ 75 tuổi.

Vài kỷ niệm với đạo diễn phim “Chân trời tím” - 33

Lê Hoàng Hoa vừa từ trần



Ông Lê Hoàng Hoa, đạo diễn phim Chân Trời Tím vừa tạ thế tại Sài Gòn đêm 30/7/2012, nơi đã làm nên tên tuổi ông, chứng tỏ tài nghệ vượt trội của ông từ ngày mới bước chân vào làng Điện Ảnh miền Nam VN. Trước hết, xin chia buồn cùng gia đình cố đạo diễn, cầu chúc linh hồn nghệ sĩ sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Trong tôi có nhiều luyến tiếc và đáng tiếc, cũng như có khá nhiều kỷ niệm với anh Lê Hoàng Hoa. Để bạn đọc hiểu rõ hơn về sự ra đi gần như quá đột ngột này, tôi xin tóm tắt nguyên văn (xin nhắc lại đúng nguyên văn) những hàng tin gần giống hết nhau trên các báo ở VN trong mấy ngày qua : “Đạo diễn “Ván bài lật ngửa” qua đời.

Lê Hoàng Hoa, một trong những đạo diễn nổi tiếng của điện ảnh miền Nam trước năm 1975 qua đời khuya 30/7 tại Sài Gòn, thọ 79 tuổi.

Cách đây khoảng một tuần, ông bị ngã và được đưa vào cấp cứu tại một bệnh viện. Nhưng sau đó bệnh diễn tiến nặng hơn, đánh gục vị đạo diễn tài hoa. Trước khi qua đời, ông ủy thác cho vài người bạn thân lo phần hậu sự khi ông nằm xuống. Được biết, vợ của đạo diễn Lê Hoàng Hoa hiện đang nằm viện ở Malaysia. Tang lễ của đạo diễn Lê Hoàng Hoa dự kiến được tổ chức tại Nhà tang lễ Thành phố.

Lễ nhập quan đạo diễn Lê Hoàng Hoa được tổ chức tại nhà tang lễ Bệnh viện An Bình (397 Trần Phú, quận 5) vào lúc 14h chiều 31/7. Lễ truy điệu đạo diễn Lê Hoàng Hoa được tổ chức lúc 7 giờ ngày 3/8 tại Nhà tang lễ Lê Quý Đôn và hỏa táng tại Nghĩa trang Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân.

Đạo diễn Lê Hoàng Hoa tên thật Đoàn Lê Hoa (còn có nghệ danh Khôi Nguyên), sinh năm 1933 tại Nha Trang.

Sau một thời gian dài sống ở Ba Lan, năm 2004, ông về thăm quê và ấp ủ nhiều dự định với điện ảnh. Một số phim nổi tiếng của ông trước 1975 có : Gác chuông nhà thờ, Điệu ru nước mắt, Vết thù trên lưng ngựa hoang... Và sau 1975 là : Ván bài lật ngửa, Đằng sau một số phận, Vĩnh biệt mùa hè, Tình nhỏ làm sao quên, Vĩnh biệt Cali, Lệnh truy nã, Tây Sơn hiệp khách... Trong đó, Ván bài lật ngửa được xem là một trong những tác phẩm điện ảnh kinh điển của Việt Nam."

Phim Chân Trời Tím... không có trong sự nghiệp của đạo diễn Lê Hoàng Hoa ?

Như bạn đọc đã thấy, khi nhắc tới giai đoạn làm phim của ông trước năm 1975, hầu hết các báo lại dè dặt, không nhắc tới phim Chân Trời Tím. Không phải là người làm tin không biết đến phim này, nhưng vì một lý do nào đó, họ "không thể" nhắc đến. Có lẽ người làm tin cũng cảm thấy có một chút băn khoăn, nhưng... đành vậy thôi.



Hoàng Vinh Lộc đạo diễn "hạt" của phim "Chân Trời Tím", ảnh 2 cùng vợ con là Dạ Chung

Tôi hiểu sự "tế nhị" đó và như thế tôi càng hiểu được vị trí của tác giả truyện dài Chân Trời Tím đã chuyển thể thành phim, hiện nay đứng ở cái thế chênh vênh nào. Tôi hoàn toàn không buồn, không lo ngại vì điều đó và thật ra còn thấy... hơi buồn cười và "thú vị" nữa là khác. Chắc bạn đọc ở nước ngoài dễ thông cảm điều đó với tôi. Cái gì người ta cố tình muốn mọi người quên thì người ta lại dễ nhớ. Cái gì muốn "khai tử" hay đúng hơn là "bức tử", thì nó lại dễ trở thành bất tử. Cũng như có một thời người ta "cố tình khai tử" cái gọi là "nhạc vàng", vậy mà nhạc vàng vẫn sống mãi trong lòng mọi người. Nói như thế tôi cố tình ví von phim CTT cũng có giá trị như những bản nhạc bất tử, chỉ là cùng một trường hợp. Giá trị của tác phẩm chỉ ở trong lòng công chúng, không ai ép nó được.

Vì vậy tôi có bốn phận phải nhắc tới Chân Trời Tím, không phải vì tôi muốn tranh giành hay tự đánh bóng mình vì điều đó hoàn toàn không cần thiết. Hầu hết các nghệ sĩ và người dân, ai đã từng sống ở miền Nam VN trước năm 1975, ai đã từng xem phim, chắc chưa ai quên cái tên phim Chân Trời Tím gắn liền với tên đạo diễn Lê Hoàng Hoa. Tôi chỉ muốn nhắc đến một sự

“chính danh”, nhất là cần một thông tin chân thật, ngoài ra không còn mục đích nào khác. Bởi thế tôi nêu ngay từ đầu tiêu đề bài này là “đạo diễn phim Chân Trời Tím vừa từ trần”.

Một điều khác cần nói, ngay cả cuốn phim “Ván bài lật ngửa”, cũng mang tên đạo diễn là Khôi Nguyên, chứ không phải Lê Hoàng Hoa. Vậy “chính danh” ở đây là gì ? Lý do nào anh thay tên là chuyện khác, chỉ có anh mới biết.

Tuy nhiên vẫn có một vài bài lẻ tẻ nhắc tới một dòng về Chân Trời Tím khi viết theo nhật ký của anh Lê Hoàng Hoa. Gần đây trên báo Thanh Niên, trong mục “Điện ảnh Sài Gòn một thuở” lại viết một loạt bài về Đạo Diễn Lê Hoàng Hoa, khi ông còn khỏe mạnh. Chỉ chưa đầy một tuần sau, ông tạ thế. Có một “điềm gở báo trước” gì chăng ?



Hùng Cường - Kim Vui vai chính trong phim Chân Trời Tím

Bài này rất dài, hiện còn đăng tiếp theo. Bài đầu tiên, theo nhật ký của người quá cố là những kỷ niệm về khi làm phim Chân Trời Tím. Xin trích nguyên văn một đoạn trong bài này

“Chúng tôi đến thăm, được ông đưa mượn cuốn bút ký Những tháng ngày làm phim do ông viết chưa xuất bản, chỉ mới đăng một phần trên tạp chí Kịch Ảnh ấn hành bên Mỹ. Dựa vào nội dung bút ký trên, cũng như một số hồi ức do ông trực tiếp kể lại, chúng tôi trích lược dưới đây những nội dung liên

quan đến hoạt động của điện ảnh Sài Gòn năm xưa. Mà trước nhất là chuyện làm phim Chân trời tím – bộ phim điển hình đánh dấu đỉnh cao trong hoạt động nghệ thuật của ông thời trước, cũng là bộ phim để lại kỷ niệm đậm đà về một cuộc tình bất ngờ đã đến với ông ngoài đời đúng vào ngày bấm máy...

Nhạc sĩ Phạm Đình Chương vào phim với Nửa hồn thương đau



Ca sĩ Hoài Bắc (Phạm Đình Chương) bên nữ ca sĩ Thái Thanh

Đó là ngày 11/12/1969 – ngày thu hình phân đoạn (sequence) đầu tiên của phim Chân trời tím tại khách sạn Continental với cảnh nhân vật chính là ca sĩ Liên (Kim Vui đóng) đang buồn thương rã rời khi biết tin người yêu mình bị đẩy ra tiền đồn xa xôi, khó mong ngày gặp lại nên đưa nỗi niềm vào tiếng hát. Để tìm bài hát thích hợp với tâm thái của Liên trong phân đoạn ấy, Lê Hoàng Hoa và Tổng giám đốc Liên Ảnh Công ty (đơn vị đầu tư sản xuất phim) là ông Quốc Phong (chủ nhiệm tạp chí Kịch Ảnh) cùng “đến phòng trà Đêm Màu Hồng gặp nhạc sĩ Phạm Đình Chương tức ca sĩ Hoài Bắc để nhờ sáng tác một bản nhạc riêng cho phim Chân trời tím. Đó là nhạc phẩm Nửa hồn thương đau” (Bút ký Những tháng ngày làm phim của Lê Hoàng Hoa).

Như vậy, nhạc phẩm nổi tiếng ấy được Phạm Đình Chương viết cho phim Chân trời tím năm 40 tuổi (sau thời phải xót xa chia tay với vợ là ca sĩ Khánh Ngọc) và được phổ biến qua tiếng hát của em gái ruột Phạm Đình Chương là ca sĩ Thái Thanh (Phạm Thị Băng Thanh). Nơi quay phân đoạn trên là phòng ăn của khách sạn Continental do nhân viên phụ trách dàn dựng của đoàn phim khéo sửa thành một “phòng trà ca nhạc” để nhân vật Liên sẽ lên hát. Theo ý đạo diễn, để gây ấn tượng mạnh về nỗi cô đơn của Liên, không nên có mặt toàn ban nhạc đệm ở phía sau Liên mà chỉ có “một nhạc sĩ kéo violon đứng cạnh ca sĩ và thật dễ thương khi nhạc sĩ Phạm Đình Chương đồng ý với tôi là anh sẽ đảm nhận vai người kéo violon đó”. Ấn định sẽ bấm máy lúc 7 giờ tối hôm ấy...” – Ngưng trích

Tại sao tôi phải đi theo đoàn làm phim



2 vai phụ trong phim "Chân Trời Tím"
Thanh Lan và Mộng Tuyền

Sau đó tác giả kể đến những chuyện "hậu trường" cùng với những chuyện tình của nhà đạo diễn đào hoa ấy. Theo nhận định riêng của tôi, dù phải loại bỏ bớt một số câu chữ, nhưng đoạn viết theo bút ký này có nhiều điều đáng để chú ý, chân thật. Tôi có thể xác nhận điều này vì tôi là người cũng có mặt trong suốt thời gian quay phim Chân trời tím ngay từ ngày đầu quay phim ở khách sạn Continental và cũng có mặt ở Đêm Màu Hồng khi thương thảo với anh Phạm Đình Chương soạn nhạc chính cho phim CTT.

Tôi đi theo đoàn làm phim vì hai lý do. Thứ nhất anh Mai Thảo và tôi được anh Quốc Phong, Tổng giám đốc hãng phim Liên Ảnh nhờ chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết dày

hơn 500 trang để quay phim. Chúng tôi viết "kịch bản đối thoại", còn phần "kịch bản kỹ thuật", tất nhiên do đạo diễn làm, nên cần thiết phải có sự phối hợp ăn ý.

Thứ hai, tôi được Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đề nghị với Bộ Tổng Tham Mưu làm đại diện yểm trợ các phương tiện của quân đội cho đoàn làm phim đồng thời góp ý kiến về những cảnh quay có liên quan tới đời sống trong quân ngũ và chiến trường. Do đó ngoài nhiệm vụ làm ở phòng Báo Chí Quân Đội, tôi luôn đi theo đoàn làm phim này từ Saigon đến Nha Trang, Cam Ranh (xin nói rõ ở đoạn sau). Cho nên tôi muốn bổ sung ở đây vài chi tiết cùng vài kỷ niệm xưa với nhà đạo diễn quá cố Lê Hoàng Hoa.

Kỷ niệm thứ nhất: bê giường ca sĩ Minh Hiếu chạy mưa



Nữ Ca sĩ Minh Hiếu, ảnh năm 1960, Sài Gòn xưa.

Anh sinh năm 1933, cũng vừa đúng bằng tuổi tôi. Sau 6 năm du học ở Mỹ về điện ảnh tại thành phố Clarkesville bang Georgia (1952 – 1958), Lê Hoàng Hoa về nước năm 25 tuổi. Tôi quen anh như một chuyện tất nhiên như quen với nhiều anh em khác, không thể nhớ rõ vì sao và ở đâu. Có một kỷ niệm ban đầu giữa chúng tôi khá ngộ nghĩnh. Thời kỳ anh mới học ở Mỹ về, Mai Thảo, Hoài Bắc, Thanh Nam thường gọi đùa anh là Tony Hoa.

Một lần, khi tôi xuất bản truyện dài "Những lá thư màu xanh", nhà xuất bản nhờ tôi đi tìm một tấm hình màu làm bìa sách. Gặp Nguyễn Mộng Hùng, (tức Hùng Sùi, cái nick name tôi đặt cho ông trong nhiều bài phóng sự, hiện nay ông ở San Jose), hỏi đó ông Hùng mới là trung úy thuộc binh chủng nhảy dù. Ông Hùng nói biết nhà nữ ca sĩ Minh Hiếu. Năm đó Minh

Hiếu mới ra hát, còn trẻ, mũm mĩm dễ... ghét lắm. Hùng Sùi nói "tao là fan số 1 của Minh Hiếu" và ông móc trong bóp ra một sợi tóc nói là tóc của nữ ca sĩ này, ông xin được, luôn để trong bóp. Thế là tôi và Lê Hoàng Hoa cùng Hùng Sùi hẹn đến nhà Minh Hiếu chụp ảnh in bìa sách. Hồi đó cô còn ở căn nhà bên đường xe lửa, dường như là đường xe lửa số 6, ở Phú Nhuận, cô ở trên lầu. Minh Hiếu trang điểm khá công phu, mặc bộ đồ ngủ rất đẹp, chuẩn bị sẵn một sấp thư. Tư thế chụp hình do Lê Hoàng Hoa sắp đặt : MH nằm sấp trên giường đọc những lá thư rải rác quanh cô. Bất ngờ khi vừa chuẩn bị xong, trời đổ cơn mưa lớn. Nhà bị dột, giường Minh Hiếu nằm cũng tí tách những giọt mưa rớt xuống. Hùng sùi và Lê Hoàng Hoa cấp tốc bê chiếc giường sang gian bên cạnh, tiếp tục chụp ảnh. Hơn 10 tấm ảnh màu của Lê Hoàng Hoa ra đời từ đấy. Bìa sách "Những lá thư màu xanh", chọn một tấm và cho xuất bản vào năm 1963. Tiếc rằng tôi không còn cuốn sách để gửi tác phẩm ảnh này của nhà đạo diễn đến bạn đọc. Kỷ niệm này, sau 40 năm, mỗi lần gặp nhau chúng tôi còn nhắc lại.

Phim Chân trời tím ra đời như thế nào



Lê Hoàng Hoa và cô vợ sau Trúc Quỳnh ở Ba Lan

Trước hết, anh Quốc Phong thương lượng với tôi để làm thành một cuốn phim “đặc biệt”, thời đó kỹ thuật mới nhất của điện ảnh là cinemascope, màu technicolor... Chúng tôi nghĩ đến đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, người ôm ấp rất nhiều ý tưởng “làm mới” theo điện ảnh nước ngoài. Gặp Hoàng Vĩnh Lộc, người cũng rất hào hứng sau khi đọc Chân Trời Tím, anh loay hoay viết tạm kịch bản và tìm diễn viên. Anh muốn có một khuôn mặt mới cho điện ảnh VN nên tìm được một anh sinh viên cao ráo, bảnh trai, hoạt bát, đóng vai Phi, vai chính trong phim, rồi đến một dàn nữ diễn viên như Kiều Chinh, Thanh

Lan... Nhưng 7 ông chủ của hãng phim Liên Ảnh lại có nhiều bất đồng. Sau đó anh Quốc Phong đề nghị đạo diễn Lê Hoàng Hoa và 2 diễn viên nam nữ chính là Hùng Cường và Kim Vui. Chẳng biết ông Quốc Phong thuyết phục ra sao, tất cả 7 ông chủ hãng phim đều gật đầu.

Nhưng quả thật về Hùng Cường và Kim Vui, khiến tôi lo ngại.

Tin đó được tung ra, có nhiều dư luận bất lợi vì đổ ky, ghen ghét, Hùng Cường đã bị một đám phá rối. Một ký giả hỏi đó, tường thuật lại chuyện tai nghe mắt thấy, xin trích một đoạn ngắn:

Hùng Cường và Kim Vui bị phá rối



Ngọc Đức và Kim Vui trong phim Chân Trời Tím

“...Một buổi nọ tại sàn quay của Liên Ảnh công ty, đạo diễn đang hướng dẫn Hùng Cường và Kim Vui về diễn xuất trước ống kính của máy quay phim, thì tại quán cà phê gần trước cửa phim trường, có mấy tay tài tử chuyên nghiệp thuộc dạng thường, chuyên đóng vai phụ, nếu nói theo cái lương thì kếp nhì, kếp ba. Mấy tay này dựng Honda, một tên đi vào phim trường coi tập dượt, còn mấy tên kia thì ngồi lại kêu cà phê uống ngồi chờ. Độ nửa giờ đồng hồ thì tên kia đi trở ra, mấy tên ngồi chờ chưa kịp hỏi thì anh ta phát tay lia lịa, miệng thì thốt lên : “Hôi mùi cải lương quá” ! Đi ra lẹ lẹ không dám coi thêm... Thế là mấy tên cười rần lên như đang coi một màn hài hước.

Lúc đó cách một chiếc bàn, nghệ sĩ Năm Châu cũng đang ngồi uống cà phê, ông được Liên Ảnh mời đến xem Hùng Cường đóng phim, lại gặp người mà trước đây từng quen biết trong lúc chuyển âm phim, nên ngồi trò chuyện. Khi nghe mấy tên này nói như vậy, ông lên tiếng : “Mùi hôi cải lương như thế nào vậy ? Mấy chú nói rõ lên đi”.

Gặp phải một nghệ sĩ kỳ cựu của cải lương có máu mặt, mấy tên du đãng lên Honda đông mắt. Và sau việc Hùng Cường bị châm chích thì người ta tự hỏi, phải chăng nghệ thuật điện ảnh chỉ dành riêng cho một số người mà thôi, những ai đang làm nghề nghiệp khác nếu bước vào thì cũng bị “tai họa” như Hùng Cường !”

Bất ngờ lớn nhất của tôi

Thật ra tôi cũng bị ám ảnh bởi cái tên Hùng Cường trên các sân khấu cải lương và Kim Vui gần như chưa tạo được tên tuổi gì trong làng ca nhạc chứ chưa nói tới điện ảnh. Nhưng tôi đã lầm. Khi xem Kim Vui diễn xuất lần đầu tiên với Hùng Cường dưới bàn tay “phù thủy” Lê Hoàng Hoa, tôi thán phục tài năng của bộ ba này. Họ đóng phim rất tự nhiên, thuần thục. Nói như anh Mai Thảo dặn dò Hùng Cường : “Đóng phim là không đóng gì cả”.

Hùng Cường lột bỏ ngay được bộ mặt thường có trên sân khấu, anh vào vai diễn bình thường, giản dị như một anh hạ sĩ quan thật ngoài đời. Kim Vui vào vai cô vũ nữ đang yêu tận tình, dịu dàng, chung thủy nhưng khi cần tàn nhẫn lại rất “kinh khủng”. Cả hai như có tài năng thiên phú hay “gien” di truyền. Anh Quốc Phong quá hài lòng vì sự lựa chọn của mình, tuyệt đối tin tưởng



Lê Hoàng Hoa và cô bạn Anita thời du học ở Mỹ

vào bộ ba này. Một tờ báo đã viết :

“Trường hợp Liên Ảnh công ty đã dẹp bỏ mọi dư luận, mọi thành kiến và cả sự công kích của một số người. Ông giám đốc Quốc Phong được coi như là người làm thương mại, ông đã nhắm vào con số đông đảo khán giả cải lương, nên đã mời Hùng Cường cộng tác và phim đã thành công như nhiều người biết.

Quả đúng như vậy khi phim Chân Trời Tím được trình chiếu chẳng những thành công về tài chánh, mà còn đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật năm 1971. Chưa dừng lại ở đó, Chân Trời Tím lại còn được chiếu tại Lào và Pháp. Đó là lần đầu tiên một cuốn phim Việt Nam phụ đề Pháp ngữ mang tên L'horizon Pourpre được gửi đi trình chiếu tại Đại Hội Điện Ảnh tổ chức ở Dianard, Anh Quốc.”

Hùng Cường đi mua “lon hạ sĩ”

Cũng trong ngày đầu quay phim, Hùng Cường chạy đến ghé tai tôi hỏi nhỏ : “Anh ơi cái lon hạ sĩ thế nào, em chưa có”. Chết thật, Hùng Cường đóng vai chính là hạ Sĩ tên Phi trong phim, vậy mà không ai ngờ anh chưa biết cái lon hạ sĩ ra sao, đeo ở đâu. Tôi bèn lôi ngay Hùng Cường ra xe, chở đến tiệm An Thành trước cửa chợ Bến Thành, mua một cặp “lon hạ sĩ” và đeo giùm lên tay áo. Trẻ con, người lớn, nhất là phụ nữ kéo đến xem nghệ sĩ Hùng Cường, cứ nháo nhác hỏi nhau “anh ấy vào lính khi nào vậy” rồi chỉ trỏ lung tung, chả ai thèm nhìn tôi cả. Cái “lon” ấy Hùng Cường đeo gần hết cuốn phim. Năm 1996 Hùng Cường mất tại Mỹ, nhưng vẫn còn mãi mãi một giọng ca vàng sân khấu cải lương, một tiếng hát nồng ấm mạnh mẽ trên sân khấu ca nhạc cùng Mai Lệ Huyền và một diễn viên điện ảnh xuất chúng. Hùng Cường đã ra đi vĩnh viễn để lại đằng sau người con nam ca sĩ cũng nổi tiếng trong nhiều năm qua là Quang Bình và một đạo diễn nổi tiếng không kém đó là Quang Đại.

Kim Vui có thân hình tuyệt đẹp



Kim Vui thời còn hợp tác với ban Tạp lục Tùng Lâm

Nhà văn và cũng là nhà phê bình Hồ Trường An đã diễn tả về đẹp của Kim Vui trong bài “Theo Chân Những Tiếng Hát” trên báo Tổ Hợp Miền Đông Hoa Kỳ xb 1998:

“Kim Vui mặc áo dài thì áo dài phải mang ơn chị, vì nhờ chị mà áo mới đạt được cái đẹp trong công việc bợ ngực bó eo người mặc. Cái eo của chị thon, lưng chị dài, đùi chị cũng dài, ngực và hông chị đều cao và lồng lộng nét tròn mê hoặc. Chị mặc áo đầm hở vai, và mang găng tay kéo lên khuỷu tay, áo và găng đều bằng nhung đỏ hay nhung đen thì quá chói lộn, quá bốc lửa như Rita Hayworth trong phim Gilda. Kim Vui cuốn tóc từng lọn boucles anglaises thì đẹp và sang như bà

hoàng. Rất tiếc, khán thích giả thích xem nhan sắc của chị lúc chị hát chứ không kể số gì tới giọng hát có căn bản của chị.

Về phim ảnh, Kim Vui đóng ba phim như Chân Trời Tím, Thương Hận, và Cúi Mặt. Chính nhờ vai Liên trong Chân Trời Tím, chị đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc. Trong phim này, chị có dịp mặc áo tắm và có dịp khỏa thân trước giá vẽ của nhân vật họa sĩ để phô bày đường cong nét lượn tuyệt mỹ trên thân thể chị. Hùng Cường, bạn đồng diễn của chị trong phim Chân Trời Tím có lần tuyên bố với báo chí rằng về điện ảnh, Kim Vui là bạn đồng diễn lý tưởng nhất của anh. Ngoài tài năng nghệ thuật trình diễn đa diện, Kim Vui còn biết vẽ tranh sơn dầu”...

Những diễn viên đã có mặt trong CTT

Thật ra phim Chân trời tím còn có một số tài tử, danh ca khác cùng tham gia diễn xuất, tôi không nhớ hết, xin tạm kể : Diễn viên trong phim gồm : Hùng Cường vai Phi, Kim Vui vai Liên, Thanh Lan và Mộng Tuyền trong vai hai cô con gái của trung tá Lạc, Ánh Nga vai Loan, Bảo Ân vai Điền, Ngọc Đức vai Paul, Ngọc Phú vai đại úy Minh, Hà Huyền Chi, Khả Năng dù đóng phim lần đầu song cũng rất “ngầu” trong vai quân nhân bảo vệ tiền đồn... Và hơn 200 diễn viên quân đội. Bộ phim này đoạt ba giải vàng về Văn học nghệ thuật trước năm 1975...”

Những đơn vị đã yểm trợ và đóng phim



Lê Hoàng Hoa, Ng Quốc Thái, Họa sĩ Đinh Cường và Văn Quang năm 2001, và buổi chiếu thân mật phim Điện Ru Nước Mắt vào ngày 29/3/2011 tại Sài Gòn.

Theo chỉ thị của Bộ Tổng Tham Mưu, một buổi họp tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích tại Nha Trang được tổ chức. Tham dự gồm có cái vị đại diện có thẩm quyền tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích, Bộ TL KQ tại Nha Trang, Trường Biệt Kích – Động Bà Thìn (Cam Ranh), Trường Hạ Sĩ quan Đòng Đé, Bộ TL Hải Quân, Tiểu Khu Nha Trang... Ông Quốc Phong đại diện hãng phim và tôi là đại diện của Bộ TTM thuyết trình về cuốn phim và nhu cầu yểm trợ. Buổi họp được các vị tư lệnh các binh chủng có mặt thảo luận sôi

nổi và rất tích cực giúp mọi phương tiện cho cuốn phim. Trường BK có một tiểu đoàn đóng vai “địch tấn công đồn”. Một tiểu đoàn của Trường HSQ Đòng Đé làm đơn vị đồn trú bị tấn công được không quân yểm trợ, sau đó là pháo binh, thiết giáp. Vũ khí địch được điều động từ Phòng 4 Bộ TTM ra.

Tiền đồn Suối Dầu (gần Nha Trang) đã hư hỏng nên được lệnh xây dựng một đồn khác. Chúng tôi đã xin cho dời lại ngày phá đồn để quay phim. Cảnh không quân giải vây, dội bom, bắn đạn xối xả xuống khu quanh đồn và phá hủy tiền đồn là cảnh quay thật. Thiết giáp cũng thả hồ nhả đạn. Cảnh này được một sĩ quan không quân và đại tá tư lệnh BCH Biệt Kích chỉ huy. Lê Hoàng Hoa ở bên cạnh làm công việc chuyên môn rất thành công, không một sơ sót nào xảy ra nên không có tai nạn như chúng tôi lo ngại.

Kỷ niệm và những điều về thực hiện phim Chân trời tím với Lê Hoàng Hoa còn rất nhiều. Tiếc rằng tôi không thể viết hết và trí nhớ ở cái tuổi tôi có lẽ cũng không còn được minh mẫn nữa.

Sau này, có thể kể là những năm sau 2.000, Lê Hoàng Hoa từ Ba Lan về gặp lại chúng tôi vài lần. Vẫn thắm đượm tình anh em. Tuy nhiên tôi cũng thấy được Lê Hoàng Hoa có một chút “mặc cảm” với chúng tôi, có lẽ vì anh đã làm phim CTT rồi sau đó lại làm những phim khác hẳn với CTT... Tôi cũng xác nhận sau năm 1975, Lê Hoàng Hoa làm nhiều phim, trong đó phim Ván Bài Lật Ngửa (với tên đạo diễn Khôi Nguyên) là nổi tiếng hơn cả. Nhưng đó là chuyện của những năm sau 1975. Tuy nhiên chúng tôi đều cố tránh nhắc đến chuyện đó, đôi khi con người có những nghịch cảnh oái oăm, khó nói thành lời.

Xin mượn bài viết này vĩnh biệt Lê Hoàng Hoa, nhà đạo diễn tài ba và cũng đào hoa qua nhiều thời kỳ. Hôm nay cũng là ngày đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng.

(Sài Gòn 3-8-2012)

Tạ Ty, vườn xưa đã khép

"Mời bạn hãy vào

** Cửa vườn tôi đã mở sau 5 năm trời khép kín - vườn của tôi sau khoảng thời gian giam cầm trong Suy Nghĩ, trong Dấn Vật, trong Giận Hờn để tìm những cánh màu của tâm tư chấp nối lại và thêu dệt bằng Tin Tưởng, tạo thành một thế giới của Hình Thể, của Sắc Màu, qua bức tường vách ngăn của Lý Trí và Rung Động..."*

(Tạ Ty 8-8-1956)

Đó là những hàng chữ mở đầu trong tập sách giới thiệu về triển lãm Tạ Ty 50-56 tại Sài Gòn mà tôi vừa tìm lại được.

Tôi muốn mượn chữ nghĩa của anh để nói về anh như một khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo vừa khép lại. Nó khép lại với anh, nhưng hương sắc của nó sẽ còn lại mãi mãi với thời gian, với con người. Nó chỉ có nghĩa là từ nay sẽ không còn bông hoa nào tỏa thêm một sắc hương nào nữa. Nói về Tạ Ty, những người yêu nghệ thuật hội họa không còn xa lạ gì tên tuổi ấy trong nửa thế kỷ vừa qua. Anh không chỉ là một họa sĩ mà còn viết văn và làm thơ nữa, nhưng riêng tôi, không gọi anh là nhà văn hay nhà thơ bởi sự nghiệp vẽ tranh của anh đã lấn át hết những tài năng khác. Con người anh, tôi vẫn nhìn nguyên vẹn là một họa sĩ. Một họa sĩ rất hiếm hoi trong làng nghệ thuật hội họa ở VN. Tự anh đã đứng vững sừng sững với màu sắc, hình khối và tâm linh. Nhìn tranh của anh, không thể lẫn với bất cứ một bức tranh của một tác giả nào khác, không những chỉ có ở VN mà với cả thế giới bên ngoài.

Tạ Ty ngồi trong phòng triển lãm tranh của chính mình vào năm 1956

Thời kỳ đầu mới vào nghề anh đã từng vẽ sơn mài, nhưng chỉ vài năm sau anh vẽ sơn dầu và có người xếp anh vào trường phái "lập thể", cũng có người cho rằng anh thuộc trường phái "trừu tượng". Nhưng dù trường phái nào thì tranh của anh chỉ thoạt nhìn cũng đã thấy nó vững vàng, khỏe mạnh, đặc sắc, riêng biệt mà chỉ có thể thấy ở Tạ Ty. Đó là cái nhìn rất thường tình của một người yêu và kính phục tài năng của anh như tôi.

Vài hàng tiểu sử

Vì thế ở đây tôi không nhắc lại chi tiết phần tiểu sử cùng những tác phẩm dù là trong văn chương hay hội họa của anh. Tôi chỉ xin tóm tắt rất ngắn gọn: anh tên thật là Tạ Văn Ty, sinh ngày 3-5-1921 (tức ngày 26 tháng 3 năm Tân Dậu tại Hà Nội). Về điểm này có nhiều nguồn tin cho rằng anh sinh năm 1922, nhưng tôi đã kiểm chứng lại với những người con anh, được biết trong giấy khai sinh của anh khai muộ n mất một năm, đó cũng là chuyện thường thấy ở những vùng quê hay "thói tục" ngày xưa của các cụ nhà ta, mừng sinh con mà quên làm giấy khai sinh hoặc vì thấy nó cũng chẳng quan trọng gì nên để đó "bao giờ tiện thì làm cũng được". Nên chính anh đã nói đúng năm sinh của mình và đã tính thành ngày giờ Âm Lịch. Anh tạ thế vào lúc 10 giờ sáng 24-8-2004 (tức ngày Thứ Ba, mùng 9 tháng 7 năm Giáp Thân) tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Trị, Q5, Thành phố Sài Gòn. Thọ 84 tuổi.

Anh được lệnh động viên vào Khóa 3 trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức và sau đó anh phục vụ hầu hết tại Tổng cục chiến tranh chính trị QLVNCH. Anh giải ngũ trước năm 1975, nhưng năm 1975 anh vẫn bị gọi đi "cải tạo". Khi trở về Sài Gòn, anh vượt biên, định cư tại Hoa Kỳ. Trong thời gian ở nước ngoài, anh lại tiếp tục sáng tác. Cho đến năm 2003, sau khi vợ anh qua đời tại Mỹ, anh trở nên buồn chán và trở lại Sài Gòn sống với người con gái út của anh vẫn còn ở lại Sài Gòn từ sau năm 1975 đến nay trong căn nhà trước anh cùng gia đình đã sống.

Những ngày tháng 8 định mệnh

Cuộc triển lãm vào năm 1956 của Tạ Tỵ cũng vào tháng 8 năm 1956 tại Sài Gòn. Đó là lần đầu tiên tôi được dự triển lãm của anh và cũng là thời kỳ tôi mới quen anh khi bắt đầu về Nha Chiến tranh tâm lý Bộ Quốc Phòng, hồi đó vừa được chuyển từ Nha Tác Động Tinh Thần ở đường Gia Long về đường Thống Nhất. Cơ sở còn chật chội, chỉ có một dãy nhà trệt, chia ra làm hai dãy chính và vài căn nhà phụ nhỏ hẹp. Nha CTTL cũng chỉ có vài Sở chia ra chừng hơn 10 phòng và nhân viên cũng chỉ có năm bảy chục người, kể cả "quan và lính". Tôi về ban Báo chí làm việc cùng với Huy Sơn, Tô Kiều Ngân, Phỳ Phỳ (tục gọi là Phi chọi), Lý Quảng, Viêm Hồng.. trong hai tòa soạn báo Phụng sự và Quân Đội (sau đổi tên thành bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa). Vài năm sau có thêm Huy Vân, Tường Linh... Lúc đó anh Tạ Tỵ là trưởng phòng Hội họa, mang cấp bậc trung úy, nhưng so về tuổi tác và "thâm niên", anh hơn tôi đúng một giáp (12 năm) và ra khóa trước, nên tôi vẫn coi anh như đàn anh, cả trong nghề nghiệp và trong đời thường.

Bức tranh "đẹp miền Tự do" anh để trên đầu sách giới thiệu Triển lãm Tạ Tỵ 1950- 56".

Rồi cũng đến những ngày cuối tháng 8 năm 2003, tôi được tin anh về VN và đang nằm ở bệnh viện của Đại học Y được thành phố. Tôi và Phan Nghị đến thăm anh. Vừa gặp tôi anh nhận ra ngay, nhưng Phan Nghị thì phải xưng tên anh mới nhận ra được. Những giọt nước mắt của anh chảy dài. Có thể nói anh là người rất "mau nước mắt". Còn nhớ vào khoảng năm 1970, khi anh được lệnh giải ngũ, chúng tôi làm một bữa tiệc trà tiễn anh rời khỏi quân ngũ, khi nói vài lời giã biệt, nước mắt anh cũng chảy dài như thế. Và đến ngày 24 tháng 8 năm nay anh cũng bỏ chúng tôi ra đi. Phải chăng đó là những ngày cuối tháng 8 của định mệnh?

Hai con người trong một

Vào những năm 1956-1964, hàng ngày chúng tôi ở quá gần nhau nên thường xuyên gặp mặt, liên hệ công tác về hai tờ báo quân đội mà anh là người vẽ minh họa, gần như phụ trách phần trình bày cả hai tờ báo. Nhưng về cách sinh hoạt thì anh ít có dịp đi chung cùng với anh em. Những buổi sáng khi chúng tôi rủ nhau đi ăn bánh cuốn hoặc ra ngồi ở Givral cà phê thì anh vẫn chững chặc trong bàn làm việc. Ngay cả những chiều thứ bảy, Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ thường rủ tôi đi ăn đi nhậu cũng chẳng bao giờ "dám" rủ anh Tạ Tỵ vì anh sống rất mẫu mực. Hồi đó trong sở chúng tôi còn có cả các ông "chánh sở" như anh Phạm Xuân Ninh, Phạm Văn Sơn, anh Nguyễn Xuân Vinh (tức nhà văn Toàn Phong) mới đi du học ở Mỹ về cũng "tá túc" ở đó một thời gian ngắn trước khi về làm Tham Mưu Trưởng Bộ tư lệnh Không quân. Ở bên đài Phát thanh Quân đội có Vũ Quang Ninh, Vũ Đức Vinh (tức nhà văn Huy Quang) và những ca nhạc sĩ như Đan Thọ, Nhật Bằng, Văn Phụng, Canh Thân, Xuân Lô, Xuân Tiên, Vũ Huyền, Hoàng Hải... Tất cả hợp thành một khối, "chung sống hòa bình" và thân thiện.

Anh Tạ Tỵ có lối sống riêng, nghiêm khắc với chính mình và cả những người xung quanh. Từ trong gia đình đến trong công sở, cái gì cũng phải ngăn nắp, sạch bóng từ cái xe đến bàn giấy. Việc gì cũng phải trọn vẹn từ đầu đến cuối, cẩn thận từng chi tiết theo đúng ý anh không được sai sót. Anh có nguyên tắc sống và làm việc của mình và thực hiện những nguyên tắc chung cũng như thế. Nếu không hiểu anh chắc chắn có những nhân viên cảm thấy khó chịu. Đối với bạn bè, sự thân thiết cũng ở một mức độ nào đó. Dường như sau công việc ở sở, mọi suy nghĩ và thì giờ của anh đều dành cho hội họa. Việc viết lách làm thơ chỉ là sau những ngày giờ nhàn rỗi, cảm thấy hài lòng sau khi đã hoàn thành những tác phẩm hội họa. Tuy vậy anh cũng đã có những tác phẩm văn thơ xuất sắc, riêng tôi nhớ nhất bài thơ "Thương về năm cửa ô xưa" đã phổ nhạc, một thời lừng lẫy trên các đài phát thanh và đại nhạc hội.

Tạ Tỵ có hai tính cách khác nhau trong một con người. Một con người chi li, cẩn trọng, tiết kiệm từng chút thì giờ, quý từng món đồ dùng thường ngày đến áp dụng nguyên tắc luật lệ như một cỗ máy. Một con người phóng túng trong màu sắc và bay bổng với những nét bút tài hoa trong từng bức tranh. Con người gần như khép kín ấy lại chan hòa tình yêu thương trong nghệ thuật như "tình yêu thương giữa con người với con người" mà anh đã mở lòng trong "Triển lãm Tạ Tỵ 1950-56".

Tôi đã nhìn anh như thế trong suốt những ngày tháng tôi được hân hạnh quen anh và sống gần anh. Cứ cho là hơn mười năm, tôi quen anh, chỉ có vài lần cùng đi ăn với anh. Lần anh thăng chức đại úy, tôi không nhớ rõ vào năm nào, có lẽ là năm 61-62 gì đó, anh ôm vai tôi đưa xuống cầu lạc bộ khao một chiều ăn sáng. Và nếu tôi nhớ không lầm một lần anh Cao Tiêu và anh Phan Lạc Phúc và tôi được anh mời đến nhà ăn cơm. Đó là sự "đãi ngộ" rất đặc biệt dành cho những người bạn mà anh thân quý. Một lần khác sau cuộc triển lãm anh đưa tôi và một hai người bạn nữa vào ăn chim bồ câu quay ở nhà hàng gọi là "nhà hàng ga xe lửa cũ" trong Chợ Lớn. Tôi nói như thế để chứng minh rằng anh rất ít hoang phí thì giờ vào những cuộc ăn chơi. Khó lòng mà rủ được anh đi phòng trà nghe nhạc chứ đừng nói đến những chuyện ăn chơi vô ích khác. Chị Tạ Ty lại là một mẫu người đàn bà chịu đựng rất giỏi, hết lòng vì chồng con, tôi chưa từng thấy chị đi cùng anh đến bất cứ nơi nào có hội hè đình đám. Có lần anh nói với tôi, chẳng hiểu anh nói chơi hay nói thật: "bà ấy chỉ may có hai cái áo dài nên không thiết đi đâu hết". Anh Tạ Ty cũng là một mẫu người nghệ sĩ rất chung thủy, tôi chưa từng thấy anh có tình ý với bất kỳ một phụ nữ nào khác, mặc dầu bên cạnh anh không thiếu những "nữ độc giả" trẻ đẹp coi anh là thần tượng. Và trong những câu chuyện phiếm cũng rất ít khi tôi nghe anh nói về "đàn bà". Con người của Tạ Ty là như thế.

Những ngày cuối cùng của Tạ Ty ở Sài Gòn

Sau gần ba mươi năm xa cách, như trên tôi đã nói, một ngày cuối tháng 8 năm ngoái (2003), tôi được tin anh từ Mỹ trở lại Sài Gòn và có ý định ở hẳn lại đây. Tôi chưa tin hẳn, khi điện thoại tới nhà mới biết anh hiện nằm trong bệnh viện. Tôi rủ Phan Nghị tới thăm. Không ngờ đến hôm nay thì cả hai anh bạn tôi đã ra đi. Tôi có cảm tưởng như "họ" đã bỏ tôi lại một mình. Phan Nghị kém Tạ Ty 4 tuổi nhưng "đi" trước hai tháng, Tạ Ty đi sau và cuối cùng gặp nhau ở Bình Hưng Hòa. Lúc ở bệnh viện, anh bày tỏ ý định thật của mình sẽ ở lại Sài Gòn và hỏi chúng tôi: "ở đây sống thế nào?". Phan Nghị cười: "Người ta sống được thì mình cũng sống được, chấp nhận một số điều kiện, cuộc sống sẽ dễ dàng hơn".

Một thời gian ngắn, sau khi ở bệnh viện ra, anh Tạ Ty gọi điện thoại cho tôi hỏi chỗ nào bán màu và bút vẽ chuyên nghiệp. Tôi rất mừng, hy vọng anh đã có thể làm việc lại được rồi. Anh nói còn một vài bức tranh để lại nhà, màu đã phai và xuống sắc hết rồi, phải làm lại. Tôi đi tìm chỗ bán đồ dùng cho những nhà họa sĩ chuyên nghiệp. Biết tính anh cẩn thận nên đến tiệm rồi, tôi điện thoại về nhà hỏi lại từng thứ màu, từng loại bút anh cần. Khi tôi mang dụng cụ đến, mắt anh sáng rỡ lên và gật gù: "để đó cho tới khi nào hứng, tới bắt đầu".

Gần một tháng sau, tôi đến anh vẫn không nói gì đến chuyện sửa lại những bức tranh. Anh hỏi tôi "bức caricature tôi vẽ cho cậu hồi xưa còn không?". Tôi lắc đầu: "đến vợ con nhà cửa còn mất, tôi chẳng còn cái gì cả". Anh nhồm đậy, có vẻ còn khó nhọc, vận quần áo đang hoàng kéo tôi ra nhà ngoài, nhờ bác Tư - người săn sóc anh từ ngày anh về cho đến ngày anh ra đi - chuẩn bị giấy và bút chì. Anh ngồi ngắm tôi rồi bắt đầu vẽ. Nhưng tôi nhận thấy rất rõ sự chậm chạp trong tư thế và nét vẽ của anh. Nó khác hẳn với cái dáng vẽ phóng túng, nhanh nhẹn của anh vào năm 1957 khi anh vẽ cho tôi lần thứ nhất. Lần đó chỉ trong vài phút tôi đã thấy nét tài hoa rất Tạ Ty trên tờ giấy trước mặt. Trong "Phụng Sự Đặc san văn nghệ" xưa ra đời năm 1957, anh vẽ cho hàng chục anh em như Phạm Văn Sơn, Diên Nghị, Mạc Ly Châu, Huy Sơn... Mỗi bức vẽ của anh như một giây phút vui chơi, hứng thú song với tôi đó là một sáng tạo nghệ thuật. Có thể nhận định khó có ai sánh kịp với Tạ Ty về lối vẽ chân dung. Nhưng bây giờ cái nhìn của anh chắc cũng khác đi và bàn tay cũng đã không đi theo ý anh nữa. Một chút bùi ngùi xúc động dâng ngập khi tôi nhìn nét vẽ của anh trong những ngày tháng sau cùng này. Chính anh cũng không bằng lòng với mình nên ngay khi đó anh vẽ cho tôi bức caricature thứ hai. Anh ngắm nhìn rồi buông bút không nói lời nào. Làm sao mà hiểu hết được những gì anh đang nghĩ. Làm sao mà nói hết được những ẩn chứa sắc như dao trong lòng một người nghệ sĩ khi tuổi tác làm cho tài năng không phát huy hết được tinh hoa của mình. Tôi nghĩ đó là bức vẽ caricature cuối cùng của anh.

Một ước mơ không thực hiện được

Có lẽ chính vì thế nên dự định làm lại những bức tranh treo trong nhà của anh cũng không bao giờ thực hiện được nữa. Bệnh già càng làm anh suy yếu thêm. Những lần sau này tôi đến thăm, anh không nói về chuyện hội họa nữa mà nói về những cuốn sách anh đang đọc, anh đọc rất nhiều như một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống hiện tại. Anh nói về cuộc sống ở Mỹ và những người bạn ở đó. Nhận xét của anh chín chắn, rất rõ ràng về từng con người, từng sự việc. Anh cười mở hơn xưa nhiều và bằng lòng với đời sống hiện nay tại Sài Gòn. Có lần anh nói với tôi: "Ở Mỹ, tớ chưa bao giờ được sống trong một căn phòng như thế này". Tôi cho là anh nhún mình hoặc quá bằng lòng với những gì anh đang có. Người con gái út của anh đã chăm sóc anh hết lòng, thuê hẳn một người giúp việc cho bố ngày cũng như đêm. Anh sống trên lầu ba trong hai căn phòng rất đầy đủ tiện nghi. Một bên là phòng ngủ, một bên là phòng làm việc và tiếp khách. Bác Tư là người đã săn sóc anh trong suốt một năm cuối trong đời. Chỉ tiếc cho một ước mơ cuối cùng của anh không bao giờ thực hiện được. Những bức tranh cũ vẫn nằm trên tường, vàng vọt theo ngày tháng.

Anh là người rất kén ăn, không ăn thịt heo, thịt gà và cả thịt bò. Anh chỉ ăn chim bồ câu, sau này không ăn quay được thì nấu cháo nhừ và cua lột, tôm hấp. Hai tháng cuối cùng anh bị té từ trên giường xuống sàn nhà. Từ đó anh không đi lại được nữa và sức khỏe của anh suy sụp nhanh hơn. Mới thứ sáu tuần trước đây thôi (20-8-2004) anh còn gọi điện thoại cho tôi hỏi thăm về nhà cửa và cảm ơn về chuyện tôi cho người mang cháo sang cho anh. Anh đòi cảm ơn "bà xã cậu chứ không phải cậu". Anh rất cẩn thận, mỗi lần mang cho anh tô canh anh cũng phải cảm ơn bằng được người đã đích thân nấu canh cho anh và dặn người nhà nhớ mang trả lại cái cà men nhựa. Cho anh mượn cuốn sách, anh xem xong gọi tôi sang nói chuyện về cuốn sách đó và gói ghém rất đàng hoàng đưa trả tận tay. Lúc này anh rất mong được gặp bất cứ ai trong số những người quen cũ.

Nhưng hai hôm sau cùng thì anh nói gì trong điện thoại tôi nghe không rõ nữa. Bác Tư phải "thông ngôn" lại tôi mới hiểu anh nói gì. Nhà tôi sang nhà anh rất gần chỉ cách có một cái ngã tư. Anh hứa hôm nào khỏe sẽ sang nhà tôi ngồi ăn cơm với các bạn bè cũ. Nhưng rồi chẳng bao giờ anh sang được.

Mười phút trước khi anh ra đi

Đúng 6 giờ sáng ngày Thứ Ba 24-8 vừa qua, người điện thoại báo tin cho tôi anh Tạ Ty mất lại là anh Phan Diên từ Mỹ gọi về. Tôi bàng hoàng trước nguồn tin này vì không lẽ anh mất mà người nhà anh không cho tôi biết? Tôi vội vàng báo tin cho vài người bạn rồi phóng sang nhà anh. Lúc đó các con từ Mỹ đã về Việt Nam đầy đủ. Nhưng anh vẫn còn nằm đó thở bằng bình oxy, không biết gì nữa. Chiếc máy laptop để bên đầu giường rỉ rả những câu chuyện cũ. Hoàng Song Liêm, Nguyễn Quốc Thái rồi vợ chồng Đăng Giao cũng đã có mặt. Lúc đó gia đình anh cũng đã lo mọi chuyện lễ tang chỉ chờ giờ phút anh ra đi mà thôi. Chúng tôi đến bên anh, ai cũng biết đó là lúc cầm tay anh và nhìn anh lần cuối.

Tôi ra về, điện thoại sang Mỹ báo tin lại cho các anh Thái Thủy, Vũ Đức Vinh và Phan Diên về nguồn tin ở Mỹ chưa đúng hoàn toàn. Nhưng chỉ mười phút sau đó gia đình anh cho tôi biết đúng 10 giờ sáng anh đã ra đi. Tôi lại phải điện thoại lại báo tin cho các bạn ở nước ngoài. Theo như dự định gia đình anh sẽ quàn anh một ngày tại chùa Xá Lợi, nhưng sau đó lại quàn linh cữu anh ở nhà. Hôm sau, hầu hết bạn bè anh còn ở lại Sài Gòn đều có mặt. Trong số hàng trăm vòng hoa của thân hữu ở VN, tôi thấy có vòng hoa của anh Đinh Cường từ Virginia đưa đến và một vòng hoa của Hội Nghệ Thuật thành phố Sài Gòn.

Cho đến 9 giờ sáng ngày 26-8 đưa anh đi hỏa táng tại Bình Hưng Hòa. Buổi đưa tiễn anh có rất nhiều những khuôn mặt thân quen của anh từ xa xưa. Ông Mạnh Đan râu bạc như cước, anh Lê Cao Phan cũng đã 82 tuổi rồi song còn khỏe mạnh, lớp người trên 70 như Hoàng Song Liêm và tôi hoặc kém một chút như Dương Nghiễm Mậu, Hoàng Vũ Đông Sơn... trong cái "đám" này được coi là còn "trẻ".

Vĩnh biệt Tạ Ty, một họa sĩ tài hoa. Sự ra đi của anh là một mất mát lớn lao thực sự cho làng hội họa, ở VN không dễ gì có được một nghệ sĩ rất đặc biệt như Tạ Ty.

Saigon , tháng 8/2004
[Nguồn: <http://lenduong.net>]

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn



Nói chuyện Việt Nam trong tuần này mà không nhắc đến “sự cố” sập cầu Cần Thơ là một thiếu sót rất lớn. Bởi đó một tai nạn lớn nhất trong lịch sử xây dựng cầu cống ở Việt Nam. Tuy nhiên “sự cố” đó đã tràn đầy trên các trang web từ trong nước đến nước ngoài. Nếu bạn đọc có... lướt đọc báo hoặc lướt web thì cũng nghe bà con anh em kể lại khá đầy đủ rồi. Do vậy tôi không muốn làm mất thì giờ của bạn đọc thêm nữa. Nỗi đau của người dân nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã quá đầy, quá thê thảm. Tất cả vì đâu, tại ai, chưa thể xác định chính danh “thủ phạm” trong tai nạn khủng khiếp này. Tuy nhiên có thể thấy được sự thiếu trách nhiệm của những người lập ra đề án, theo dõi và giám sát. Không thể đổ hết lỗi cho những nhà thầu, dù có là nhà thầu Nhật hay nhà thầu “phụ” của Việt Nam. Còn là chí chóe.

Chính phủ Việt Nam đã nhận trách nhiệm về tai nạn này. Trong “văn hoá từ chức”, ông Hồ Nghĩa Dũng - bộ trưởng Bộ Giao Thông - Vận Tải - vừa mới phát ngôn được một câu... chưa đến độ xanh rờn, mới chỉ xanh lơ lơ màu da trời rằng: “Riêng cá nhân tôi, nếu cơ quan điều tra xác định tôi đã làm sai trong vụ sập cầu Cần Thơ, lúc đó tôi sẽ xem xét đến khả năng có từ chức hay không”. Cái sự “xem xét” này có vẻ như... miễn cưỡng. Người dân thoáng nghe hơi vui nhưng rồi lại hơi buồn.

Khi đã “xác định tôi làm sai”, mà tôi còn phải “xem xét” thì kỳ cục thật.

Có một điều những người “hay lo xa” phải nghĩ đến là những cây cầu do những PMU 18 và những PMU... trờn ơi đã làm và đang làm, dù không gặp “sự cố” như cầu Cần Thơ, nhưng liệu nó có được xây dựng đàng hoàng không, hay là nó sẽ sập lúc nào không biết. Một cây cầu lớn như thế mà còn làm ầu thì những “công trình” khác sẽ ra sao? Ăn đầu ăn đuôi, cọc sắt biến thành cọc tre, đất lún cũng “chơi luôn”... thì tương lai của nó sẽ như thế nào? Thà nó sập lúc đang xây còn hơn khi hàng đoàn xe và đoàn người qua cầu rồi nó làm cái “ùm” xuống sông còn nguy hại hơn.

Và cũng vì thế, TP. Sài Gòn và một số địa phương khác đang lo cuống lên vì những cây cầu đã và đang làm. Bây giờ kiểm soát lại e rằng quá khó. Hàng trăm cây cầu, một núi công việc khổng lồ: Thì giờ, tiền của, nhân lực và chuyên môn ở đâu ra? Không phải chỉ tuyên bố cho người dân yên lòng là xong.

Đây là điều tôi muốn nói đến tâm trạng của người dân lúc này. Mọi chuyện xin được bàn sau khi đã có kết luận chính xác.

Trở lại chuyện Sài Gòn trong những ngày vừa qua, đối với những người làm và yêu văn học nghệ thuật, sự ra đi của họa sĩ Thái Tuấn, “cây đại thụ” của hội họa VN là một mất mát lớn. Suốt cuộc đời ông không làm gì khác ngoài hội họa. Ông đã 90 tuổi và vẽ cho đến khi từ giã “cuộc chơi”, từ biệt bạn bè, vĩnh biệt người ái mộ. Xin dành một vài trang này để tưởng nhớ về ông.

***Suốt cuộc đời chỉ biết vẽ**

Tang lễ cố họa sĩ Thái Tuấn chắc chắn sẽ có rất nhiều “anh em cũ” đến tiễn đưa “lão làng” về nơi an nghỉ cuối cùng. Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với tôi như thế trước khi tôi từ Lộc Ninh về Sài Gòn. Tôi hiểu “anh em cũ” có nghĩa là những anh em hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật trước năm 1975 ở miền Nam, chứ chẳng riêng gì ở Sài Gòn. Họa sĩ Thái Tuấn đã trở thành một trong số vài nghệ sĩ nhiều tuổi nhất còn sống ở thành phố này. Ông trở thành “cây đại thụ”, cũng như những hàng cây cổ thụ mà từ khi những người Bắc di cư vào Nam năm 1954, đã nhìn thấy trên những con đường đẹp nhất “đô thành” thời bấy giờ.

Ông hoạt động liên tục từ khi ở miền Bắc “di cư” vào miền Nam. Sau năm 1975, ông cũng như hàng triệu người Việt Nam khác, tìm đường ra nước ngoài định cư. Ông qua Pháp và vẫn tiếp tục sáng tác. Suốt cuộc đời ông không làm gì ngoài nghệ thuật, không biết gì đến những công việc khác ngoài việc vẽ tranh. Năm 2006, ông trở lại Việt Nam và lại tiếp tục cuộc hành trình của mình. Ông trở lại sống trong căn nhà ở “tuốt tấp” trong con hẻm nhỏ giữa đường Yên Đổ, nơi ông đã sống từ những ngày trước đây (xin mở ngoặc là chẳng biết cụ Tam Nguyên Yên Đổ mắc tội gì, bây giờ con đường Yên Đổ đã đổi thành đường Lý Chính Thắng. Xin bạn đọc nhớ kỹ kẻo lầm).

Nhà ông là một ngôi nhà khó tìm nhất trong những căn nhà ở Sài Gòn. Nhờ bất cứ ai chỉ đường vào nhà ông, chắc khó mà chỉ được. Lối ngõ quanh co, queo trái, rẽ phải liên miên và những con đường chỉ đủ cho hai chiếc xe gắn máy tránh nhau. Ngôi nhà nhỏ hẹp của ông nằm khép nép trong một xóm lao động. Và từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay, nó chỉ được sửa chữa qua loa cho “sạch nước cản”, chứ không phải là một sự “đi lên” hay “đi xuống”. Cuộc sống của ông thanh đạm lắm. Con người ông cũng vậy, giản dị, xuề xòa, đối với ai ông cũng thân thiện, niềm nở.

Năm 2006, khi ông từ Pháp trở về VN, tôi đến thăm ông vài lần. Những ngày sau cùng, ông sống trên căn lầu nhỏ, hệt như cái chuồng chim. Chiều ngang 2m chiều dài gần 3m, nhưng có được cái máy lạnh. Khách đến chơi, không được quá 3 người. Chỗ đâu mà ngồi. Cũng chẳng có chỗ treo tranh như nhà nhiều họa sĩ khác. Trong phòng ông chỉ đủ chỗ treo một hai bức mới nhất. Mỗi khi cần giới thiệu một bức tranh nào, ông phải nhờ một người con mang từ một nơi nào đó trong nhà vào phòng.

Chính ở nơi này ông đã sáng tác 13 bức tranh trong triển lãm vào tháng 12 năm 2006, tôi đã có dịp tường trình với bạn đọc trong bài “Lầm Cầm Sài Gòn” số 118 ngày 20-12-2006. Không ngờ đó lại là lần triển lãm cuối cùng của Thái Tuấn và sau đó vài ngày là bữa cơm thân mật của anh em chúng tôi, cũng lại là bữa ăn với nhau cuối cùng ở nhà hàng Cơm Niêu. Thái Tuấn mang theo một chai rượu vang, đúng ... kiểu Tây. Bữa đó có cả cụ Mạnh Đan, vợ chồng Đăng Giao, Nguyễn Thụy Long do bà chủ báo Cỏ Thơm ở Virginia về mời.

***Những ngày cuối cùng**

Anh cứ hẹn tôi, lúc nào sẽ lên Lộc Ninh nằm chơi vài ngày, nếu thích sẽ vẽ mấy cô gái thương. Trong hàng loạt tác phẩm của anh, hầu hết diễn tả về đẹp thiếu nữ thuộc nhiều thành phần khác nhau, có lẽ chỉ thiếu một số cô gái miền sơn cước. Tôi nghĩ đó cũng là dự định của anh vào thời gian này. Nhưng ý tưởng chưa thực hiện được thì anh đã nằm bệnh viện. Sau này, thỉnh thoảng anh điện thoại cho tôi, hỏi thăm cây cỏ hoa lá, nhưng tiếng anh khà khà qua điện thoại, chỉ được vài câu rồi con anh phải “phiên dịch” lại.

Trước ngày anh ra đi, tôi vẫn nhận được tin tức anh qua điện thoại. Vài ngày trước khi mất, các con anh nói rằng bây giờ anh chỉ “bút đàm”, tức là chỉ nói chuyện bằng giấy bút, chứ không nói được. Mới hôm trước ngày 25-9, được tin anh ra khỏi phòng cấp cứu. Trưa hôm sau, 13 giờ ngày 26-9-2007, được tin anh mất trên đường từ bệnh viện về nhà. Tôi cấp tốc thông tin đến bạn bè khắp nơi. Một số bạn nhanh chóng hồi âm và giao cho tôi nhiệm vụ... thay mặt đi phúng điếu hoặc chuyển lời phân ưu đến tang quyến.

***Những người “anh em cũ”**

Tôi đáp chuyến xe đò vào sáng sớm về Sài Gòn. Trước đó tôi đã nhờ Hàm Anh đặt sẵn vòng hoa để mang đến nhà tưởng niệm, trong khuôn viên nhà thờ Tân Định, nơi quản linh cữu cố họa sĩ. – Mới đó mà hôm nay đã thành “cổ” rồi!

Khi tôi đến nơi đã là gần trưa, 3 người con trai của anh Thái Tuấn đón sẵn, đưa vòng hoa của các bạn ở nước ngoài và chúng tôi vào bên bàn thờ người quá cố. Rất nhiều vòng hoa của thân nhân và thân hữu để la liệt bên linh cữu. Những cái tên rất quen của “làng văn, làng báo Sài Gòn những ngày xưa”, tôi không thể kể hết.

Người con đầu của anh Thái Tuấn cũng đã ngoài 60, Thái nắm tay tôi kể:

– Bác Tú Duyên và bác Mạnh Đan vừa ở đây về thì chú tới.

Anh Tú Duyên năm nay đã 92 rồi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Thái đưa cho tôi xem mấy hàng chữ của họa sĩ Tú Duyên vừa ghi trong cuốn sổ lưu niệm. Nét chữ mới chỉ hơi run, nhưng lời lẽ thì vẫn còn rất trẻ: Anh viết: “Cầu cho linh hồn họa sĩ yên vui. Còn tôi hơn bỏ 2 tuổi còn ngồi đây viết những lời như thế này. Thân chào linh hồn họa sĩ. Đồng nghiệp Tú Duyên. Ngày 27-9-2007”.

Phía dưới trang giấy kẻ ô vuông là dòng chữ của Lão nghệ sĩ nhiếp ảnh “râu dài” Mạnh Đan: “Vô cùng thương tiếc người bạn cố tri. Thái Tuấn ra đi không bao giờ trở lại. Vĩnh biệt. Nguyễn Mạnh Đan”.

Còn vài chục trang giấy như thế của những người thân, những người bạn, những người anh em, già trẻ lớn bé, lớp trước lớp sau, tôi không thể kể hết. Điều đó chứng tỏ khi sinh thời ông đã sống như thế nào. Đó là điều quan trọng chứ không phải là tên tuổi, nổi danh hay không nổi danh. Thái độ sống và cách sống với những người xung quanh mới chính là con người thật.

***Có gặp Lê Xuyên xin đừng nói chuyện thế gian**

Ngày 29-9 vào ngày thứ bảy, linh cữu của cố họa sĩ Thái Tuấn được đưa lên toà nhà thờ chính Tân Định làm lễ. Rất đông thân nhân bạn bè thuộc đủ thành phần đến dự lễ. Bước chân vào nhà trong thờ, tôi gặp ngay những khuôn mặt quen thuộc như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Cù Nguyễn, Hàm Anh, Trịnh Cung, Nguyễn Quốc Thái, Mạnh Đan, Nguyễn Đạt...

Trong lúc chờ đợi đưa linh cữu ra ngoài xe, tôi có dịp nói chuyện với Dương Nghiễm Mậu. Hồi này anh cắt tóc ngắn, kiểu cắt “bốc” của những cậu học sinh khi còn nhỏ. Anh vẫn trẻ trung như thanh niên. Tôi chưa kịp cười anh đã giải thích ngay: “Ấy cắt tóc như thế để chúng nó không nắm được tóc mình”. Nguyễn Nghiệp Nhượng nhún vai phê một câu ngắn gọn, nhưng đầy đủ ý nghĩa: “hơi muộn”. Một anh bạn nào đó hứa theo: “Không những nó nắm tóc ông mà còn bị nó ghè cho gãy xương”. Tôi hỏi lảng: “Cuốn sách của ông ra sao rồi? Hết bán được rồi phải không?”. D.N.Mậu cười tỉnh như không: “Chỉ không bán được ở Sài Gòn thôi. Còn các nơi vẫn bán như thường. Mình chỉ ngại cho nhà xuất bản, họ bỏ vốn in khá nhiều. Mình thì cứ bình an vô sự”. - “Té ra thành phố Sài Gòn lại không cời mở bằng những nơi khác?” - “ Ở đó mà cời”... Câu chuyện xoay quanh những chuyện “văn nghệ lắm cẩm” như thế. Tôi gặp một số các chị quả phụ Trần Lê Nguyễn, Minh Đăng Khánh... cùng một số rất ít những người làm văn làm báo sau này hoặc từ miền Bắc vô Nam sau năm 1975. Nếu không có những dịp như thế này, khó có dịp nào anh chị em “Sài Gòn của chúng ta xưa” gặp nhau đông đủ được đến vậy. Dù trong

tang lễ nhưng mọi người đều nhân cơ hội này thăm hỏi nhau vô số chuyện gia đình, chuyện anh em bên này bên kia.

Đúng 8 giờ, chiếc xe chở linh cữu ra khỏi khuôn viên nhà thờ Tân Định, hướng về nhà hoả thiêu Bình Hưng Hoà. Thôi, anh ra đó gặp Phan Nghị, Lê Xuyên ... Anh đừng nói với Lê Xuyên rằng dù anh ấy đã ở thế giới bên kia, nhưng sách của anh ấy cũng không được bán ở Sài Gòn, kéo anh ấy buồn, tội nghiệp cả cho người đã chết! Thế gian còn nhiều chuyện đau lòng lắm. Xin quý vị hãy yên nghĩ.

Vĩnh biệt họa sĩ tài hoa Thái Tuấn.

(Văn Quang, Sài Gòn 3.10.2007)

Đi tìm ông nặn tượng



Hoài bão của người dựng tượng Tiếc Thương

Từ trước Tết Đinh Hợi, tôi đã có dịp gặp anh Nguyễn Thanh Thu, tác giả của tác phẩm điêu khắc nổi danh “Tiếc Thương”, chắc bạn đọc ở Việt Nam chưa ai quên. Anh đã đi định cư tại Hoa Kỳ, nhưng gần đây có nhiều bạn bè và “tin đồn” anh đã trở về Việt Nam. Và cũng không ít dư luận cho rằng nhân dịp Nghĩa Trang Quân Đội được trả lại cho tỉnh Bình Dương, có thể tác giả sẽ có cơ hội dựng lại tác phẩm ở một... nơi nào đó.

Tôi nhận được e mail và điện thoại của anh Huy Phương từ Mỹ, nhờ đi tìm anh Nguyễn Thanh Thu. Nhưng oái oăm thay cái địa chỉ anh cho lại rất mơ hồ: Phường 5, đường Lê Quang Định và anh còn “vẽ đường cho hươu chạy... lạc” rằng “ở phía cổng sau Bộ Tổng Tham Mưu cũ, cứ hỏi, ai cũng biết”. Tôi đem cái địa chỉ đó đi hỏi lung tung, chẳng ai biết và chẳng ai có thể “đoán” ra nó nằm ở cái chỗ nào trên con đường đã có quá nhiều thay đổi này. Tôi thuê xe ôm đi tìm một lần, nhưng cái Phường 5 đường Lê Quang Định rối rít tít mù với hàng dãy phố xá, đường hẻm, đường cụt. Anh xe ôm chuyên nghiệp ở vùng này cũng không thể mò ra. Nhưng thì giờ của tôi còn lại ở Sài Gòn rất ít, và bạn bè đã nhờ thì không thể bỏ cuộc. Tôi điện thoại cho Thái Phương rủ thầy giáo này cùng đi kiếm, hay nói cho đúng hơn là đi “mò kim đáy biển”, may ra thì gặp.

Đi tìm “ông nặn tượng”

Đi suốt một buổi sáng, hai anh em chúng tôi muốn “cãi lộn” vì hẻm này hẻm kia, đường này đường khác. Nhưng cuối cùng tôi “vớ” được một bà già trong con hẻm đường Lê Quang Định, bà đang ngồi vo gạo ở phía cổng sau căn nhà mặt tiền. Tôi hỏi bà cụ ở đây lâu chưa? Bà vui

tính nói: “Mới gần 60 năm cuộc đời thôi”. - “Thế thì chắc cụ biết, hồi xưa có ông chuyên nặn tượng ở gần đây?”. Bà cụ suy nghĩ một chút rồi nhớ ra: “Ở vùng này, chỉ có ông nặn tượng ở đường bên cạnh đây chứ không phải đường này”.

Đúng rồi, “nghề nặn tượng” là một nghề hiếm nên có hy vọng đúng là địa chỉ chỉ cần tìm. Bà cụ chỉ “vòng vo Tam quốc” nhưng cũng không khó tìm lắm. Đi loanh quanh qua con ngõ hẹp, chỉ đủ cho 2 chiếc xe gắn máy tránh nhau, chúng tôi lại ngớ ngẩn trước một ngã ba. Vừa cất tiếng hỏi thăm đường thì một thiếu phụ khá trẻ và... khá đẹp, lên tiếng:

“Các ông cần tìm nhà ông nặn tượng, cứ đi theo tôi. Nhân thể tôi cũng đi qua đường đó”. Được lời như cởi tấm lòng, thầy giáo Thái Phương học tốc phóng xe theo thiếu phụ không quên ca một câu hơi lớn đủ để người đàn bà nghe được: “Người Sài Gòn bây giờ hiểu khách thật anh nhỉ”. Tôi không quên “bổc” thêm: “Cũng tùy người thôi ông ạ, gặp người tử tế thì may. Có những người “gắt như mắm tôm”, đã không chỉ đường còn bị mắng, bị nguyệt nữa mới buồn”. Nhưng có một điều anh Huy Phương chỉ đúng, hầu như tên những người nghệ sĩ dù là từ thời xưa, những người dân ở đây, nếu là người ở Sài Gòn lâu năm, nhiều người còn nhớ.

Đi loanh quanh vài con hẻm, chúng tôi dừng lại trước cửa một tiệm cà phê rất “hoành tráng” có cái tên cũng khá “ấn tượng” là “TỰ_ỌNG_Đ_Á”. Quán cà phê rộng, trong một khu cứ như công viên, có những cây cổ thụ gốc rễ xù xì, cao ngất ngưởng. Bên cổng là một cái nhà nhỏ cho mấy anh “bảo vệ”. Thấy cái cảnh có vẻ “bế thế”, tôi trở nên ngập ngừng hỏi thăm bác Nguyễn Thanh Thu.

Anh bảo vệ chỉ ngay một anh thanh niên: “con ông Thu đó”. Chúng tôi thở phào, tay bắt mặt mừng với người con trai của anh Thu, như đã... quen nhau từ khuya. Anh thanh niên đưa chúng tôi vào theo con đường nhỏ bên phải quán cà phê. Lúc đó điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu đang đổi nghề điêu khắc sang “thợ làm vườn”. Anh đang tưới cho mấy chậu cảnh quý ngoài hiên nhà. Xung quanh anh là một số những tác phẩm lẫn lộn cả cũ và mới nằm rải rác trong khu vườn hoa tĩnh lặng. Phía bên kia mới là những dãy bàn ghế cho quán cà phê đang đông khách, được ngăn chia bằng mấy thân cây si, cây đề cổ thụ xòe những tàn lá che kín nửa vùng sân.

Nhận ra người quen, anh Thu rời cây kéo tĩa hoa, vui mừng ôm vai bạn. Kiểu “ăn diện” của Nguyễn Thanh Thu bao giờ cũng giản dị đến... quá bình dân. Cái “mũ nồi” từ đời tám kiếp nào vẫn chum hụp trên đầu, có vẻ cổ giầu cái đầu hơi lớn. Nhưng đó là “đầu ấn đặc biệt made in Nguyễn Thanh Thu”, không lẫn đi đâu được. Cứ như, nếu không có cái “mũ nồi đen” và không có vẻ lam lũ thì không phải là Nguyễn Thanh Thu.

Nhà điêu khắc đang làm gì?

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ được tạo hình bằng một gốc cây. Anh Thu bắt đầu tâm sự: “Tôi về Việt Nam hai năm rồi đấy, chứ không như dư luận cho rằng tôi mới về để... làm một cái gì đó”.

Thái Phương hỏi thẳng thừng:

– Không phải là để dựng lại tượng Tiếc Thương sao?

Nguyễn Thanh Thu cười hà hà, có vẻ khoái chí vì câu hỏi thẳng thắn này. Anh bật người ra phía sau, hát hàm hỏi lại:

– Ai cho làm mà làm?

Thái Phương gặng tiếp:

– Nhưng anh có ý định đó không?

– Tôi về đây hai năm rồi với một hoài bão khác chứ không phải là dựng lại tượng Tiếc Thương. Người nghệ sĩ chỉ sáng tạo một lần. Lần thứ hai không thể làm như lần thứ nhất. Nhưng nó sống được trong lòng mọi người thì tự nó còn mãi. Tôi tự hào về tác phẩm này. Dựng lại là một điều chẳng hay ho gì. “Nó” sống trong lòng mọi người là đủ.

Chúng tôi hiểu ý anh, nhưng thật tình sống ở đây lâu, chúng tôi biết, có những điều mà những người như anh Thu hơi ngại, cần phải “giữ mình”. Chúng tôi cũng chẳng khác gì anh. Tôi thông cảm dễ dàng, tuy nhiên cũng cố moi xem anh Thu có gặp trở ngại gì trước những dư luận đó không. Anh lắc đầu:

– Chẳng có gì đáng nói cả. Thật sự là tôi có một hoài bão đã ấp ủ từ lâu chứ chẳng phải là bây giờ mới có. Một bức tượng nói về cuộc sống tươi đẹp của người dân Đồng bằng sông Cửu Long.

Thái Phương vốn “nhậy cảm” nên mỉm cười hỏi lại:

– Anh không cho rằng làm như thế là... hơi kỳ cục trong lúc này sao? Người khác có thể hiểu làm anh về đấy...

Nguyễn Thanh Thu xua tay, trả lời đầy tự tin:

– Dự định sáng tác một tác phẩm lớn đã có từ vài chục năm nay. Ngay khi ở Mỹ, tôi cũng đã từng nói chuyện với anh Huy Phương và một số anh em thân gần về dự định này. Nhưng ở Mỹ tôi không có phương tiện làm việc này. Về đây có không gian rộng, cuộc sống gần gia đình, ổn định hơn, tôi hy vọng nối tiếp được những cảm hứng từ xa xưa, tiếp được cái mạch sống của những người dân Việt trên những mảnh ruộng vườn cây... Như thế có cơ hội khơi lại cảm hứng hơn, tác phẩm sẽ “sống” hơn.

Anh chỉ tay về phía bức tượng một thôn nữ, ôm bó lúa, đứng trên khoảng không gian bao la:

– Đó là tác phẩm mới nhất của tôi đấy. Về đây tôi mới làm. Tôi đã làm chừng hơn mười bức tượng như thế rồi. Kể cả khi còn ở bên Mỹ và thời gian đầu, khi trở về đây. Nhưng làm rồi phá, phá rồi làm. Cái gì không có hồn, tôi dẹp liền.

– Có phải là tác phẩm anh ưng ý nhất không?

– Đúng thế, bức tượng này là hình mẫu, trong toàn cảnh bức tượng lớn mà tôi đang ấp ủ. Còn chín cái đầu rồng đang phun nước nữa, tôi sẽ chỉ cho các anh xem sau. Đây là bức tượng nhỏ, cũng như hồi tôi làm tượng Tiếc Thương thì trước hết phải có một bức tượng nhỏ trong cái mô hình của nó. Đến khi có điều kiện thực hiện, nói cho rõ là khi có “ngân quỹ”, cứ theo đó mà dựng tượng lớn. Lúc dựng tượng lớn, khó mà thay đổi được hoặc không thể thay đổi được. Các anh vào đây, tôi chỉ cho xem cái này sẽ rõ hơn.

Anh đứng lên, đưa chúng tôi vào trong căn nhà nhỏ phía sau. Treo trên bức tường khoảng 4 thước vuông là một mô hình được vẽ bằng tranh màu. Trên đó có thể hình dung ra toàn cảnh bức tượng. Anh dừng lại, say sưa giới thiệu:

– Đây là tất cả ước vọng và tâm tư của tôi. Cảnh chín cái đầu rồng từ mặt biển phun lên vữa lúa dưới chân cô thôn nữ. Đó là hình tượng rất Việt Nam, nó là tượng trưng cho người dân Việt của tất cả mọi thời đại, chứ chẳng riêng thời nào. Đó cũng là ước mơ của tất cả người Việt chúng ta.

Và anh nhắc lại:

– Xin nói rõ, là chín cái đầu rồng chứ không phải chín con rồng. Cũng là đặc trưng của nền văn hóa Á châu chúng ta nữa.

Tôi nghĩ, mỗi người nghệ sĩ đều có những “giấc mơ” của riêng mình. Người nghệ sĩ thật sự, thường âm thầm nuôi những hoài bão lớn lao. Còn có thực hiện được hay không lại là chuyện khác. Không phải là những kẻ chỉ hành động nhất thời, mưu cầu một chút danh lợi hoặc tiếng tăm, “ăn bám” trên những tên tuổi của người khác. Cũng không phải là người chỉ đặc chí với một tác phẩm nổi danh rồi ngồi đó... làm “thượng đế”, vuốt râu hoài cho đến bạc phếch. Nguyễn Thanh Thu còn hăng lắm, còn say sưa với những cái mới hơn, lạ hơn. Có thể cái sau không bằng cái trước, đã có không biết bao nhiêu nghệ sĩ danh tiếng, sáng tác những tác phẩm cuối đời dở hơn những tác phẩm đầu đời. Nhưng tâm hồn người nghệ sĩ luôn tràn đầy ước vọng mới là điều cần thiết. Nguyễn Thanh Thu đang có được sức sống mãnh liệt đó. Rất có thể nó là sự “hoang tưởng” như anh Huy Phương đã nhận định. Và ngay chính chúng tôi, cũng thấy được điều này khi anh nói đến số tiền phải bỏ ra thực hiện tác phẩm của anh.

Tiền đâu và ai sẽ tài trợ để thực hiện?

Anh Nguyễn Thanh Thu tính toán: Bức tượng sẽ được mang tên “Cửu Long được mùa”, chiều cao 30m, chiều ngang tương ứng cân bằng với chiều cao. Tuy nhiên, xung quanh sẽ còn được tô điểm thêm những cảnh trí khác như hồ nước hoặc khung cảnh đồng quê, thì chiều ngang chưa thể tính hết được lúc này.

Thực tế hơn, tôi hỏi:

– Có nghĩa là những “đồ trang trí” cho thêm phần “hoành tráng” tráng còn tùy thuộc vào ngân khoản sẽ có là bao nhiêu?

– Đúng thế. Có nhiều, làm nhiều. Cứ nói thẳng ra là “tiền nào của nấy”.

– Vậy khu đất anh cần cho bức tượng khổng lồ đó là bao nhiêu mét vuông?

Bái toàn đã có sẵn trong đầu nên anh nói ngay:

– Phải có một mẫu (1 ha).

– Còn số tiền dự trù sẽ là bao nhiêu?

– Ít nhất là hai triệu rưỡi đô la (USD) trở lên.

Đây là ngân khoản để dùng vào việc này anh đã nói với tôi và anh Thái Phương lần gặp nhau trước Tết, còn khi nói chuyện qua điện thoại với anh Huy Phương từ Cali gọi về thì số tiền lại lớn hơn nhiều (5 triệu USD). Còn đến khi tôi điện thoại lại cho anh vào ngày 1 tháng 3 vừa qua để xác nhận lại những điều cần nói thì anh “hạ xuống” còn một triệu rưỡi USD. Có lẽ trong đầu óc anh còn đang lẩn quẩn với sự tính toán này, chưa dứt khoát chăng? Hay là anh muốn nói

“có nhiều làm nhiều, có ít làm ít” thì ngân khoản đó từ 1 triệu 500 ngàn đến 5 triệu USD?

Con số nghe qua hơi “khủng”- nói theo kiểu chữ nghĩa bây giờ của các cô cậu tuổi “tin” ở Sài Gòn, xin tạm “dịch” là kinh khủng, ghê gớm, vĩ đại...

So với tầm vóc một tác phẩm điêu khắc để làm biểu tượng hoặc làm đẹp cho một vùng, một tỉnh, một lãnh thổ thì không có gì là nhiều. Người ta còn có thể làm những công trình vĩ đại hơn mà... chẳng để làm gì cả, đôi khi chỉ là có cái làm để “ăn có”, xong rồi mặc cho thời gian tàn phá. Như làm một cái chợ, một cái trường, một khu dân cư, một lâu đài kỷ niệm vớ vẩn nhưng chẳng ai buồn đến. Chuyện đó xảy ra không ít. Vậy số tiền bỏ ra làm một bức tượng như của Nguyễn Thanh Thu đang mơ ước cũng không phải là nhiều.

Nhưng như Huy Phương đã phân tích, giấc mộng của nhà điêu khắc nổi danh này khó mà thực hiện được. Có thể gọi là “hoang tưởng”. Tôi đồng tình với nhận định này. Nhưng cứ để cho người nghệ sĩ được quyền mơ những giấc mơ của mình.

Vì vậy nên theo ý muốn của anh, tôi thông báo đến độc giả ý định này. Có thể liên lạc với anh qua địa chỉ:

Nguyễn Thanh Thu, 76/68 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 1, Quận Phú Nhuận. TP. Sài Gòn.
Điện thoại: 51.51.320. (Quán café Tượng Đá).

Vài nét chính về cuộc đời Nguyễn Thanh Thu

Chúng tôi đến bên bức tượng nhỏ Tiếc Thương, anh còn để bên những bức khác trên kệ. Đây là hình tượng lúc ban đầu của khi anh bắt tay vào sáng tác “Tiếc Thương” và được dựng tại Nghĩa Trang Quân Đội vào ngày 1-11- 1966. Hình dung lại khung cảnh đó, tôi không khỏi bùi ngùi.

Trở ra sân, chúng tôi đã đứng trước bức tượng người thiếu nữ khỏe mạnh còn đang đứng đợi... những cái đầu rồng phun nước, mà chẳng biết đến bao giờ con rồng mới thức dậy để được hưởng những vòi nước trong lành từ dòng Cửa Long Giang.

Hỏi đến chuyện gia đình, anh Thu cho biết: hiện nay anh đang sống cùng với vợ và 7 người con. Đã có 6 người lập gia đình, có công ăn việc làm. Chỉ duy còn cô con gái út gần 30 tuổi chưa lập gia đình là cháu Nguyễn Minh Kỳ Nữ. Theo anh thì cháu rất giỏi sinh ngữ và ước mong có thể kiếm được việc làm hợp với khả năng mình. Quán cà phê Tượng Đá cũng đủ sống. Anh nói gia đình anh thừa hưởng lại của ông bà cha mẹ khu đất này rộng 3.000 m².

Trước đây anh là sĩ quan QĐVNCH, cấp bậc sau cùng là Thiếu Tá thuộc ngành quân nhu, phụ trách tổng quát về các công trình ở Sài Gòn và đặc trách về Nghĩa Trang Quân Đội.

Tôi hỏi anh có ý định ở hẳn lại Việt Nam với gia đình anh không?

Anh cười:

– Nếu có một người nào đó yểm trợ cho công trình dựng tượng của tôi thì tôi sẽ ở lại thực hiện nó cho đến cuối đời, không đi đâu nữa cả. Nhưng nếu không có người tài trợ, có lẽ tôi sẽ trở lại nơi định cư như những người khác thôi.

Tôi viết bài này chỉ có mục đích thông tin về người nghệ sĩ tài hoa đã làm nên một bức tượng Tiếc Thương để lại trong lòng mọi người và anh có dịp tâm sự với bạn đọc.

Nhà thơ Tô Kiều Ngân từ đời lính đến Tao Đàn

Lâu lắm rồi, tôi không gặp anh Tô Kiều Ngân, mặc dù chúng tôi cùng ở chung một thành phố Sài Gòn. Được tin anh từ trần vào ngày 20-10 vừa qua khiến tôi ngỡ ngàng. Sau khi xác nhận, tôi gọi điện thoại cho Huy Sơn ở Mỹ trước tiên vì Huy Sơn và Tô Kiều Ngân cùng tôi từng có thời gian dài cùng làm việc trong tòa soạn 3 tờ báo của Quân Đội là *Bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa*, *Nguyệt san Phụng Sự* và tuần báo *Thông Tin Chiến Sĩ*.

Sau này Huy Sơn được chuyển sang Bộ Tư Lệnh Không Quân làm tờ báo *Lý Tưởng* với Hoàng Song Liêm. Huy Sơn, sau khi ở tù cải tạo ra, đi Mỹ theo diện HO.

Tô Kiều Ngân và tôi không đi theo diện HO, mỗi người có một lý do riêng. Tô Kiều Ngân ở lại, có gia đình vợ con, có nhà cửa đảng hoàng. Còn tôi lông bông ở trọ, ở chui hết trong chợ Bàn Cờ đến Trương Minh Giảng rồi đến chợ An Đông, cuối cùng về cái chung cư Nguyễn Thiện Thuật và là “dân ABC đi ở thuê” với bốn năm cái “không”. Vợ con đi tuốt hết nên trở thành độc thân thứ thiệt, không đồng xu dính túi, không bạn bè, không nghề nghiệp gì mặc dù qua 12 năm, 2 tháng 26 ngày ở “trại cải tạo”, tôi trồng rau muống rất giỏi. Khối đội phải nhờ tôi đến gieo hạt rau muống cho khu ruộng mới. Tôi gieo hạt đều lắm và... có tay nên ruộng nào cũng tốt. Thế mà về Sài Gòn thất nghiệp nặng. Tôi cứ nhìn mấy cái hè phố mới được đào xới lên để lát gạch mới, và ước ao rằng chỗ đó cho tôi trồng rau muống thì thành phố không thiếu rau. Cái ước mơ thật ngu xuẩn, vậy mà khi còn ở trong cái gọi là “trại cải tạo”, đôi khi tôi lại cho điều đó có thể thành sự thật! Bởi 12 năm, người ta dạy chúng tôi được có thể thổi và thành phố vào những năm đó toàn dẹp lớp, nón cối làm chuẩn thì việc trồng rau ở hè phố gọi là “tăng gia sản xuất” cũng có thể được lắm chứ. Hè phố là một sự “lãng phí của bọn tư sản”. Ý nghĩ chưa hẳn là hoàn toàn ngu xuẩn.

Tôi không rõ anh Tô Kiều Ngân được tha về năm nào và cũng không biết anh ở đâu. Cái ngõ Phan Văn Trị, nơi anh ở trước kia, tôi có đến một hai lần, nhưng không chắc anh còn ở đó không. Sau này tôi mới biết tin anh ở mạn Bình Thạnh và rất ít khi lên trung tâm thành phố gặp bạn bè. Anh có những nơi vui chơi riêng ở miền “ngoại ô”. Cho đến khi vợ chồng anh Trần Thiện Hiệp tổ chức kỷ niệm lễ thành hôn vàng bạc 40 hay 50 năm gì đó, khoảng năm 2007-2008 tôi mới gặp lại Tô Kiều Ngân. Anh có vẻ khỏe mạnh hơn lần cuối chúng tôi gặp nhau trong “trại cải tạo” ở Sơn La, vào khoảng năm 1977-78.

Mừng cho người chết trong nhà tù “cải tạo”

Anh Tô Kiều Ngân không ở cùng trại tù với tôi, anh đi “lao động” bị ngã gãy tay, phải đưa về trạm xá gần trại giam tôi ở từ năm 1976 khi được đưa ra Sơn La “học tập”. Dịp đó, nhạc sĩ Thục Vũ, tên thật là Vũ Văn Sâm, ở cùng đội trồng rau với tôi, anh bị đau gan đến vàng mắt. Ban đầu còn được ở lại trại, không phải đi lao động. Tôi có nhiệm vụ “thó” một ít rau sống, cung cấp cho anh hàng ngày. Nhưng khi bệnh tình quá nặng, Thục Vũ được đưa sang bệnh xá. Nói là bệnh xá, chứ ở đây cũng chẳng có thuốc men gì chữa chạy cho bệnh nhân. Thậm chí mỗi lần lên khám bệnh xong, anh y tá bôi cho tí dầu cù là vào tay rồi bảo về uống đi hoặc nằm ngửa cổ ra để “cán bộ y tế” nhỏ cho vài giọt nước củ tỏi vào mũi. Thế là xong. Bệnh nhân nặng chỉ còn việc nằm chờ chết. Thục Vũ cũng ở trong trường hợp ấy.

Một buổi sáng sớm, tôi đang lúi húi trồng luống xu hào, bỗng thấy bên mình có cái gì kêu phàn phật. Từ từ ngước lên, tôi thấy một mảnh quần dây-rách bị gió thổi bay lác lác làm nên tiếng động nghe cũng... vui tai. Tôi nhận ra ông Phan Lạc Phúc, khoác chiếc áo dây-rách cũng tả tơi “đồng bộ” với cái quần rách. Nước mắt ông Phúc chảy rất chậm trên mặt, ông nghẹn ngào cất tiếng:

- Thăng Sâm chết ở bệnh xá đêm qua rồi.

Tôi lặng người, bởi mới hôm qua, tôi lên sang bệnh xá thăm, Thục Vũ đưa cho tôi hai gói thuốc lào nhỏ, anh nói: “Tôi mệt không hút thuốc được nữa”. Ngồi nói chuyện vài phút, anh Tô Kiều Ngân ở trạm xá này cũng đến ngồi chơi. Tôi thấy Thục Vũ vẫn còn khỏe, vậy mà đêm qua đã ra đi.

Sau đó, anh Tô Kiều Ngân nói với tôi lời an ủi đúng nhất, ngắn nhất và cũng bi thảm nhất: “Mừng cho nó, từ nay nó không còn biết đói rét và không ai hành hạ được nó nữa”.

Đám tang Thục Vũ, hình ảnh bi thảm nhất trong cuộc đời chúng tôi

Nhưng vào buổi chiều năm 1977, khi đồi núi Sơn La bắt đầu chạng vạng, chúng tôi đang làm những công việc cuối cùng ở vườn rau thì bất chợt nhìn sang lối ra từ bệnh xá một khung cảnh hết sức đau lòng. Trên con đường đá cũ nhỏ, vòng theo sườn núi cao vút chập chùng, cách vườn rau là cái ao, đám tang bắt đầu di chuyển chậm chạp. Hai anh cai tù vác súng AK đi đầu, theo sau là một anh tù cầm vài nén nhang, đến 4 anh tù khiêng cỗ quan tài mộc, sau cùng lại là 2 anh cai tù vác súng AK. Suốt con đường dài âm u đó, chỉ có đám người ấy lặng lẽ chuyển động như những bóng ma.

Ở vùng đồi núi bóng tối đổ xuống rất nhanh, mang theo sương mù mỏng dăng ngang triền dốc dựng đứng như những bức tường đá của nhà giam thiên nhiên, chẳng cách nào thoát ra được. Chúng tôi biết chắc đó là đám ma Vũ Văn Sâm tức nhạc sĩ Thục Vũ. Tất cả hơn ba chục tù nhân trong đội rau đứng ngẩn ra, dán mắt nhìn theo cái đám ma thê thảm ấy. Ông Phan Lạc Phúc, đến bên tôi, không nói lời nào, quay mặt đi giấu nước mắt. Nhìn sang phía bên trạm xá, Tô Kiều Ngân và mấy anh bác sĩ trẻ cũng là tù, đứng sau hàng rào kẽm gai cũng ngơ ngẩn. Ngân vẫy tay cho tôi và anh Phan Lạc Phúc chẳng biết để làm gì. Là một sự cảm thông tận cùng hay nói lời từ biệt.

Mấy tay coi tù cũng đứng lặng, nhìn chúng tôi và họ hiểu rằng lúc đó dù bắt chúng tôi thu dọn cụ về trại cũng chẳng ai chịu về, dù có bị bắn tại chỗ. Tất cả đứng như tượng gỗ dõi theo đám tang đi trong buổi hoàng hôn lạnh ngắt, dần khuất vào cuối con đường cong phía chân núi. Sương mù bắt đầu tỏa xuống. Ai đó bỗng cất lên tiếng hát “Sơn La âm u núi khuất trong sương mù. Đoàn tù tha hương cất bước lên đường...”. Một bài hát xưa cũ của những nhà cách mạng thương tiếc những chiến sĩ bị giặc bắt cầm tù ở Sơn La. Sao lúc này nó hợp với chúng tôi thế.

Hình ảnh cái đám ma Thục Vũ còn in đậm trong tâm khảm chúng tôi cho đến bây giờ. Tôi chắc anh Tô Kiều Ngân, đến cuối đời cũng chưa quên được hình ảnh này. Nó trở thành những kỷ niệm rất riêng nhưng cũng lại rất chung của những ai đã từng sống dở chết dở qua những cái được gọi là “trại cải tạo”.

Tô Kiều Ngân và cuộc đời binh nghiệp

Có lẽ nhiều thính giả và độc giả biết đến anh Tô Kiều Ngân qua “Tiếng sáo Tao đàn” hơn là biết đến “đời lính” của anh. Tôi thì khác, tôi biết anh từ khi cùng làm chung trong mấy tờ báo của quân đội.

Trở lại chuyện xưa, khi tôi mới được lệnh về Nha Chiến Tranh Tâm Lý lúc đó còn trực thuộc Bộ Quốc Phòng, (sau này mới đổi tên thành Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu), từ năm 1957, khi tôi bắt đầu về làm Trưởng Ban Báo Chí (hồi đó chưa được gọi là Phòng), tôi phụ trách điều hành chung. Hồi đó anh Tô Kiều Ngân phụ trách tờ báo có tên là *Quân Đới*, sau này cụ Ngô Đình Nhu yêu cầu đổi tên, nên chúng tôi đề nghị và được chấp thuận đổi tên thành báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa*, ra nửa tháng một kỳ. Báo dành chung cho mọi quân nhân. Tờ nguyệt san *Phụng Sự*, dành cho sĩ quan do anh Huy Sơn phụ trách. Tờ soạn vốn vẹn chỉ có chừng 10 người, bởi việc in ấn đã do nhà thầu đảm nhiệm hàng năm. Chúng tôi chịu trách nhiệm biên tập phần nội dung. Ngoài 3 người chúng tôi còn các anh Viêm Hồng, Lý Quảng, Phý Phý... Sau này, khi Cục Tâm Lý Chiến về đường Hồng Thập Tự mới có thêm Huy

Vân, Tường Linh, Vũ Công Uẩn. Rồi còn có cả anh Đỗ Tồn, tác giả *Hoa Vông Vang* trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, cũng về làm việc tại Ban Báo Chí. Nhưng ông “công tử con quan” đó chỉ đến cho có mặt rồi lại phóng xe đi. Anh lớn tuổi và cũng là nhà văn thuộc hệ đàn anh, vả lại anh về đó chẳng còn bao lâu đến ngày giải ngũ. Sau nữa có thêm Thanh Nam tái ngũ về làm báo CSCH cùng chúng tôi.

Khi mới bước chân vào “nghề làm báo” tôi chỉ là anh viết lách, chưa hề quen với nghề nghiệp này. Công việc mới tuy có thích hợp với khả năng và mong đợi của tôi, nhưng thật ra nghề làm báo chẳng giống nghề viết lách tí nào. Nghề đọc văn người khác, chọn bài và sửa bài không dễ dàng.

Bạn có biết bài học đầu tiên trong nghề làm báo của tôi là gì không? Đó là nghề sửa *morrasse*, tức là làm “thầy cò”. Những năm ấy, tất cả báo chí VN còn in typo, sắp chữ bằng tay rồi làm bản kẽm, hình ảnh làm *cliché* cho vào khuôn. Báo Quân Đội không phải kiểm duyệt nên không bị “đọc bỏ”. Tuy nhiên làm thầy cò cũng không dễ. Phải biết các ký hiệu thay thế chữ nghĩa. Ngoài ra còn phải biết “dàn trang”, biết trình bày từng bài dài ngắn sao cho đúng khuôn khổ tờ báo... Đó là chút xíu về “kỹ thuật” mà tôi phải học qua các anh Tô Kiều Ngân và Huy Sơn. Tôi và hai anh ấy cùng sửa *morrasse*, nhưng đến *dernière morrasse* cho nhà in chạy máy thì tôi phải ký.

Tô Kiều Ngân rời khỏi báo Quân Đội

Cuộc đời binh nghiệp của Tô Kiều Ngân khởi thủy từ khi làm tờ báo Tiếng Kèn của Địa Phương Quân ngoài Huế. Năm 1953, anh được đồng hóa vào quân đội và đưa gia đình từ Huế vào Saigon.

Chúng tôi cùng làm chung trong Ban Báo Chí từ năm 1957, lúc đó anh mang cấp chuẩn úy. Cho đến khi dọn về Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè. Một năm sau, tôi được lệnh đi Quân Khu 3 thành lập Đại Đội Văn Nghệ cho quân khu này dưới quyền tướng Đỗ Cao Trí. Đại đội này có cả sự đóng góp rất quan trọng của nhạc sĩ Anh Bằng.

Khi Đại đội thành lập xong, đi trình diễn được ở các tỉnh thuộc quân khu, tôi trở lại Nha CTTL. Lúc đó Phòng Tài Liệu do anh Vũ Quang Ninh làm trưởng phòng đang thu thập tài liệu để làm cuốn *Trăm hoa đua nở* về vụ án *Nhân văn Giai phẩm* tại miền Bắc. Tôi lại được lệnh về đây phụ giúp anh Ninh thu thập và phân tích những tài liệu này.

Bỗng một buổi sáng, vào khoảng năm 1960, tôi được lệnh trở lại Ban Báo Chí ngay. Khi trở lại tòa soạn tôi mới biết anh Tô Kiều Ngân vừa được chuyển đi đơn vị khác, cũng trong ngành Chiến tranh chính trị (CTCT). Quả thật tôi không hề biết vì lý do nào. Có thể vì nhu cầu công vụ và cũng có thể vì những lý do khác. Tôi cũng không thể tìm hiểu rõ hơn.

Anh đến tuổi được giải ngũ năm 1974 khi mang cấp Thiếu Tá phục vụ tại Phòng CTCT Trường Võ Bị Đà Lạt.

Lúc đó, để đáp ứng quân số tăng, quân đội có hơn một triệu quân nhân, tờ báo *Chiến Sĩ Cộng Hòa* phát hành 200.000 số một kỳ, tính ra mỗi tiểu đội được 1 tờ.

Sau đó vì nhu cầu tin tức chiến trường ngày một cao, chúng tôi phải làm thêm tờ *Thông Tin Chiến Sĩ*, ra khổ lớn hơn, tuần 1 kỳ gồm 8 trang.

Đến “cuộc chơi” ở Ban Tao Đàn

Khoảng thời gian tôi và anh Tô Kiều Ngân làm việc với nhau chừng hơn 3 năm và cũng có khá nhiều kỷ niệm của thời trai trẻ.

Tô Kiều Ngân rất tài hoa và cũng đào hoa, nhưng anh rất ít khi đi ăn chơi cùng chúng tôi. Anh hơn tôi đến 6 tuổi và đã có gia đình nên chơi khác với cánh còn “xê li bạt”... Tôi nhớ hồi đó Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ và tôi, còn rách như cái mền, nhưng thứ bảy chủ nhật lại ngửa chân muốn đi nhảy. Ông Nguyễn Ái Lữ hiền như bột, vài lần rủ Tô Kiều Ngân, anh cũng không chịu đi. Anh dành thì giờ cho ban Tao Đàn.

Đó là khoảng thời gian từ 1957- 1960, anh Tô Kiều Ngân là một trong những nhân vật chủ chốt của Ban Tao Đàn ở Đài Phát Thanh Sài Gòn. Với hơn 20 năm trong cuộc đời quân ngũ (1953-1974) thì Tao Đàn đối với anh chỉ là một cuộc chơi. Nhưng cuộc chơi ấy lại để lại dấu ấn đậm nét nhất, đáng giá nhất trong cuộc đời anh và thi ca Việt Nam.

Theo anh Phan Lạc Phúc thì sự khai sinh và công việc của Ban Tao Đàn rất đa dạng. Xin trích lược bài nhận định của anh Phan Lạc Phúc tức ký giả Lô Răng:

Những nhân vật then chốt của Ban Tao Đàn

“Người khai sinh và điều khiển chương trình Tao Đàn, như cả nước đều biết, là thi sĩ Đinh Hùng. Chương trình Tao Đàn có thể chia ra làm 3 bộ phận. Bộ phận quan trọng nhất là ban biên tập và diễn đọc gồm Đinh Hùng, Thanh Nam, Thái Thủy; vài năm sau có Huy Quang Vũ Đức Vinh từ Nha Trang vào cộng tác. Bộ phận thứ 2 là ban ca ngâm gồm những tài tử nam, nữ trình diễn thường xuyên hay tùy hứng. Người “đa năng” nhất trong ban Tao Đàn là Tô Kiều Ngân. Anh vừa là tài tử diễn ngâm, vừa biên tập, vừa trong ban nhạc. Tiếng sáo Tô Kiều Ngân réo rất thường được coi là “indicatif” của Tao Đàn, hợp cùng tiếng đàn thập lục trầm bổng của Bửu Lộc, tiếng piano trầm ấm trước của Ngọc Bích, sau của Phạm Đình Chương. Về giọng ngâm nam ngoài họ Tô, còn có Hoàng Thư; một thời giọng ngâm Thanh Hùng cũng có góp tiếng trên đài. Tô Kiều Ngân tuy giọng không khỏe nhưng anh là người ngâm “khéo” nhất, ngâm giọng Bắc, giọng Trung đều nhuyễn. Hoàng Thư có chất giọng say sưa, mạnh mẽ được đời nhớ mãi trong Bài ca Ngự phủ của Vũ Hoàng Chương. Thanh Hùng với giọng thổ pha kim, xuất sắc trong những tác phẩm bi hùng. Có những giọng ngâm không có mặt lâu năm trên đài nhưng vẫn được đời ghi nhớ như Quách Đàm trong những bài lục bát hay Thiếu Lang trong Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác.

Về giọng ngâm nữ lúc khởi đầu phải nhắc tới cái ngọt ngào của Giáng Hương nhưng các tay sành điệu đều không thể nào quên giọng ngâm đồ hồ đặc sắc của bà Đàm Mộng Hoàn, một danh tiếng vang lừng tại Khâm Thiên tiền chiến trong Tỳ bà Hành. Giọng ngâm nữ nhiều năm làm thốn thức trái tim thính giả là Hồ Điệp trong những bài thơ nước nở TTKH. Về sau có một giọng nữ như sương như khói làm khởi sắc những vần ca dao dân tộc và những bài ca huyền sử. Đó là giọng ngâm Hoàng Oanh”. (ngưng trích).

Tiếng sáo của những cảm xúc

Thật ra Tô Kiều Ngân hoạt động trong nhiều lãnh vực, làm báo, viết văn (tác phẩm đầu tay của anh là tập truyện ngắn *Người đi qua lỗ cốt*), làm thơ, ngâm thơ, bài sáo anh thổi ở Tao Đàn do chính anh sáng tác và đã xuất bản. Nhưng nổi tiếng nhất vẫn là tiếng sáo Tao Đàn. Bây giờ người ta nhớ đến tài năng tuyệt vời của anh vì tiếng sáo đó và giọng ngâm thơ mang âm điệu Huế hơn tất cả những thứ khác. Nếu so sánh với tiếng sáo của Nguyễn Đình Nghĩa, theo nhận xét của tôi, mỗi người có một cái hay riêng. Tiếng sáo của Tô Kiều Ngân cất lên theo cảm xúc từ bài thơ của tác giả và phong cách của người ngâm thơ nên bay bổng và dễ làm rung động lòng người hơn. Tiếng sáo của Nguyễn Đình Nghĩa hay về bài bản. Nếu anh thổi một bài như Thiên Thai, rất điều luyện. Nhưng nhiều thính giả vẫn nhớ họ Tô hơn.

Từ biệt Tô Kiều Ngân, người cuối cùng của Tao Đàn ra đi

Nhận được tin Tô Kiều Ngân mất, sau khi điện thoại cho Huy Sơn và Hoàng Song Liêm, tôi gọi cho Hàm Anh (còn có bút danh là Sài Gòn Cô Nương), bởi Hàm Anh là con gái nhà phê bình Thượng sĩ, trước đây ở cùng xóm Phan Văn Trị với gia đình anh Tô Kiều Ngân. Chúng tôi mang vòng hoa tới căn nhà khá đẹp của gia đình anh ở trong một xóm nhỏ thuộc quận Bình Thạnh.

Người đón tiếp chúng tôi rất vồn vã chính là bà quả phụ Tô Kiều Ngân. Nhưng tôi đã đọc cái cáo phó của gia đình trên một tờ báo nước ngoài. Nếu chú ý, bạn sẽ thấy một sự... hơi lạ. Đó là có tới hai bà cùng ký tên chung là vợ. Một bà là Phạm Thị Thìn, một bà là Lê Thị Kim Hoa. Một sự “chính danh” ít thấy trên bản cáo phó nào. Tôi phải ghi lại sự kiện này cho đúng, xin chia buồn đến cả 2 gia đình.

Tôi phải lựa lời khơi gợi lại chuyện cũ xem có đúng bà này là “đệ nhất phu nhân” thời xưa tôi đã gặp không. May quá, đệ nhất phu nhân Tô Kiều Ngân nhận ra tôi ngay. Chị ân cần nắm tay tôi thân thiết. Các con trai, con gái anh, cả dòng trước dòng sau, cũng thân mật như vậy. Con gái lớn của anh (là vợ của nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan, mất cách đây 2 năm) cũng tới thăm hỏi. Tôi có cảm tưởng như gia đình anh và tôi chưa xa nhau bao giờ.

Tôi và cháu Hàm Anh cùng vào trước linh cữu anh, từ biệt người bạn cũ. Anh ra đi là người cuối cùng cộng tác thường xuyên, là trụ cột của ban Tao Đàn. Nhà văn Tạ Quang Khôi tính nhầm rằng:

- Thi sĩ Đinh Hùng, trưởng ban Tao Đàn của đài phát thanh Saigon, mất năm 1969 vì ung thư bao tử. Hoàng Thư, một giọng ngâm nam rất truyền cảm, mất cách đây khoảng 20 năm ở Saigon. Hồ Điệp mất tích trên đường vượt biên. Thanh Nam qua đời năm 1985 ở Seattle (tiểu bang Washington) vì ung thư cổ họng. Huy Quang Vũ Đức Vinh mất cuối năm 2005 vì bị tai biến mạch máu não trong khi bác sĩ đang giải phẫu để làm by pass (ở Seattle). Thái Thủy ra đi vì ung thư phổi ở Nam Cali cách đây gần 3 năm.

Từ biệt Tô Kiều Ngân, từ biệt nhóm Tao Đàn nhưng tiếng sáo, giọng ngâm của Tao Đàn còn lại mãi trong đời sống thi ca Việt Nam và trong lòng người Việt yêu thơ khắp nơi.

Tưởng niệm Hà Thượng Nhân

Người bạn là thầy mình

Vâng, đây là điều tôi muốn được trang trải lòng mình về sự “ra đi” của anh Phạm Xuân Ninh, bút hiệu Hà Thượng Nhân. Một người tôi kính trọng như anh mình và cũng là “sếp” của tôi trong một khoảng thời gian ngắn, là bạn đồng ngữ, bạn trong “tù cải tạo”, bạn trong cuộc đời suốt những năm làm báo và viết lách kể cả trong những cuộc chơi “xì còm”, mặt chược nhỏ... Ở đây tôi không gọi là “thi sĩ” Hà Thượng Nhân, tôi chỉ gọi là “anh”, như tôi và các bạn tôi thường gọi. Tôi cũng không kể lể về con người cùng những đức tính tuyệt vời của anh, không chỉ dành cho bè bạn mà hầu như cho tất cả những người đã từng giao thiệp với anh. Tôi cũng chưa phải là “tri kỷ” của anh và tình thân chưa bằng những vị khác đồng trang lứa hoặc có nhiều thời gian gần gũi với anh. Anh hơn tôi 11 tuổi (anh sinh năm 1922, tôi sinh năm 1933), có thể đó là thầy mình. Tự trong đáy sâu trong lòng tôi vẫn mang tình cảm ấy, cho dù bất cứ ở ngoài đời hay sau chấn song sắt. Tôi học được ở anh những điều không có trong sách vở, không có trong ngay cả nền giáo dục của gia đình, chỉ có ở trong cuộc sống với bạn bè. Nhìn cách anh sống, anh nói, anh đối nhân xử thế... đó là những điều anh đã dạy cho tôi cho đến hôm nay. Không phải chỉ mình anh mà rất nhiều bạn bè cũng đã dạy cho tôi nhiều điều tương tự như thế. Nhưng anh là một trường hợp đặc biệt.

Không phải “sếp” nào cũng được kính trọng

Thưa bạn đọc, một điều cần nói rõ, không phải ai là “sếp” cũng được cấp dưới kính trọng, đôi khi còn ngược lại. Làm “sếp” mà không có cái tâm, không có cái tình, chỉ có cái “uy”, không có cái “ân” thì khó có cấp dưới nào kính trọng. Phải không bạn? Một anh cấp dưới kính trọng một cấp trên chỉ lấy “uy”, lấy “quyền” ra chỉ huy, hò hét thì anh cấp dưới đó xứng đáng được gọi là kẻ “nịnh thần”. Kẻ dám nói thẳng nói thật mới đúng là cấp dưới đáng kính trọng. Con người nào cũng bình đẳng như nhau, khác nhau chỉ ở chỗ có được kính trọng hay không mà thôi. Ngay cả

một chính thể dù có mạnh đến đâu, nếu những người được gọi là lãnh đạo, sống và làm có “tình”, có “lý”, có “tâm” là thuận lòng dân sẽ tồn tại, đi ngược lại với nguyện vọng của người dân, trước hay sau sẽ bị tiêu diệt. Tàn ác như Tần Thủy Hoàng, tưởng sức mạnh là vô địch, rồi cũng tiêu tan. Đó là lịch sử, là chân lý không thể thay đổi. Nhưng ở đây tôi không dám dài dòng về chuyện này.

Tôi chỉ muốn chứng minh rằng tại sao anh Phạm Xuân Ninh được hầu hết các cấp dưới của anh kính trọng, chính vì nhân cách lớn của anh. Nhân cách ấy thể hiện ngay trong lối sống hàng ngày, lối giao thiệp, tiếp xúc với mọi người quanh mình và ngay với thuộc cấp. Anh không là quân nhân chuyên nghiệp, không là sĩ quan học trường võ bị ra, nhưng anh lại là một người lãnh đạo rất giỏi, anh nói gì ai cũng nghe, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ.

Làm việc với anh Ninh cứ như trong một gia đình, chẳng phải lo nghĩ gì đến những “âm mưu, thủ đoạn” với cái lưới kỷ luật lúc nào cũng sẵn sàng úp chụp lên đầu. Còn gì sướng hơn. Thưa bạn, đó chính là lý do tại sao khi anh ra đi, chỉ có lòng thương tiếc.

Một “cơn mưa buồn”

Cho nên khi anh ra đi, dường như có một cái gì thay đổi lớn lắm. Ngay từ ngày đầu tiên khi biết tin anh từ giã vĩnh viễn [cuộc](#) đời, anh em khắp nơi xôn xao, điện thoại, thư từ cho nhau. Mỹ gọi cho Úc, Úc gửi thư cho Pháp, Pháp gọi cho Canada, Canada gửi thư cho Việt Nam. Một nỗi tiếc thương âm thầm như khói sương lan toả trong tất cả những lá thư, dù là thư điện tử, dù là tiếng nói trong điện thoại đường dài. Không có tiếng khóc, đôi khi lại là tiếng cười cùng nhau, nhưng... lại có cái gì đó bàng bạc nuối tiếc thầm kín. Tôi không thể định nghĩa được chính xác là cái gì và cũng không diễn tả được trọn vẹn tình cảm ấy. Chỉ biết “nó” là thật, là một cơn mưa buồn, như câu thơ anh làm trong “trại cải tạo” ở Long Giao vào năm 1975:

...[“Bây](#) giờ giữa Long Giao
Ngồi nghe mưa sùi sụt
Cuộc đời như chiêm bao
Có hay không nẻo cụt?
Anh chằm điếu thuốc lào
Mình say, mình say sao?”

Tưởng như mới hôm nào, anh ngồi cùng tôi ở trong cái gọi là “trại cải tạo”, cùng hút chung “cái điếu cày tự chế”, nay anh đã ra người thiên cổ!

Tôi chỉ là anh làm thơ vớ vẩn, tục gọi là “thơ ba trợn”, nên làm xong bài nào là chỉ một thời gian ngắn đi vào lãng quên luôn. Đọc thơ anh xong, tôi cũng làm một bài dài thòng, đáp lại “ông thi sĩ bậc thầy”, cùng “ủ tờ”, thiếu bạn thơ, nếu ở ngoài đời thường chắc tôi không đối đáp như thế. Bài thơ “ba trợn” của tôi được đặt tên là: “Khói thuốc trong tù”, đến nay cố moi óc nhớ lại, cũng lồm bồm chỉ được vài câu lắm cảm như thế này các cụ ạ:

[“Khói](#) thuốc lào say xanh màu nhớ
Hương xưa sầu đọng tím thời gian
Nghe sôi máu đỏ trong lòng điếu
Năm tháng vàng theo cuộc chiến tàn...”

Khoe với anh Hà, anh gật gù: “Cậu này chơi chữ gớm nhỉ, xanh, tím, đỏ, vàng, nghe được đầy chữ”. Được đàn anh khen tôi phồng mũi, cứ định làm vài bài nữa trong tù nhưng bí quá, chẳng ra được bài “thổ tả” nào. Sau này có vài bài, cố nhớ mãi không được. Cái “bộ nhớ” đáng tin cậy của tôi bị vào “nhà tang vật” hơn hai năm nay mất rồi!

Một sự thật khác cần nói là anh mất ở tuổi 90 đã là thọ lắm rồi, chúng tôi đều biết anh đã suy nhược nhiều và ngày ra đi của anh không còn xa. Không “chết trẻ” để làm tăng nỗi đau xót tiếc thương. Nhưng riêng sự vĩnh biệt của anh làm nên nỗi tiếc nuối ngậm ngùi trải rộng như cơn mưa mùa đông. Anh không là “lãnh tụ” bất cứ cái gì, nên không có cảnh ôm nhau khóc rú lên,

mà chưa chắc đã là thật. Người ta khóc lóc, lăn lộn vì những cái khác cho chính mình. Nhưng với anh Hà Thượng Nhân, tôi nghĩ, mọi người dành cho anh cả tấm lòng chân thật nhất.

Những “anh già” khó tính và dễ tính

Tôi lại xin nói đến một sự thật khác là vào thời buổi này, “cánh già chúng tôi”, hỏi 10 người thì có đến 9 ông bày tỏ ước nguyện là nếu có phải “rửa chân lên bàn thờ, ngồi nhìn con gà khoả thân” thì chỉ xin đi cho nhanh, không đau ốm vật vờ, thế là đủ. Không còn ai sợ ngày ra đi nữa. Nhiều ông đã làm sẵn di chúc và dặn dò con cháu rất từng từng cứ như nói “bố đi chơi, mai về”. Cũng chẳng phải là muốn được đi ngay cho được việc. Cứ thản nhiên sống hết quãng đời còn lại. Có ông vẫn miệt mài làm việc sợ “quỹ thời gian” còn rất ít. Có ông thành thạo chọn cái thú an nhàn bên con cháu. Nhiều ông nói sống đến được tuổi 90 là đủ rồi, nếu không muốn nói là thừa. Được ra đi như anh Ninh là một “hạnh phúc” lớn. Tôi cũng nghĩ như vậy.

Thật ra là bạn bè, dù đã trên dưới 50 năm hay mới hơn chỉ có 5-10 năm, chúng tôi cũng đã có đôi ba “anh già” giận hờn nhau, tức bực nhau vì những chuyện thật, chuyện giả, chuyện hiểu đúng hay hiểu lầm nhau vì người khác mang lại, thường có trong cuộc sống như một lẽ tự nhiên. Có những chuyện tưởng như không thể dung hoà được, không thể “nhìn mặt nhau”. Ở đây tôi không nói đến chuyện “lập trường chính kiến” có màu sắc chính trị, đó là quyền của mỗi người. Tôi chỉ nói một tình bạn thông thường như bạn từ lúc còn để chòm, từ lúc vào đời, lên đời hay xuống đời.

Có những “anh già khó tính” hơi tí là giận, lại có những “anh già dễ tính” cái gì cũng cười hà hà cho xong. Thừa thật với bạn đọc, tôi lại nằm trong cả hai trường hợp trên. Nhưng sự “giận hờn” của tôi, nếu có, bao giờ tôi cũng để trong một giới hạn nhất định. Tôi thường tự hỏi “không biết mình giận nó đúng hay sai”. Tự nhiên trong lòng nổi lên một điều gì như nổi bản khoăn, có vẻ là một chút hối hận. Tôi đã nhận được hàng trăm những clips, video ca tụng về TÌNH BẠN. Gần đây nhất, là một clip rất ngắn gọn: “CÓ MỘT NGƯỜI BẠN LÀ MỘT ÂN HUỆ, MỘT MÓN QUÀ, MỘT ĐẠO ĐỨC, MỘT VINH DỰ”.

Đọc câu “châm ngôn” rất bình dị đó bên những cánh hoa, tôi thấm thía và có mặc cảm như một thứ “tội đồ” vì có thể đã đánh mất một người bạn nào đó. Thật sự tôi rất buồn cho mình. Rồi đến lúc nào “bạn ta ra đi”, tôi sẽ phải nghĩ gì đây?

Anh Hà Thượng Nhân vừa vĩnh biệt anh em, tôi nghĩ là không bao giờ dám làm mất bất cứ người bạn nào, dù người bạn đó, tôi tưởng là ghét tôi hay thương tôi. Tôi biết là học được bài học này quá dễ, song làm được thì... hơi khó. Khi “cái tôi” chỉ là sự tầm thường, như câu phương ngôn Pháp: “Le moi est haïssable” chắc tôi sẽ làm được. Không có cái gì là khó, không bao giờ là muộn cả.

Mấy anh già nói chuyện lảm cẩm

Trở lại về sự ra đi của anh Hà Thượng Nhân, đến hôm nay, đã có rất nhiều báo loan tin buồn này và đã có nhiều bài viết về anh cùng với hàng loạt lời “Chia buồn”, “Phân Ưu” với cả trang tên tuổi đính kèm, nếu muốn ghi hết. Bạn có thể đọc trên hầu hết các tờ báo, các trang web phổ biến những bài này.

Ngoài những người đã từng là bạn của anh, là cấp dưới của anh có tên trong những bản “chia buồn”, tôi tin là còn nhiều những người bạn khác, vì một lẽ nào đó, chưa có tên trong danh sách này. Có lẽ là các vị soạn thảo cũng vội vàng nên làm sao tránh được thiếu sót. Có cả những vị không quen biết nhưng mến mộ anh qua những thi phẩm.

Tôi không dám đại diện cho ai cả, nhưng tôi hy vọng nói được một phần tiếng nói chung của khá nhiều bạn bè anh, cũng là bạn tôi, mà trong lời “Phân Ưu” không thể nói hết. Biết đâu, cũng là nỗi lòng của nhiều độc giả đã từng mang chung tâm trạng này trong nhiều trường hợp khác nhau.

Vài hàng gửi đến hương hồn người quá cố Hà Thượng Nhân và giải tỏ [tắc](#) lòng chân thật cùng với “cánh già” chúng tôi. Nếu các bạn trẻ có đọc thì xin hiểu cho “mấy anh già nói chuyện lảm cẩm với nhau ấy mà”. Thế là người co đầu gối, còm cõi trước computer, bên trời lặn đặng cũng mẫn nguyện lảm ròi.

Ký giả Huyền Vũ với người Sài Gòn



Ký giả thể thao HUYỀN VŨ

Nghe Huyền Vũ tường thuật mới đúng là “vừa được nghe, vừa được xem đá banh”. Đã từ lâu tôi vẫn đinh ninh rằng “ai cũng có thể thay thế được, dù cho đó là một thiên tài”. Nhưng đến hôm nay thì tôi nghĩ khác : “vừa có một người mất đi mà không ai thay thế được”. Đó không phải là ý kiến của riêng tôi, mà là ý kiến của hầu hết những người còn ở lại Sài Gòn tôi vừa gặp. Kể cả người có tuổi và người trẻ tuổi, người có thích coi đá banh hay không. Tôi nói thế hẳn bạn đọc đã biết là nói về ai rồi. Không là ông Huyền Vũ thì không thể là ai khác trong phạm vi này.

Chắc chắn đến hôm nay, nhiều bạn đọc đã biết tin ông Huyền Vũ từ trần vào lúc 01 giờ 56’ ngày 24 tháng 8 năm 2005 tại Hampton – Virginia, Hoa Kỳ. Và cũng chắc chắn đã có khá nhiều bài viết về ông Huyền Vũ. Nhưng người ở Sài Gòn thì chưa chắc đã có ai viết về sự kiện này. Tuy nhiên, cũng không phải vì thế mà tôi viết về ông, tôi viết vì có một bổn phận thời thúc phải viết, một tiếng nói của người hiện còn đang sống ở Sài Gòn tưởng nhớ và thương tiếc ông. Tôi không là đại diện cho ai cả, tôi viết với tính cách của một “fan” hâm mộ ông cùng với một số bạn bè tôi, với nỗi tiếc thương vô hạn.

Bóng cây đại thụ bao trùm lên tất cả

Ông mất ở tuổi 90, ông hơn tôi đến gần 20 tuổi, tôi chưa bao giờ được là bạn ông. Chỉ là một người quen biết và một người hâm mộ đúng nghĩa. Tuy rằng trước những năm 1975, cái thời mà chúng tôi thường gặp nhau ở sân banh Cộng Hòa, ngồi trên hàng ghế ký giả, ông làm việc tường thuật của ông, gần chỗ chúng tôi. Nếu có gặp nhau chỉ vẫy tay chào nhau là đủ. Tuy ông cũng tường thuật trực tiếp qua làn sóng điện phát thanh của Đài Tiếng Nói Quân Đội, nhưng thật ra đài Quân Đội chỉ là tường thuật “kế” đài Sài Gòn. Ông là phát thanh viên chính thức của đài phát thanh Sài Gòn, còn gọi là Đài PT Quốc Gia, mỗi khi có tường thuật trực tiếp đá banh, chúng tôi chỉ điện thoại sang yêu cầu Đài Quốc Gia cho Đài Quân Đội “nhập sóng” là xong. Tức là lúc đó “mình với ta tuy hai mà một”, nghe đài nào cũng như nhau, cũng là ông Huyền Vũ tường thuật. Còn có ai khác nữa đâu.

Hồi đó chúng tôi cũng đã có dự định “tuyển” một tay nói năng lưu loát, tường thuật cho ra vẻ ta đây cũng có “giá” như đài Sài Gòn. Nhưng trải qua vài cuộc thử nghiệm đều không thể tìm được ai làm xướng ngôn viên trực tiếp khả dĩ gần bằng ông Huyền Vũ chứ chưa nói đến bằng ông. Vì thế nên chúng tôi đành “thua”.

Thêm một điều nữa cần phải nói là trong thời chiến, đài phát thanh Quân Đội và Đài Sài Gòn thường là một người của quân đội sang chỉ huy, nhưng vẫn cứ “cạnh tranh” rất thẳng thắn. Đài nào cũng muốn có tin trước và tin hay. Đó là lương tâm nghề nghiệp. Ngay cả khi bạn tôi là ông Nhất Tuấn hay ông Vũ Đức Vinh làm “sếp” ở đài Sài Gòn và tôi phục vụ ở Đài Quân Đội thì chúng tôi cũng cạnh tranh gay gắt như thường. Các phóng viên và biên tập viên hai đài phát thanh này cũng vậy, họ thường là bạn của nhau, thậm chí là bạn thân, nhưng đến khi vào việc thì mỗi người chạy theo một cách lấy tin, mỗi người đều có cách tường trình “đặc biệt” của mình. Nếu không thế thì đài nọ dựa vào đài kia, làm sao có chương trình hay phục vụ thính giả được. Nhưng đến khi có ông Huyền Vũ tường thuật đá banh thì chúng tôi phải xin “Quý đài cho

nhập sóng” để quân nhân ở các đồn xa được nghe ông Huyền Vũ chứ không phải người khác. Ông Huyền Vũ đã trở thành một thứ không thể thiếu của tất cả những trận đá banh của Sài Gòn trước những năm 1975.



Một trận đá banh mà không có Huyền Vũ tường thuật thì kể như đó là một trận “tầm thường”. Cái tên ông gắn liền với giá trị của tất cả những trận banh. Người lính trên khắp các quân khu, ngay cả khi ở chiến trường, cũng mong ngóng chờ nghe tường thuật đá banh, một điều tất nhiên là nghe ông Huyền Vũ tường thuật mới đúng là “vừa được nghe, vừa được xem đá banh”. Chúng tôi hiểu rất rõ điều này nên dù là xin “tường

thuật ké” cũng sẵn sàng dẹp hết “lòng tự ái” để làm. Trong khi những tin tức chiến trường, những tin tức đặc biệt, bao giờ chúng tôi cũng làm tường thuật với những phóng viên của đài mình. Như thế đủ chứng tỏ cái giá của ông Huyền Vũ lớn lắm, cái bóng của ông như cây đại thụ bao trùm lên tất cả những giá trị khác.

Từ ngữ Huyền Vũ không thể quên

Sau này, khi ông không còn ở trong quân đội nữa, thỉnh thoảng ông vẫn có dịp ghé vào đài Quân Đội theo lời mời của Ban chương trình để nói về một vấn đề thể thao hoặc tự đọc một bản tin thể thao nào đó. Tôi cho rằng ông cũng vẫn còn những tình cảm đậm đà với những quân nhân lúc nào cũng là thính giả trung thành của ông. Tôi chỉ được gặp ông một hai lần và câu chuyện cũng chỉ là những chuyện thông thường. Trong tôi, ông vẫn là một người anh, rất gần mà rất xa. Bởi tôi thường không gặp ông ở bất kỳ một nơi chốn nào mà những nhà báo hay đến, có lẽ chỉ có nhà hàng Thanh Thế là nơi những ký giả “gạo cội” của “làng thể thao Sài Gòn” hay ngồi thì tôi lại thường ít lui tới.

Lúc đó, ký giả Thạch Lê, nguyên là “sếp” của tôi, cũng là một ký giả thể thao có tầm cỡ ngoài miền Trung, nhưng cũng chưa thể nào so sánh với ông Huyền Vũ được. Hầu như suốt những năm tháng sống ở Sài Gòn trước năm 1975, không có trận banh nào mà ông Thạch Lê không kéo tôi đi. Khi có những trận banh ở sân Tao Đàn và sau này là sân Cộng Hòa, phòng báo chí của Cục TLC gần như ngưng làm việc. Chỉ có Huy Văn ngồi một mình cặm cụi với chồng bài vở. Sau khi đi xem đá banh về, ông Thạch Lê đến tòa báo ngồi viết tường thuật, hôm nào ông dở chứng lười thì bảo tôi viết tường thuật “cho vui”. Cũng may mà tôi chỉ viết một hai bài, đến nay tôi không còn nhớ rõ, nhưng chữ nghĩa về tường thuật đá banh thì chắc là phải “mượn” chữ của ông Huyền Vũ. Bởi có những từ ngữ ông dùng rất hay mà khó có thể thay thế được. Đến nay, sau hơn ba mươi năm rồi mà tôi còn nhớ như in hai chữ “quả da” mà ông dùng thay cho quả banh và “mũi tên vàng Nguyễn Văn Tư bên cánh trái đang lao xuống... lao xuống, đi tới... tới nữa và ... sút”. Tim tôi muốn nhảy dựng lên với giọng nói truyền cảm kỳ lạ của ông.

Khi nghe ông nói thì xúc động như thế, song khi viết ra theo lối của mình thì thấy nó... vô duyên thế nào ấy. Không thể nào bắt chước được lối tường thuật của ông, dù là trên chữ nghĩa. Ông đã là một bậc thầy không ai bắt chước được.

Những thính giả trung thành còn ở lại Sài Gòn

Ở đây, tôi không lạm bàn thêm đến tài nghệ và uy tín cũng như cuộc sống của ông bởi tôi đã vừa được đọc những bài của các ông Phạm Trần, ông Vũ Đức Vinh, ông Nguyễn Thiện Ân, – là những nhà văn, nhà báo, tôi cho rằng “có đủ thẩm quyền” viết về Huyền Vũ vì các vị này đã từng biết về ông cả trước và sau năm 1975. Tôi chỉ xin nói về những chuyện ở Sài Gòn khi tôi được tin ông vừa mất.



Kỷ giả HUYỀN VŨ ra mắt cuốn hồi ký "Tôi làm kỷ giả thể thao"

Ông Vũ Đức Vinh gửi "meo" báo tin và gửi bài viết về ông cho tôi trước khi ông Huyền Vũ mất 1 ngày. Sở dĩ như thế vì trong bài, ông Vinh có một đoạn đề cập đến tôi và những buổi trực tiếp xem truyền hình đá banh tại VN. Ông là người rất kỹ tính và cũng muốn biết thêm vài chi tiết nên hỏi cho "chắc ăn". Được hỏi bất ngờ nên tôi chưa sẵn sàng tài liệu gửi cho ông, nhất là những cái tên của những "chuyên viên tường thuật bóng đá" ở VN hiện nay. Bởi có tới năm, mười "chuyên viên bình luận" từ Hà Nội đến Sài Gòn và các đài địa phương nên tôi không thể nào nhớ hết và cũng chẳng có ai nổi trội nên tôi không để ý đến tên tuổi.

Hôm sau, vào ngày 24/8, khi tôi còn ở Sài Gòn, được ông Vinh báo tin "đại lão kỷ giả Huyền Vũ đã ra đi". Trưa hôm đó, tôi phải trở về Lộc Ninh. Lại nhận được "toàn văn" cáo phó và tiểu sử của ông Huyền Vũ của anh Đỗ Nghi, Tổng thư ký Thời Báo ở Canada và anh "gáy" tôi "chắc chắn anh sẽ viết bài cho kỳ sau phải không?". Ngay lúc đó, tôi trả lời đã có bài của anh Vinh, tôi viết có là thừa không? Thêm một điều nữa là tôi chỉ được biết về ông rất ít vào những năm còn ở Sài Gòn, từ khi ông qua Mỹ thì tôi không biết gì thêm, nhưng anh em ở bên đó biết nhiều hơn tôi. Thế nhưng một ông chủ báo ở Mỹ bèn "gáy" tiếp: "người Sài Gòn thì phải có tiếng nói của Sài Gòn chứ". Tôi nghĩ ông này đúng nên điện thoại về Sài Gòn, hỏi một người bạn có khá nhiều liên hệ với "cánh báo chí", anh này trả lời chưa biết tin tức gì về ông Huyền Vũ ra đi. Hỏi thêm một vài người nữa, cũng "chưa biết gì" về tin này.

Trịnh Cung : một thế hệ say mê Huyền Vũ



Tôi điện thoại cho họa sĩ Trịnh Cung, ông này cũng là một tay "ghiền" bóng đá. Vài lần ngồi với những người bạn khác, khi bàn về những trận bóng đá gần nhất, Trịnh Cung tỏ ra sắc sảo và hứng thú khi "bình luận" về vấn đề này. Vừa nghe tôi báo tin, anh cũng kêu lên:

– Trời ơi, ông ấy mất rồi sao?

Lặng đi một lát, anh mới nói được:

– Tôi nghe ông từ khi còn bé, đến bây giờ vẫn không thể nào quên. Đúng là cho đến bây giờ vẫn chưa ai có thể "bén gót" được ông chứ đừng nói đến thay thế. Hồi đó còn là cậu học sinh trung học, không phải chỉ mình tôi mà cả một "thế hệ" những học sinh ở Nha Trang như tôi đều "mê" ông.

Tất nhiên, tôi lợi dụng ngay cơ hội này để hỏi tiếp:

– Anh vừa nói "không ai thay thế được", vậy còn những chuyên viên

bình luận bóng đá của các đài phát thanh truyền hình bây giờ ở Việt Nam thì sao?

Không úp mở, Trịnh Cung trả lời ngay:

– Làm sao mà bì được với Huyền Vũ. Có thể nói chưa ai có thể so sánh được với ông.

– Bây giờ họ bình luận thế nào?

– Tôi chỉ xem và nghe ở truyền hình chứ không nghe truyền thanh. Hầu hết là lớp trẻ, họ "cà kê dê ngỗng" quá nhiều làm giảm "tiết tấu" của cuộc tường thuật một trận banh đang hào hứng. Họ la lên "hào hứng, sôi nổi" mà không thấy sôi nổi như trên sân banh. Trong khi, vào thời đó chưa có truyền hình, ông Huyền Vũ chỉ có tiếng nói qua "làn sóng điện" chứ không có hình, vậy mà nghe ông, thính giả cứ tưởng như đang được coi một trận đấu thực thụ đang diễn ra từng pha bóng trước mặt mình. Ông thấy chưa, một sự khác biệt lớn lao đến thế đấy. Nghe ông ấy

truyền thanh từng đường banh: “đi tới trước khung thành rồi, Ngẫu đang lừa banh, qua rồi, Há đứng đợi bên trong, đưa banh, Há bỏ cho Ngẫu, Liêm ở phía sau sẵn sàng, cú sút như trái phá... nhưng “quả da” đụng khung thành bật ra. Tam Lang lại được banh từ giữa sân, đưa dài lên, cú sút của Tư chéo góc... Dzô ! Dzô ! Dzô, tuyệt tác. Sân cỏ nổ tung ! Rồi Đực, rồi Rạng với đường banh huê mỹ vận chéo người cứu một bàn thua trông thấy khiến khán giả choáng váng...”. Ông ấy làm tôi ở nhà cũng choáng váng theo.

Ngừng một chút Trịnh Cung kể tiếp:

– Hồi ấy những đội banh như Ngôi sao Gia Định, AJS và sau là Tổng Tham Mưu, Quan Thuế đấu với nhau. Rồi những Autobus Hồng Kông, Nam Hoa sang VN thi đấu là những ngày hội lớn của Sài Gòn và của cả tụi học sinh trung học tỉnh lẻ như bọn tôi, bàn tán mấy ngày trước và sau trận đấu chưa dứt. Và “học” lại toàn những từ ngữ của ông Huyền Vũ.

– Vậy phải kể như ông ấy là một thiên tài.

– Đúng thế. Một thiên tài trăm năm trước không có, trăm năm sau chắc cũng chưa thể có. Chúng tôi chỉ cười vì nhận định đó và gác máy.

Ngày buổi chiều hôm đó Trịnh Cung lại điện thoại cho tôi ngỏ ý muốn có bản Cáo phó và Tiểu sử của ông Huyền Vũ. Theo anh thì anh sẽ viết bài cho một tờ báo nào đó, có lẽ là ở Sài Gòn và cần thêm một hai tấm hình gửi theo bài. Tôi chỉ có vài tấm hình của mấy người bạn từ Virginia gửi về, đúng ra thì phải giữ làm “bưu bối”, nhưng trong trường hợp này thì càng được phổ biến bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Tôi cứ nghĩ thế nên dù cho những hình ảnh mà tôi gửi theo đây đã được đăng rồi cũng xin được đăng lại để cùng bạn đọc, thêm một lần nữa nhớ về một thiên tài vừa khuất bóng.

Thầy giáo cũng bỏ học nghe Huyền Vũ tường thuật

Người thứ hai mà tôi hỏi chuyện là Thái Phương – một ông nhà giáo và cũng là nhà văn. Tôi cứ đinh ninh ông nhà giáo chắc biết ít hơn về đá banh. Quả đúng như vậy, nhưng Thái Phương nói :

– Tôi ít xem đá banh, song lại rất mê ông Huyền Vũ ngay từ những ngày còn học đệ nhất Chu Văn An.

– Tức là khi nghe khi không ?

– Vâng, chúm đầu vào học, thỉnh thoảng mới có thì giờ nghe thôi. Cứ đụng nghe là mê, thế là bỏ luôn một buổi ngồi học. Tôi sợ “mê” ông ấy quá bỏ học lu bù, thi không đậu thì phải đôn. Mỗi lần nghe loáng thoáng ông ấy tường thuật qua một cái radio nhà hàng xóm hoặc của một người bạn nào đó, tôi lại “trốn”. Nhưng anh ạ, trốn cũng không khỏi “ma lực” của cái giọng nói “quái đản” ấy. Cứ như “Học trò xứ Quảng ra thi. Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành”. Tôi lại mon men đến nghe và nghe rồi là quên luôn sách vở.

– Thế thì ông mê Huyền Vũ còn hơn mê bà xã của ông hồi đó.

– Ấy, dù có thể thật thì xin anh cứ cho như mê bằng nhau đi cho nó vui cửa vui nhà.

Thái Phương vẫn có tiếng cười hồn nhiên chân thật của một anh “nhà giáo”. Anh tỏ vẻ tiếc nuối một tài năng có một không hai của Việt Nam. Anh lại ngẩn ngơ :

– Tiếc rằng sau này lớn lên, có thì giờ để xem đá banh và nghe tường thuật thì ông Huyền Vũ không còn ở Sài Gòn nữa.

– Thì anh coi và nghe những người bây giờ cũng được chứ sao.

Thái Phương lại cười :

– Tất nhiên là cũng được, nhưng rất nhiều lần tôi nói với thằng con trai tôi là những trận này mà nghe ông Huyền Vũ “diễn tả” mới thật là sướng tai. Có lần nghe ông tường thuật, bổ suýt đá vào... mông “bà già” con đấy. Tôi tính kể cho nó nghe ông ấy tường thuật như thế nào mà không sao kể được. Nó... kỳ lạ quá, tôi cố gắng bắt chước, không bao giờ giống. Tuy vậy, thằng con tôi cũng hiểu được ông Huyền Vũ đôi phần.

– Cho thế hệ trẻ ngày nay biết được về ông Huyền Vũ là hay lắm rồi, anh đừng đòi hỏi gì hơn. Chính vì cái sự “ngắc ngư” của anh mà cậu con trai của anh sẽ hiểu thêm được rằng bố nó tài

giỏi như thế mà không “diễn tả” được hết tài năng của ông Huyền Vũ thì ông ấy còn tài năng đến như thế nào. Sự tưởng tượng đôi khi còn mạnh hơn là những gì ông muốn cho con trai ông biết đấy. Nó sẽ còn sống mãi trong tâm tưởng của lớp trẻ bây giờ.
- Tôi cũng mong như thế. Anh đã làm được một việc đáng làm anh ạ.

Giáo sư trường Quốc Học cũng mê



Cầu thủ Ngõn 2 (Lại Văn Ngõn) và Tam Lang (chồng Bạch Tuyết khi xưa) hai cầu thủ nổi tiếng trước 1975

Sau đó tôi lại gọi cho ông Lê Khắc Cẩm, một nhà nghiên cứu văn học hiện nay, trước năm 1975, ông là giáo sư Anh văn của Trường Quốc Học – Huế. Tôi gọi “cầu âu” thôi, bởi cứ cho rằng ông giáo sư đạo mạo này ít khi có thì giờ theo dõi đá banh. Thế nhưng tôi lại gặp may một lần nữa. Ông Cẩm sốt sắng trả lời ngay:

– Không nhiều lắm nhưng cũng đủ để biết ông Huyền Vũ là một

nhà tường thuật tài danh. Bao nhiêu năm cũng không thể quên một con người như thế.

– Hồi này ông còn coi đá banh không ?

– Đôi khi xem truyền hình, không coi đá banh thì chẳng biết coi cái gì. Thế nên vẫn coi.

– Ông thấy hồi này các nhà bình luận thể thao thế nào ?

– Tôi chỉ biết về những người bình luận “bóng đá” trên truyền hình thôi. Hiện nay có một số người trẻ tuổi, tôi chỉ nhớ ở đài truyền hình Hà Nội có Long Vũ, anh em Quang Tùng và Quang Huy, thường xuyên có tiếng nói ở các trận đấu quan trọng trong nước cũng như những trận của nước ngoài. Ở Sài Gòn có Lý Chánh, Anh Tuấn... Họ mua quyền phát sóng trực tiếp từ các kênh thể thao quốc tế và ngồi tường thuật bằng tiếng Việt. Đôi khi họ bê nguyên con tiếng Anh ở các kênh như Star Sport.

– Theo ông thì người nào bình luận nổi nhất ?

Suy nghĩ một chút, ông Cẩm dứt khoát :

– Nói cho đúng, họ sà sà nhau. Nếu cần phải đưa ra một so sánh tạm thời thì tôi thấy có một bình luận viên của đài Đồng Nai là khá hơn cả. Trong thời đại thông tin điện tử bùng nổ này, họ có lợi thế là lấy được rất nhiều tư liệu trên net hoặc qua báo chí nước ngoài. Phần tài liệu của họ đầy đủ, có kiến thức bao quát, nhưng họ xen vào các trận đấu quá nhiều chi tiết làm giảm đi tính hấp dẫn của trận đấu đang diễn ra. Họ cho khán giả biết những cái chưa cần biết vội. Còn ông Huyền Vũ cho khán giả “thấy” cả những gì cần biết đang diễn ra. Ông Huyền Vũ nói năng lưu loát, tuôn trào như suối chảy thì bây giờ một vài người bình luận “ngắc ngứ, giật cục”, thường phải dừng lại để tìm chữ, tìm tên cầu thủ cho đúng, làm mất cái hứng thú của một trận đấu. Nếu sửa được những khuyết điểm này, họ sẽ khá hơn.

Ông Cẩm suy nghĩ trước khi tiếp :

– Nghe một trận ông Huyền Vũ tường thuật có cảm tưởng như ngồi trên sân banh đã đành, ông còn truyền cho thính giả ngồi nhà cả cái “máu me” của các cầu thủ đang đi banh, lừa banh, bị thương hoặc chiến thắng và ngay cả khi thua trận. Đôi khi, tôi cứ nghĩ là ông ấy đang đọc truyện trinh thám. Ngoài khả năng ra, ông ấy là một tài năng thiên phú đấy ông ạ.

Tôi cũng nghĩ như ông Cẩm. Bởi thiên tài cần phải có thêm yếu tố thiên phú, tức là cái của “trời cho”, như một người con gái đẹp hay xấu là do “thiên định”. Muốn đẹp như Tây Thi cũng chẳng được mà muốn xấu như Chung Vô Diệm cũng chẳng xong. Thế nên, cái chất giọng trầm ấm của Huyền Vũ là của trời cho. Và ông Cẩm kết luận giùm tôi:

– Không ai thay thế ông Huyền Vũ được.

Người trẻ tuổi ở đây vẫn còn biết ông Huyền Vũ



Khi tôi nói chuyện ông Huyền Vũ vừa tạ thế với một vài người trẻ tuổi như Khôi Hạo, năm nay chừng hơn ba mươi tuổi. Anh ta cũng biết và cũng nghe danh tiếng của ông Huyền Vũ, dù chưa một lần được nghe ông tường thuật bóng đá. Mấy người bạn Khôi Hạo ở tuốt vùng quê này cũng thế. Có vẻ như lớp tuổi ngoài ba mươi ở VN vẫn còn biết đến ông, có lẽ do “dư âm” của những bậc đàn anh kể lại. Nhưng lớp sau 30 chắc không còn biết gì về ông Huyền Vũ nữa. Tuy nhiên, những bài báo của những Phan Trần, Vũ Đức Vinh, Nguyễn Thiện Ân... và nhiều người khác nữa sẽ để lại hình ảnh và tiếng tăm của ông vang vọng mãi dù bất cứ ở đâu. Tôi cứ hy vọng rằng đã là người Việt Nam thì phải biết và nhớ đến ông Huyền Vũ.

Tôi tưởng nói như thế cũng là đủ cho tâm trạng của một người và không ít người hiện ở Sài Gòn tưởng nhớ đến ông Huyền Vũ với tất cả tấm lòng thương tiếc vô hạn của mình.

Nhà văn Lê Xuyên những ngày cuối đời

Gần 10 giờ đêm 2/3/2004, chị Lê Xuyên điện thoại cho tôi báo tin anh Lê Xuyên vừa mất lúc 9 giờ 20, tức là cách đó nửa giờ. Lời chị kèm theo rất chân tình :

– Tôi gọi cho anh trước khi gọi cho nhà đôn.

Tôi hiểu ý chị và phải nói tôi hiểu từ lâu mới đúng. Gia đình anh chị trong hoàn cảnh sinh sống rất khó khăn chật vật, vì thế nên tôi đã dặn chị trước : nếu có chuyện gì cần chị cứ gọi cho tôi. Tôi không tin vào tôi mà tin vào tình yêu thương của bạn bè từ khắp nơi luôn sẵn sàng giúp đỡ Lê Xuyên nên hứa ngay : Chị cứ lo mọi việc cho tang lễ của anh, còn chuyện khác để anh em chúng tôi lo. Chị vui vẻ :

– Nếu thế tôi an tâm rồi.

Buông điện thoại, tôi hoàn toàn không ngạc nhiên trước cái tin buồn này. Từ hai năm nay, Lê Xuyên nằm một chỗ, có thể nói thẳng nằm đó chờ ngày “về với ông bà”. Một năm trước đây thôi, anh phải vào bệnh viện, chị cũng gọi cho tôi, chị cho tôi xem giấy “nhập viện” của anh và số tiền phải trả. Tôi cũng lại làm cái nhiệm vụ thông báo cho một số anh em ở nước ngoài để kiếm tiền trả bệnh viện. Không phải chỉ có riêng chúng tôi mà còn những người quen khác của anh, những người bạn đồng hương, những người học cùng trường cùng lớp, có cả những người không hề quen biết cũng xúm nhau vào chung lo. Hầu như ai cũng hiểu rằng ngày “ra đi” của anh không xa. Nhưng may mắn, anh vẫn còn qua được vài mùa xuân. Những lần sau này tôi đến thăm anh, anh nằm đó nhưng tỉnh táo, không nói chuyện được song hỏi nhiều điều, anh vẫn nhớ, vẫn hiểu. Khi anh gật đầu, thỉnh thoảng có được một nụ cười, đôi mắt ánh lên một niềm vui. Nhất là khi tôi cố gợi lại một vài câu chuyện vớ vẩn từ hồi xa xưa chúng tôi gặp nhau ở ngoài đường hoặc ở toà soạn một vài tờ báo.

Để cho anh được sống lại với những kỷ niệm cũ, tôi kể lại một buổi sáng sớm vào khoảng năm 1971-72, sau một đêm đánh chấn với vợ chồng ông chủ báo Kịch Ảnh đường Cống Quỳnh, tôi lái xe về nhà. Qua đường Lê Lai, tôi thấy Lê Xuyên cúi đầu đi trên hè phố. Tôi đậu xe sát lại, Lê Xuyên vẫn chưa thềm nhận ra là xe của ai. Tôi bóp còi, lúc đó anh mới ngược lên nhìn và toét miệng cười. Ít khi ông Lê Xuyên cười lắm. Tôi đẩy cửa xe, thò đầu ra hỏi :

– Ăn sáng chưa ?

- Chưa... gì hết trội, có tiền đâu mà ăn.
- Lên đây, tôi đưa ông đi ăn sáng.
- Leo lên xe, anh hỏi thẳng :
- Đem qua được hay thua ?
- Được.
- Nhà không còn một xu, tui để tiền trong túi cũng hết luôn.
- Tôi cười và hiểu cái sự “hết tiền trong túi” của anh dù mới lãnh lương. Móc trong cốp xe, tôi chia cho anh một nửa số tiền được bạc đem hôm qua và dặn dò rất kỹ :
- Mang về toà soạn cất vào ngăn kéo để tiêu dần dần.
- Ủ, tốt. Ông ăn sáng chưa, cho tôi đi với. Lâu rồi không được ăn đồ Tây.
- Tôi cười :
- Ra Givral hay Brodard, ông thích chỗ nào.
- Đâu cũng được.
- Chúng tôi ra Givral, sáng sớm tinh mơ chỉ có hai bàn có khách. Tôi gọi mì jambon là món “đặc sản” ở đây còn Lê Xuyên gọi omelette jambon ngồi nhai bồm bẻm lấy làm thú vị lắm. Ăn xong tôi bảo ông có tiền rồi, lấy xe taxi về toà soạn, tôi phải về nhà thay quần áo rồi còn vào phải vào sở chào cờ vì hôm nay là sáng thứ hai. Lê Xuyên cười hi hi :
- Cả đời tôi chưa biết chào cờ là cái gì. Tôi chỉ chào ông chủ báo khi lần đầu tiên đến làm. Ngô Quân cũng thế mà Hồ Anh cũng thế.
- Thỉnh thoảng tôi đưa bài đến báo Thời Thế, đôi khi vào buổi trưa, tôi lại rủ Lê Xuyên đi ăn trưa, hôm có tiền thì chui vào Chợ Lớn ăn cơm Tàu Bát Đạt. Có lần tôi rủ :
- Chúng tớ có cái phòng thuê ở trên lầu ba để thỉnh thoảng chơi phé, lấy tiền sâu gửi lại tay quản lý nên bất cứ lúc nào cần phòng là có ngay. Ông có muốn nằm lại đây một buổi không ?
- Bản tính anh hiền lành nên hỏi lại :
- Nằm làm gì, tôi phải về làm việc chứ.
- Ông ngây thơ thật hay ngây thơ cụ, ông cứ lên với tôi là biết ngay “nằm làm gì”. Ông muốn Tàu cũng có mà ta cũng có.

Dĩ nhiên đến nước này thì ông bạn tôi phải hiểu, nhưng ông lắc đầu quày quẩy như anh con trai mới lớn bị bà mẹ bắt lấy vợ sớm. Tôi đưa ông trở lại toà soạn và xác nhận với anh em rằng “Lê Xuyên nó đứng đắn thật các ông ạ”. Một ông bạn tôi cãi : “Nó nhát chứ đứng đắn cái gì”. Thôi thì nhát cũng được, đứng đắn cũng được nhưng nó không giống tui mình. Và một điều ai cũng nhận thấy là chưa bao giờ thấy mặt Lê Xuyên ở bất cứ cái phòng trà tiệm nhậu nào, ngay cả chỗ đồng người anh cũng tránh. Tôi cứ lảm cẩm ngồi nhắc lại từng chuyện khiến anh thú lắm, đó là lúc anh được sống với dĩ vãng.

Cũng vào khoảng thời gian đó, tờ báo Thời Thế có một loạt bài điều tra phóng sự về một vụ tham nhũng của một ông “Tướng Vùng”. Ông Tướng nhờ một Đại tá và một Trung tá gặp tôi để nhờ tôi can thiệp. Tôi chẳng biết trắng đen ra sao, nhưng đã có lời nhờ thì tôi làm. Tôi gọi điện thoại cho Lê Xuyên để nói với anh những gì tôi được nghe và đề nghị anh “thông cảm” cho ngưng loạt bài đó kẻo làm mất uy tín của một người chỉ huy vùng chiến thuật. Lê Xuyên nói ngay :

- Ông nói thì tôi nghe, nhưng để tôi thu xếp với anh em cho có đầu có đuôi.

Sau đó tôi điện thoại cho ông chủ báo Hồ Anh, lúc đó tôi mới biết đã có một hai ông nghị sĩ dân biểu can thiệp, nhưng Lê Xuyên vẫn cứ tiếp tục cho đăng loạt bài này. Ông Hồ Anh bảo tôi cứ nói chuyện với Lê Xuyên, nếu anh ấy chịu thì không có gì trở ngại.

Chỉ có thế thôi. Rất bất ngờ, hôm sau tôi đọc được hàng chữ trên trang nhất : “Vì có người bạn chúng tôi can thiệp nên chúng tôi thấy cần phải chấm dứt loạt phóng sự này”.

Quả thật đó là điều khiến tôi hết sức cảm động và ngay lúc đó tôi trở nên áy náy vì biết đâu đó là một sự thật mà công sức của anh phóng viên trẻ đã bỏ ra bị tôi “kỳ đà cản mũi”. Tôi gọi lại cho Lê Xuyên, anh chỉ cười :

– Thông cảm với phóng viên rồi, nó bảo ngưng cũng được, viết thế đủ rồi.

Tôi rủ anh đi ăn trưa, anh nói :

– Tôi vừa ngưng phóng sự mà đi ăn với ông thì khác gì đi ăn hối lộ. Thôi hôm nào ông được bạc mình lại đi ăn đồ Tây. Hôm nay tôi bận quá ông ạ.

Lê Xuyên cúp máy và tôi thì cứ ân hận, chẳng hiểu vì sao. Chuyện này còn có nhiều nhân chứng còn sống ở đâu đó, may ra họ còn nhớ. Tôi thì chẳng bao giờ quên.

Hơn mười năm sau, khi tôi ở trại cải tạo ra, Thanh Thương Hoàng dẫn tôi đến thăm Lê Xuyên. Anh ngồi bán thuốc lá lẻ ở một góc phố (*). Chiếc quầy thuốc bé tẹo nhưng cũng đủ che hết tấm thân gầy gò của anh. Chúng tôi nhìn nhau và cùng cảm thông rất sâu sắc cái thân phận mình lúc này. Anh chớp mau mắt nói như để an ủi hơn mười hai năm tù của tôi :



Vân Quang & phu nhân (Ngân) - Dương Xuân

– Trông ông vẫn cứ phong độ như ngày nào.

Tôi thẳng thừng thương bạn :

– Còn ông, trông chán bỏ mẹ. Đ... khóc được chứ...

Hai bàn tay bạn tôi run lên, lật bật dứt chiếc chìa khoá vào ngăn tủ kính để mấy gói ba số năm bán lẻ (hồi đó ba số năm quý lắm) :

– Hút thuốc lá không ?

– Không, tớ hút thuốc Lào quen rồi, về đây hút thứ nặng hơn mới đủ đô.

Thanh Thương Hoàng rủ sang bên con hẻm phía trước ăn sáng. Đó là con hẻm lỏi đi vào một ngôi chùa hay ngôi đình gì đó. Không có hủ tít, Lê Xuyên phải chạy đi gọi ở một nơi nào quen bán chịu cho anh ở gần đó. Lê Xuyên trở lại với con người thật của anh. Vẫn hiền lành, cười tùm và chân quê. Phải nhìn thấy cái cười tùm của anh mới biết tại sao anh viết về những cuộc tình của những đôi trai gái đồng ruộng miền Nam hay đến như thế, láu cá đến như thế. Tôi nhủ thầm : Thằng cha này tâm ngằm tâm ngằm mà ghê lắm đấy. Nó không nói mà chỉ viết nên nó viết được nhiều hơn mình. Chỉ có nó mới viết được những “dòng chảy ngầm” của trai gái thôn quê miền Nam thật đến thế và hấp dẫn đến thế. Lê Xuyên khác với một số những cây bút hoàn toàn Nam Bộ như Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam ở chính cái “thật” của anh, tiểu thuyết của anh không màu mè, không lý luận, không khoác bộ áo nghiên cứu sưu tầm về phong tục tập quán dưới hình thức này hoặc dáng vẻ khác. Từng động tác, từng thái độ, từng lối ứng xử trong nhân vật của anh cứ như những con người thật lồ lộ đang ở trước mặt chúng ta vậy.

Trước mặt tôi, ông già Lê Xuyên vẫn còn cái hóm hỉnh riêng, nhưng bây giờ thì như anh nói : “..Đếch viết nữa”. Tôi hỏi không viết được hay không thích ? Câu trả lời của anh gọn lỏn : “Bỏ đi Tám”. Tôi không thể hiểu nổi ba chữ “bỏ đi Tám” mà anh dùng. Có một nỗi chua chát nào đó trong cái tâm sự thật của anh ? Đến cái thẻ chứng minh nhân dân anh cũng không muốn làm nên anh ở nhà anh mà anh không có tên trong sổ hộ khẩu, cứ như ở lậu, công dân lậu. Thái độ đó có đồng nghĩa với sự “Bỏ đi Tám” của anh không ? Chỉ có anh mới hiểu và bây giờ anh mang theo anh về thế giới bên kia.

Cách đây vài năm, tôi có viết một bài về Lê Xuyên và may mắn nhận được sự giúp đỡ thiết

thực của khá nhiều bạn bè. Trong đó có một vài tờ báo muốn đăng lại những truyện dài của anh, tôi hỏi, anh chỉ lắc đầu: “Chẳng còn cuốn nào” và cả chị Lê Xuyên cũng không kiếm được cuốn nào cả.



Nhà văn Lê Xuyên

Ba năm sau cùng, anh không còn sức để ngồi bán thuốc lá lẻ nữa. Thịnh thoảng tôi và Nguyễn Thụy Long đến thăm anh, cố dìu anh ra quán cà phê cuối ngõ ngồi lai rai tâm sự vặt. Hai năm sau này thì dù chúng tôi có cố lôi anh đi cũng không nổi nữa. Anh như cái bóng trong góc tối của gian phòng chật chội vây quanh bởi hàng trăm thứ linh kinh nào bàn ghế, chai lọ, giường tủ. Chỉ có cô con gái út săn sóc cho anh, bà vợ và các con lớn của anh vất vả với công việc hàng ngày. Cái chết đến từ từ theo từng ngày giờ buồn tênh, dường như anh chán cả cái sống và cái chết, không thêm chú ý đến nó nữa.

Khi tôi đến với anh lần cuối là lúc các con anh đang thay quần áo cho anh trước khi nhập quan. Cái thân hình gầy gò trần trụi của anh phơi ra, tất cả chỉ còn có thể. Tôi chuyển ngay cho chị số tiền mà tôi mới gửi e-mail tối hôm qua thông tin về sự ra đi của anh, nhanh chóng được đáp ứng. Các bạn ở Virginia, San Jose, Santa Ana yêu cầu tôi chuyển tiền đến lo tang lễ cho anh. Một người bạn đưa ngay đến 2 triệu và mang đến vòng hoa đầu tiên của bạn bè Sài Gòn. Hôm sau chị Lê Xuyên với bà con đến phúng :

– Có các bác bạn văn của nhà tôi giúp nên tôi mạnh tay làm đủ thứ việc cho nhà tôi. Mạnh vì gạo bạo vì tiền, có phải không các bác ? Không có bạn bè, tôi chẳng còn biết xoay sở ra sao. Tôi nói với chị :

– Chắc sẽ còn nữa, có một số anh em chưa gửi về kịp, xin chị an tâm đi tiếp con đường ai cũng phải đi.

Buổi chiều ngày 5/3, đúng hai giờ lễ động quan bắt đầu, giữa trời nắng chang chang, chúng tôi đưa người quá cố đến nghĩa trang Bình Hưng Hoà. Có rất nhiều người bên hè phố lặng lẽ tiễn đưa anh. Đám tang nhà văn Lê Xuyên không ồn ào như đám tang của những nhà nghệ sĩ mà ở đây người ta cho rằng đó là những “nhà nghệ sĩ lớn”, nhưng những con người trầm lặng ấy đưa tiễn anh với tất cả tấm lòng mình. Họ không nói gì, không có kèn saxo như trong đám tang Trịnh Công Sơn, không có những giọt nước mắt dài ngắn thở than của những danh ca nghệ sĩ, không có những bài “điếu văn” lâm ly bi đát, nhưng đám tang Lê Xuyên đầy ắp những tình yêu thương từ xa xưa đọng lại, từ bốn phương, tám hướng lãng đãng bay về phủ kín khung trời Sài Gòn.

() Xe thuốc lá đẩy nằm trên đường Nguyễn Tri Phương Q10
(chú thích motthoisaiigon)*